

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP
KHẨU NGUYÊN PHỤ LIỆU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ
PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ**

SINH VIÊN THỰC HIỆN: LÊ THỊ THANH HIỀN

MSSV: 2254050063

KHOÁ HỌC: 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN LOGISTICS
VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU
NGUYÊN PHỤ LIỆU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA
THỌ**

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: THS. TRẦN THỊ HẢI

SINH VIÊN THỰC HIỆN: LÊ THỊ THANH HIỀN

MSSV: 2254050063

LỚP: 22LC2

KHOÁ HỌC: 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NĂM HỌC: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện:

- Họ và tên sinh viên: Lê Thị Thanh Hiền
- Chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2025 – 2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp

“Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ.”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

- ThS. Trần Thị Hải

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp

- 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp

- 30/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CẢM ƠN

Đầu tiên, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, cùng quý thầy cô Khoa Kinh tế và toàn thể giảng viên đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức nền tảng cả về lý thuyết lẫn thực tiễn trong suốt quá trình học tập. Những kiến thức và kỹ năng mà thầy cô trang bị đã giúp em có cơ sở vững chắc để vận dụng vào thực tế, đặc biệt trong thời gian thực tập vừa qua. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến **ThS. Trần Thị Hải** – giảng viên hướng dẫn đã luôn tận tâm hỗ trợ, định hướng và góp ý cho em trong suốt quá trình thực hiện báo cáo thực tập. Những nhận xét và hướng dẫn quý báu của cô đã giúp em hoàn thiện nội dung bài báo cáo một cách khoa học và đầy đủ hơn.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn đến **Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ** đã tạo điều kiện thuận lợi để em được thực tập tại đơn vị. Em xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo công ty cùng các anh/chị nhân viên đã hỗ trợ cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực tế và tận tình hướng dẫn em trong quá trình làm việc. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến **anh Huỳnh Ngọc Anh Khoa** – Trưởng phòng Xuất nhập khẩu may và **chị Ngô Thị Thu Sương** – người trực tiếp hướng dẫn tại đơn vị, cùng các anh/chị trong phòng đã luôn hỗ trợ, tạo điều kiện để em được tiếp cận công việc thực tế, qua đó giúp em hiểu rõ hơn về chuyên ngành và nâng cao sự tự tin trong định hướng nghề nghiệp.

Trong quá trình thực hiện do hạn chế về thời gian cũng như kinh nghiệm thực tiễn, bài báo cáo của em khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô và doanh nghiệp để có thêm cơ hội hoàn thiện kiến thức chuyên môn, nâng cao kỹ năng thực tiễn cũng như tích lũy thêm kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình học tập và làm việc sau này.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn và kính chúc quý thầy cô cùng toàn thể anh/chị tại Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ luôn dồi dào sức khỏe và đạt nhiều thành công trong công việc!

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Thanh Hiền

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH, ĐỒ THỊ	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	viii
LỜI MỞ ĐẦU.....	xi
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU.	1
1.1. TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU	1
1.1.1 Khái niệm hàng nhập khẩu	1
1.1.2 Vai trò hàng nhập khẩu.....	2
1.1.3 Đặc điểm hàng nhập khẩu	3
1.1.4 Khái niệm thủ tục hải quan	4
1.1.5 Khái niệm người khai hải quan.....	4
1.1.6 Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan	4
1.2. QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	7
1.2.1 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu	7
1.2.2 Nội dung các bước quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu.....	8
1.3. CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LÝ VÀ HỆ THỐNG CÁC CHỨNG TỪ LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU.....	13
1.3.1 Các quy định của pháp lý về thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu....	13
1.3.2 Hệ thống các chứng từ thủ tục hải quan nhập khẩu	15
1.3.2.1 Tờ khai hải quan (Customs Declaration)	15
1.3.2.2 Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract)	16
1.3.2.3 Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)	16
1.3.2.4 Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List)	17
1.3.2.5 Vận đơn (Bill of Lading/Airway Bill)	19
1.3.2.6 Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)	25
1.3.2.7 Giấy phép nhập khẩu	26

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU NGUYÊN PHỤ LIỆU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.	28
2.1. KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ...	28
2.1.1 <i>Lịch sử hình thành và phát triển Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.</i>	28
2.1.2 <i>Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi</i>	31
2.1.3 <i>Ngành nghề kinh doanh</i>	31
2.1.4 <i>Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ</i>	32
2.1.4.1 <i>Cơ cấu tổ chức</i>	32
2.1.4.2 <i>Chức năng nhiệm vụ</i>	33
2.1.5 <i>Tình hình sử dụng nguồn lực của công ty</i>	36
2.1.5.1 <i>Cơ sở vật chất</i>	36
2.1.5.2 <i>Nguồn nhân lực</i>	39
2.1.5.3 <i>Nguồn tài chính</i>	40
2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.....	44
2.2.1 <i>Tổng quan về hoạt động kinh doanh của công ty</i>	44
2.2.1.1 <i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	44
2.2.1.2 <i>Thị trường</i>	45
2.2.1.3 <i>Khách hàng</i>	46
2.2.1.4 <i>. Cơ cấu doanh thu</i>	47
2.2.1.5 <i>Đối thủ cạnh tranh</i>	48
2.2.2 <i>Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ</i>	52
2.3. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG NHẬP KHẨU NGUYÊN PHỤ LIỆU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.....	56
2.3.1 <i>Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ</i>	56
2.3.2 <i>Phân tích quy trình thủ tục hải quan hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ</i>	57

2.4. ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG NHẬP KHẨU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.....	76
2.4.1 Ưu điểm.....	76
2.4.2 Nhược điểm.....	77
2.4.3 Nguyên nhân.....	78
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ.	80
3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	80
3.1.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh	80
3.1.2 Định hướng & mục tiêu phát triển chung của công ty trong thời gian tới....	82
3.1.2.1 Định hướng phát triển của công ty.....	82
3.1.2.2 Mục tiêu phát triển	83
3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.....	84
3.2.1 Giải pháp thiết lập thêm tính năng tích hợp và đối chiếu chứng từ nhập khẩu trên hệ thống ERP.....	84
3.2.2 Giải pháp xây dựng SLA và Dashboard theo dõi tiến độ quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu trên ERP.....	87
3.2.3 Giải pháp tổ chức Chương trình Tập huấn nghiệp vụ xuất nhập khẩu	91
3.2.4 Giải pháp xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro trong khai báo hải quan ...	93
3.3. Kiến nghị.....	96
3.3.1 Kiến nghị với Ban giám đốc.....	96
3.3.2 Kiến nghị với Phòng Xuất nhập khẩu	97
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	98
KẾT LUẬN CHUNG.....	100

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Bảng thống kê cơ sở vật chất tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ.	36
Bảng 2.2. Bảng thống kê nguồn nhân lực năm 2023, năm 2024, năm 2025.....	39
Bảng 2.3. Bảng cân đối kế toán Năm 2023, Năm 2024, Năm 2025 (Tài sản)	41
Bảng 2.4. Bảng cân đối kế toán Năm 2023, Năm 2024, Năm 2025 (Nguồn vốn).....	42
Bảng 2.5. Cơ cấu doanh thu năm 2023 – 2025 Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.....	47
Bảng 2.6. Bảng so sánh ưu điểm và nhược điểm của Tổng Công ty May 10 và Tổng Công ty May Việt Tiến.....	49
Bảng 2.7. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023 – 2025) ..	52
Bảng 3.1. Bảng SLA quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu.....	89

DANH MỤC HÌNH ẢNH, ĐỒ THỊ

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình cơ bản thủ tục hải quan hàng nhập khẩu	7
Hình 1.2. Phân luồng tờ khai hải quan.	9
Hình 2.1. Logo Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	28
Hình 2.2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ	31
Hình 2.3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.	32
Hình 2.4. Khu vực may và sản xuất sợi của Hòa Thọ	37
Hình 2.5. Hòa Thọ áp dụng công nghệ cắt vải tự động	38
Hình 2.6. Các sản phẩm sợi	44
Hình 2.7. Các sản phẩm may xuất khẩu	44
Hình 2.8. Các sản phẩm may mặc nội địa	45
Hình 2.9. Thị trường xuất khẩu của Hòa Thọ năm 2025	46
Hình 2.10. Cơ cấu doanh thu thuần của ngành may và sợi tại Công ty.	55
Hình 2.11. Quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu loại hình sản xuất xuất khẩu tại Tổng công ty CP Dệt may Hòa Thọ	56
Hình 2.12. Hợp đồng ngoại thương	58
Hình 2.13. Hóa đơn thương mại và Phiếu đóng hàng	58
Hình 2.14. Vận đơn	59
Hình 2.15. Bảo hiểm hàng hóa	59
Hình 2.16. Hóa đơn vận chuyển	60
Hình 2.17. Phiếu tạm nhập kho	61
Hình 2.18. Đăng ký mới tờ khai nhập khẩu (IDA)	62
Hình 2.19. Tab thông tin chung	62
Hình 2.20. Thông tin đơn vị xuất nhập khẩu	64
Hình 2.21. Thông tin vận đơn	64
Hình 2.22. Tab thông tin chung 2	65
Hình 2.23. Danh sách hàng	66
Hình 2.24. Lấy số tờ khai	68
Hình 2.25. Tờ khai nhập khẩu	68
Hình 2.26. Lấy kết quả phân luồng, thông quan	69
Hình 2.27. Thực hiện đính kèm chứng từ	70
Hình 2.28. Sửa bổ sung thông tin	71

Hình 2.29. Nộp thuế và thông quan hàng hóa	73
Hình 2.30. Thông báo hàng đến (Arrival note)	74
Hình 2.31. Phần mềm Hoatho Smart 4.0 quản lý kho.....	75

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa Tiếng Anh	Nghĩa Tiếng Việt
1	A/N	Arrival Notice	Thông báo hàng đến
2	B/L	Bill of Landing	Vận đơn
3	SXXK		Sản xuất xuất khẩu
4	HĐQT		Hội đồng quản trị
5	C/O	Certificate of Origin	Chứng nhận xuất xứ hàng hóa
6	XNK		Xuất nhập khẩu
7	NPL		Nguyên phụ liệu
8	HS code	Harmonized system code	Hệ thống mã số phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu chuẩn quốc tế
9	Packing list		Phiếu đóng gói hàng hóa
10	KD		Kinh doanh
11	TCKT		Tài chính - Kế toán
12	CTCP		Công ty Cổ phần
13	ERP	Enterprise Resource Planning	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
14	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
15	AWB	Airway Bill	Vận đơn hàng không
16	CIF	Cost, Insurance and Freight	Giá thành, bảo hiểm và cước phí

17	CFR	Cost and Freight	Tiền hàng và cước phí
18	DNCX		Doanh nghiệp chế xuất
19	ECUS	Electronic Customs Software	Phần mềm khai báo hải quan điện tử
20	EVFTA	European – Vietnam Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu
21	FOB	Free On Board	Giao hàng lên tàu
22	FCL	Full Container Load	Hàng nguyên container
23	GC		Gia công
24	IDC	Import Declaration Confirmation	Đăng ký tờ khai nhập khẩu
25	IDA	Import Declaration Application	Khai thông tin nhập khẩu
26	KPI	Key Performance Indicator	Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc
27	L/C	Letter of Credit	Thư tín dụng
28	SLA	Service Level Agreement	Thỏa thuận mức độ dịch vụ
29	VCIS	Vietnam Customs Intelligence Information System	Hệ thống thông tin tình báo hải quan Việt Nam

30	VNACCS	Vietnam Automated Cargo Clearance System	Hệ thống thông quan hàng hóa tự động Việt Nam
31	VLA	Vietnam Logistics Business Association	Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam
32	WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới
33	RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động phức tạp như lạm phát, xung đột địa chính trị và sự suy giảm sức mua, ngành dệt may Việt Nam nói chung đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh vô cùng gay gắt từ các quốc gia xuất khẩu lớn như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ. Tuy nhiên, việc tham gia sâu rộng vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, RCEP cũng mở ra những cơ hội lớn cho doanh nghiệp tiếp cận các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Châu Âu với nhiều ưu đãi thuế quan. Để tận dụng tối đa các ưu đãi này, hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất xuất khẩu đóng vai trò như một mắt xích cốt lõi quyết định đến chi phí đầu vào và chất lượng sản phẩm.

Là một thành viên chủ lực của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex), Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng hàng may mặc quốc tế. Hiện nay, doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, giúp phần lớn các tờ khai được phân vào luồng xanh, rút ngắn đáng kể thời gian thông quan. Dù vậy, quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất tại công ty vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản từ môi trường kinh doanh. Các chính sách pháp luật về hải quan, mã HS, phân loại hàng hóa và quản lý chuyên ngành liên tục được điều chỉnh, đòi hỏi độ chính xác tuyệt đối trong khâu kê khai chứng từ.

Trong thực tế vận hành tại Hòa Thọ, quy trình này vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định: việc cập nhật chính sách thuế và hải quan còn gặp nhiều khó khăn; sự phối hợp thông tin về hóa đơn, mô tả hàng hóa giữa phòng Kinh doanh và bộ phận Xuất nhập khẩu chưa thực sự đồng bộ; công tác quản lý và kiểm tra chứng từ vẫn phụ thuộc nhiều vào phương thức thủ công, dẫn đến một số sai sót, nhầm lẫn mã loại hình khai báo hoặc sửa đổi tờ khai nhiều lần. Bất kỳ một sự chậm trễ hay sai sót nhỏ nào trong khâu thông quan hải quan đều có nguy cơ làm phát sinh chi phí lưu kho bãi, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ nhận hàng, từ đó kéo theo sự gián đoạn kế hoạch sản xuất và làm chậm tiến độ giao hàng cho khách hàng quốc tế.

Xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của thị trường cùng với yêu cầu nâng cao năng lực quản trị rủi ro, hiện đại hóa và chuyển đổi số trong công tác quản lý xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp, việc nghiên cứu một cách toàn diện và khoa học nhằm tìm kiếm

giải pháp tối ưu là vô cùng cần thiết. Chính vì vậy, tác giả đã quyết định lựa chọn đề tài: **"Thực trạng quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ"** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Phân tích, đánh giá một cách toàn diện thực trạng quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao nhằm hoàn thiện quy trình, giảm thiểu sai sót, tối ưu hóa chi phí phát sinh trong quá trình thông quan và thúc đẩy xu hướng chuyển đổi số, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Hệ thống hóa cơ sở lý luận: Hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, quy trình thủ tục và khai báo hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu trong doanh nghiệp.

Mô tả và làm rõ quy trình thực tế: Tìm hiểu, mô tả chi tiết quy trình khai báo hải quan đối với hàng nhập khẩu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ; làm rõ các bước thực hiện, bộ chứng từ sử dụng, sự phối hợp giữa các bộ phận nội bộ và mối quan hệ với các bên liên quan.

Phân tích việc ứng dụng công nghệ: Trình bày và phân tích thực trạng ứng dụng các hệ thống, phần mềm khai báo hải quan điện tử trong thực tế tại doanh nghiệp (cụ thể là hệ thống VNACCS/VCIS và phần mềm ECUS5-VNACCS), nhằm làm rõ vai trò và hiệu quả khai thác công nghệ trong quá trình thông quan.

Đánh giá ưu điểm và hạn chế: Đánh giá những kết quả đạt được cũng như nhận diện các mặt hạn chế, rào cản và rủi ro còn tồn tại trong quy trình khai báo hải quan (bao gồm cả các vấn đề kỹ thuật phát sinh khi sử dụng hệ thống khai báo điện tử và sự đồng bộ dữ liệu chứng từ).

Xác định nguyên nhân gốc rễ: Phân tích kỹ lưỡng các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên dưới tác động của các yếu tố: năng lực con người, tính chuẩn hóa của quy trình vận hành và hiệu năng của hệ thống công nghệ hỗ trợ.

Đề xuất giải pháp hoàn thiện: Đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị mang tính thực tiễn cao, có khả năng áp dụng trực tiếp tại doanh nghiệp nhằm hoàn thiện quy trình

khai báo hải quan, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng phần mềm và phù hợp với xu hướng chuyển đổi số của ngành Hải quan hiện nay.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Quy trình thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ - Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi không gian

Nghiên cứu được tiến hành trong phạm vi phòng Xuất nhập khẩu may – Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.

3.3. Phạm vi thời gian

Số liệu và thông tin nghiên cứu được thu thập trong gian đoạn năm 2023 đến 2025.

3.4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính để thực hiện nghiên cứu đề tài

- *Dữ liệu sơ cấp*: Dữ liệu sơ cấp được chính người thực hiện nghiên cứu thông qua hình thức quan sát và trao đổi trực tiếp xuyên suốt quá trình thực tập tại công ty nhằm mục đích tìm hiểu đúng quy trình kinh doanh nhập khẩu nguyên phụ liệu thực tế tại doanh nghiệp.

- + Trao đổi với chuyên gia là các anh chị nhân viên phòng Kinh doanh Sợi phụ trách nhiệm vụ phân kinh doanh đơn hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu (3 người) của công ty Hòa Thọ, đưa ra những câu hỏi có mục đích để thu thập thông tin cho hoạt động nhập khẩu và các hạn chế cũng như vấn đề thường gặp trong quá trình làm việc.

- + Quan sát các anh chị nhân viên phòng Kinh doanh sợi làm việc để bổ sung thông tin cho phần thực trạng hoạt động nhập khẩu tại công ty.

- *Dữ liệu thứ cấp*:

- + Dữ liệu từ việc tìm kiếm trên internet và trang web của công ty: Có thể thu thập được những thông tin về lịch sử phát triển, các dịch vụ công ty cung cấp hay sơ đồ tổ chức của công ty.

- + Nghiên cứu, đánh giá về tình hình kinh doanh và hoạt động nhập khẩu của công ty dựa trên các số liệu thống kê được từ các báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh, tài liệu liên quan đến hoạt động xuất khẩu và các tài liệu nội bộ khác của Công ty Dệt may Hòa Thọ.

+ Sử dụng các tài liệu trong các môn học để làm cơ sở lý thuyết, từ đó phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động nhập khẩu của công ty Hòa Thọ.

- Ngoài ra, còn sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp để hệ thống hóa các thông tin thu thập được, kết hợp với phương pháp so sánh nhằm đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn tại doanh nghiệp. Qua đó, làm rõ những điểm khác biệt, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thực hiện quy trình thủ tục hải quan.

4. Kết cấu khoá luận

Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu.

Chương 2: Thực trạng quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU.

1.1. TỔNG QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU

1.1.1 *Khái niệm hàng nhập khẩu*

Căn cứ theo quy định tại Điều 28 Luật Thương mại 2005 về nhập khẩu hàng hóa cụ thể như sau: Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật. (Luật Thương mại, 2005)

- *Ưu điểm:*

- Nhập khẩu giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn nguyên vật liệu, máy móc và công nghệ với chi phí hợp lý hơn.

Trong nhiều trường hợp, việc nhập khẩu từ các quốc gia có lợi thế về sản xuất sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào so với sản xuất trong nước. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các ngành cần nguyên liệu đặc thù hoặc công nghệ cao. Qua đó, doanh nghiệp có điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình sản xuất và gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Nhập khẩu giúp doanh nghiệp đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thông qua hoạt động nhập khẩu, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận và cung ứng các loại hàng hóa mà thị trường trong nước chưa đủ khả năng sản xuất hoặc chưa đáp ứng đầy đủ về số lượng, chất lượng. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường và đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng phong phú của khách hàng.

- *Nhược điểm:*

- Đầu tiên, nhập khẩu làm gia tăng sự phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài. Khi doanh nghiệp phụ thuộc vào nguyên vật liệu hoặc hàng hóa nhập khẩu, bất kỳ biến động nào từ thị trường quốc tế như gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động tỷ giá hay thay đổi chính sách thương mại đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thứ hai, chi phí chuỗi cung ứng cao. Các khoản chi phí như vận chuyển quốc tế, bảo hiểm, thuế nhập khẩu và thủ tục hải quan có thể làm tăng đáng kể giá thành

hàng hóa. Đặc biệt đối với các mặt hàng có khối lượng lớn hoặc vận chuyển đường dài, chi phí logistics có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Thứ ba, chịu tác động của các rào cản thương mại. Hàng hóa nhập khẩu phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm dịch và thủ tục hành chính. Ngoài ra, các chính sách bảo hộ như thuế nhập khẩu, hạn ngạch hay quy định kỹ thuật có thể làm hạn chế khả năng tiếp cận thị trường.

- Thứ tư, hạn chế quyền kiểm soát nguồn hàng. Khi nhập khẩu thông qua đối tác nước ngoài, doanh nghiệp khó kiểm soát hoàn toàn về chất lượng, thời gian giao hàng và điều kiện cung ứng. Điều này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, uy tín thương hiệu và mức độ hài lòng của khách hàng.

1.1.2 Vai trò hàng nhập khẩu

Trong hoạt động thương mại quốc tế, nhập khẩu cùng với xuất khẩu tạo thành hai bộ phận cấu thành quan trọng của hoạt động ngoại thương. Nếu xuất khẩu góp phần đưa hàng hóa ra thị trường quốc tế thì nhập khẩu lại đóng vai trò bổ sung nguồn lực cần thiết cho nền kinh tế trong nước. Vì vậy, hoạt động nhập khẩu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia mà còn đối với quá trình hội nhập và trao đổi thương mại toàn cầu.

Nhập khẩu góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước thông qua việc bổ sung các mặt hàng mà thị trường nội địa chưa có khả năng sản xuất hoặc chưa đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng, việc nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài giúp ổn định nguồn cung, hạn chế tình trạng khan hiếm hàng hóa và góp phần duy trì sự cân đối của nền kinh tế.

Hoạt động nhập khẩu còn giúp thị trường hàng hóa trong nước trở nên phong phú và đa dạng hơn. Việc có thêm nhiều sản phẩm đến từ các quốc gia khác nhau tạo điều kiện cho người tiêu dùng có thêm nhiều sự lựa chọn đáp ứng nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Đồng thời, sự đa dạng về mẫu mã, chất lượng và giá cả cũng góp phần thúc đẩy tính cạnh tranh trên thị trường.

Nhập khẩu còn góp phần hạn chế tình trạng độc quyền hàng hóa trong nền kinh tế. Khi nhiều doanh nghiệp và thương hiệu nước ngoài tham gia vào thị trường nội địa, môi trường cạnh tranh trở nên sôi động và minh bạch hơn. Điều này tạo động lực để các doanh nghiệp trong nước không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và cải thiện hiệu quả hoạt động nhằm nâng cao năng lực vị trí cạnh tranh trên thị trường.

Hoạt động nhập khẩu còn tạo điều kiện cho quá trình tiếp cận công nghệ, kỹ thuật và phương thức quản lý tiên tiến từ các quốc gia phát triển. Thông qua việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và công nghệ hiện đại, doanh nghiệp trong nước có cơ hội nâng cao trình độ sản xuất, cải thiện năng suất lao động và từng bước hiện đại hóa hoạt động kinh doanh.

Đồng thời, nhập khẩu cũng có mối quan hệ hỗ trợ chặt chẽ với hoạt động xuất khẩu. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu, công nghệ và máy móc hiện đại giúp nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất trong nước, từ đó gia tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường quốc tế. Qua đó, hoạt động nhập khẩu không chỉ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu mà còn góp phần nâng cao uy tín và vị thế của quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

1.1.3 Đặc điểm hàng nhập khẩu

Đối với các hoạt động kinh doanh và buôn bán trong nước thì nhập khẩu được biết đến là lĩnh vực phức tạp và có nhiều điểm khác biệt, cụ thể như sau:

- Trước hết, hoạt động nhập khẩu chịu sự điều chỉnh của pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế và tập quán thương mại quốc tế. Vì vậy, doanh nghiệp cần nắm rõ các quy định liên quan để hạn chế rủi ro trong quá trình giao dịch.
- Phương thức giao dịch trong nhập khẩu tương đối đa dạng và linh hoạt. Doanh nghiệp có thể tiến hành giao dịch trực tiếp với đối tác nước ngoài hoặc thông qua các tổ chức trung gian như đại lý, nhà môi giới thương mại. Ngoài ra, việc tìm kiếm đối tác và xúc tiến thương mại còn được thực hiện thông qua các hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế.
- Các phương thức thanh toán quốc tế cũng được áp dụng phong phú nhằm phù hợp với điều kiện giao dịch giữa các bên. Một số phương thức phổ biến gồm thanh toán bằng thư tín dụng (L/C), nhờ thu, thanh toán D/P hoặc các hình thức thanh toán khác theo thỏa thuận. Việc lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo an toàn tài chính và hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp.
- Đồng tiền sử dụng trong thanh toán nhập khẩu chủ yếu là ngoại tệ mạnh có khả năng chuyển đổi cao như USD, EUR hoặc GBP. Điều này khiến hoạt động nhập khẩu chịu ảnh hưởng đáng kể từ sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường quốc tế.

- Khi thực hiện nhập khẩu, các bên thường sử dụng các điều kiện thương mại quốc tế như FOB, CIF hoặc CFR để quy định trách nhiệm, chi phí và rủi ro của mỗi bên trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

- Hoạt động nhập khẩu cũng có quy trình thực hiện tương đối phức tạp, liên quan đến nhiều khâu như ký kết hợp đồng, vận tải quốc tế, thanh toán, bảo hiểm và thủ tục hải quan. Do đó, doanh nghiệp cần có đội ngũ nhân sự có chuyên môn nghiệp vụ ngoại thương và khả năng xử lý tình huống phát sinh thực tế.

- Hoạt động nhập khẩu các mặt hàng từ nước ngoài về luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro như biến động tỷ giá, chậm trễ giao hàng, tổn thất hàng hóa hoặc tranh chấp thương mại. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa phù hợp, đặc biệt là lựa chọn loại hình bảo hiểm hàng hóa thích hợp nhằm giảm thiểu thiệt hại có thể phát sinh trong quá trình giao dịch quốc tế.

1.1.4 Khái niệm thủ tục hải quan

Theo quy định khoản 23 điều 4 của Luật Hải Quan 2014: “Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật Hải Quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.” (Luật Hải Quan, 2014)

1.1.5 Khái niệm người khai hải quan

Áp dụng khoản 14 điều 4 của Luật Hải quan 2014: “Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.” (Luật Hải quan, 2014)

1.1.6 Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan

Căn cứ vào khoản 1 Điều 18 Luật Hải quan 2014 (Luật Hải quan, 20214), người khai hải quan có quyền:

- “Được cơ quan hải quan cung cấp thông tin liên quan đến việc khai hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, hướng dẫn làm thủ tục hải quan, phổ biến pháp luật về hải quan.

- Yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa khi đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho cơ quan hải quan.

- Yêu cầu cơ quan hải quan kiểm tra lại thực tế hàng hóa đã kiểm tra, nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan hải quan trong trường hợp hàng hóa chưa được thông quan.

- Sử dụng hồ sơ hải quan để thông quan hàng hóa, vận chuyển hàng hóa, thực hiện các thủ tục có liên quan với các cơ quan khác theo quy định của pháp luật.
- Khiếu nại, tố cáo hành vi trái pháp luật của cơ quan hải quan, công chức hải quan.
- Yêu cầu bồi thường thiệt hại do cơ quan hải quan, công chức hải quan gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.”

Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan 2014 (Luật Hải quan, 2014) người khai hải quan có nghĩa vụ:

- “Khai hải quan và làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật Hải quan 2014
- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin để cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa.
- Thực hiện quyết định và yêu cầu của cơ quan hải quan, công chức hải quan trong việc làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.
- Khai và nộp tờ khai hải quan; nộp hoặc xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định.
- Đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định để kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.”

1.1.7 Vai trò thủ tục hải quan

Trong hoạt động xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan giữ vai trò quan trọng đối với cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Đây không chỉ là quy trình kiểm tra, giám sát hàng hóa khi qua biên giới mà còn là công cụ hỗ trợ Nhà nước quản lý hoạt động ngoại thương, đảm bảo ổn định kinh tế và thực hiện các chính sách thương mại quốc gia. Cùng với sự phát triển của thương mại quốc tế và quá trình hội nhập kinh tế, vai trò của thủ tục hải quan ngày càng được nâng cao và hoàn thiện theo hướng hiện đại, minh bạch và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Thứ nhất, thủ tục hải quan giúp Nhà nước kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo đúng quy định pháp luật. Thông qua quá trình khai báo, kiểm tra hồ sơ và giám sát hàng hóa, cơ quan hải quan có thể kiểm soát được nguồn gốc, số lượng, chủng loại cũng như mục đích sử dụng của hàng hóa khi lưu thông qua biên giới. Điều này góp phần đảm bảo hoạt động ngoại thương được thực hiện minh bạch, đúng quy định và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

Thứ hai, thủ tục hải quan đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Thông qua hoạt động kiểm tra và giám sát, cơ quan hải quan có thể phát hiện các hành vi khai sai mã HS, gian lận về trị giá tính thuế, giả mạo xuất xứ hàng hóa hoặc vận chuyển hàng cấm. Qua đó góp phần bảo vệ thị trường trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật.

Thứ ba, thủ tục hải quan là cơ sở để Nhà nước thực hiện thu các khoản thuế liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng và các khoản thu khác theo quy định. Đây là nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước, góp phần phục vụ các hoạt động đầu tư phát triển kinh tế – xã hội. Việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế thông qua hoạt động hải quan cũng giúp nâng cao tính minh bạch và công bằng trong hoạt động thương mại quốc tế.

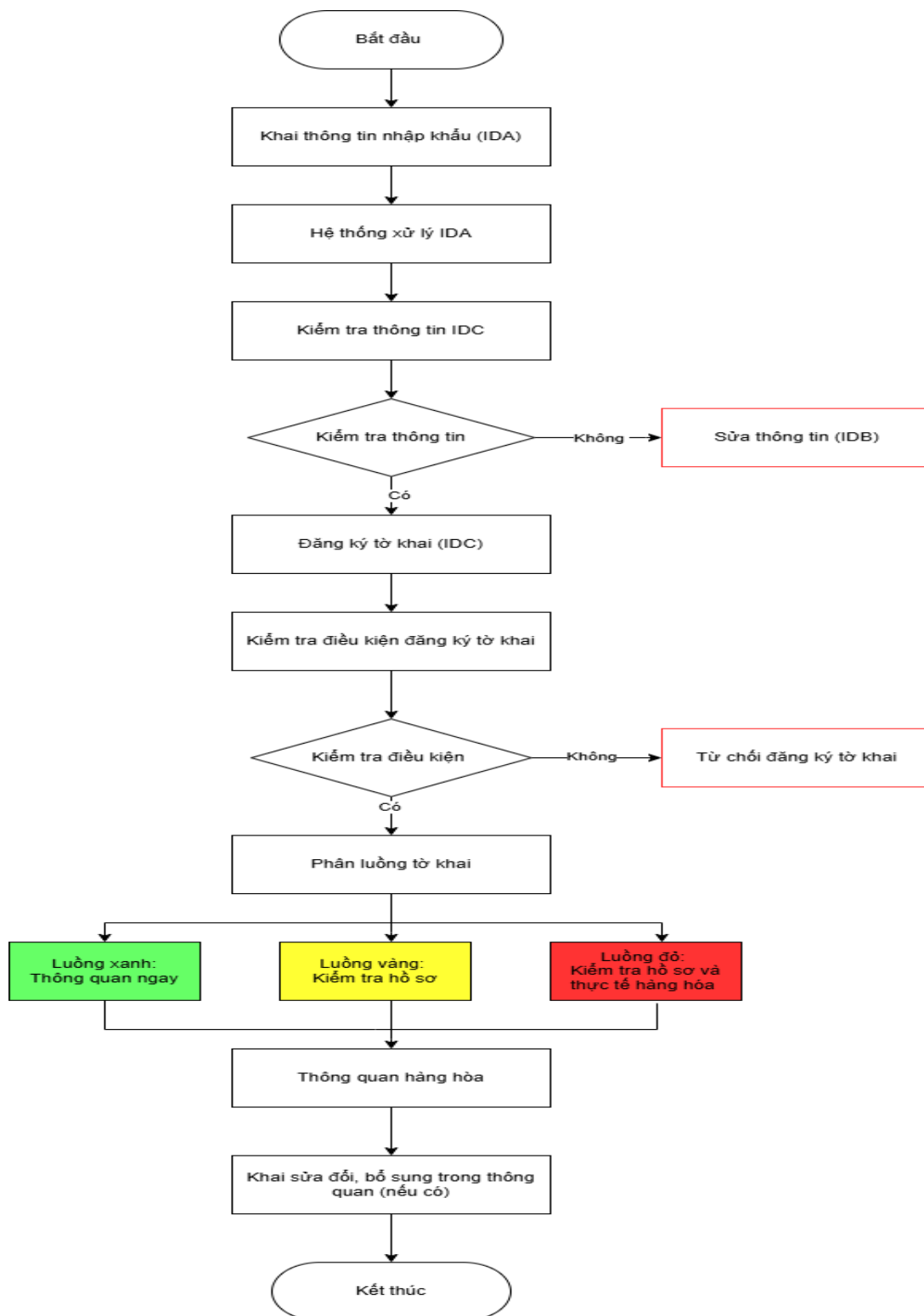
Bên cạnh đó, thông qua dữ liệu khai báo hải quan, cơ quan quản lý nhà nước có thể theo dõi tình hình xuất nhập khẩu của từng nhóm hàng hóa, từng thị trường và từng doanh nghiệp. Các thông tin này phục vụ công tác thống kê, xây dựng chính sách thương mại và điều hành kinh tế phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Ngoài vai trò quản lý nhà nước, thủ tục hải quan còn giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí lưu kho, lưu bãi và tạo thuận lợi trong quá trình giao nhận hàng hóa nhờ việc áp dụng hệ thống hải quan điện tử như VNACCS/VCIS. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Cuối cùng, thủ tục hải quan còn góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Việc đơn giản hóa và hiện đại hóa quy trình hải quan giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời, thông qua việc phối hợp với các tổ chức hải quan quốc tế và thực hiện các cam kết thương mại song phương, đa phương, hoạt động hải quan ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối Việt Nam với nền kinh tế khu vực và thế giới.

1.2. QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.2.1 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình cơ bản thủ tục hải quan hàng nhập khẩu

(Giáo trình Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu

TH.S Trần Thị Hải)

1.2.2 Nội dung các bước quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu

Bước 1: Khai thông tin nhập khẩu (IDA)

Người khai hải quan thực hiện khai báo các thông tin nhập khẩu bằng nghiệp vụ IDA trước khi đăng ký tờ khai nhập khẩu. Sau khi khai đầy đủ các chỉ tiêu trên màn hình IDA gồm 133 chỉ tiêu, người khai hải quan gửi dữ liệu đến hệ thống VNACCS. Hệ thống sẽ tự động cấp số cho bản khai, đồng thời tự động xuất ra các thông tin liên quan như thuế suất, tên tương ứng với các mã đã nhập (ví dụ: tên nước nhập khẩu tương ứng với mã nước, tên doanh nghiệp tương ứng với mã số thuế doanh nghiệp...), đồng thời tự động tính toán các chỉ tiêu liên quan đến trị giá và thuế. Sau đó, hệ thống phản hồi lại kết quả tại màn hình đăng ký tờ khai IDC để người khai hải quan kiểm tra thông tin.

Khi hệ thống hoàn tất việc cấp số, bản khai thông tin nhập khẩu IDA sẽ được lưu trữ trên hệ thống VNACCS để phục vụ cho các bước tiếp theo trong quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu.

Bước 2: Đăng ký tờ khai nhập khẩu (IDC)

Khi hệ thống phản hồi màn hình IDC, người khai hải quan tiến hành kiểm tra lại các thông tin đã khai cũng như các nội dung được hệ thống tự động cập nhật. Nếu thông tin phù hợp và không có sai sót, doanh nghiệp sẽ thực hiện đăng ký tờ khai chính thức trên hệ thống VNACCS. Trường hợp phát hiện thông tin chưa chính xác, người khai hải quan phải quay lại màn hình IDA thông qua nghiệp vụ IDB để điều chỉnh trước khi đăng ký lại tờ khai.

Bước 3: Kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai

Sau khi doanh nghiệp gửi đăng ký tờ khai, hệ thống VNACCS sẽ tự động kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp. Đối với các trường hợp doanh nghiệp còn nợ thuế quá hạn, đang tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản thì hệ thống sẽ không chấp nhận đăng ký tờ khai và gửi thông báo phản hồi cho người khai hải quan để xử lý theo quy định.

Nhập khẩu:

- ✓ Nhập khẩu hẵn (nhập khẩu tiêu dùng, nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, chuyển tiêu thụ nội địa hàng tạm nhập và nhập hàng xuất khẩu bị trả lại).
- ✓ Nhập khẩu theo loại hình SXKK, GC, DNCX

Tương tự mô hình nhập khẩu hải ở trên, ngoài ra đối với loại hình SXKK, GC, DNCX người khai lưu ý một số điểm sau:

Cho phép khai báo vận chuyển kết hợp.

Khai báo định mức, mã NPL và đăng ký hợp đồng theo quy định trên hệ thống e-customs.

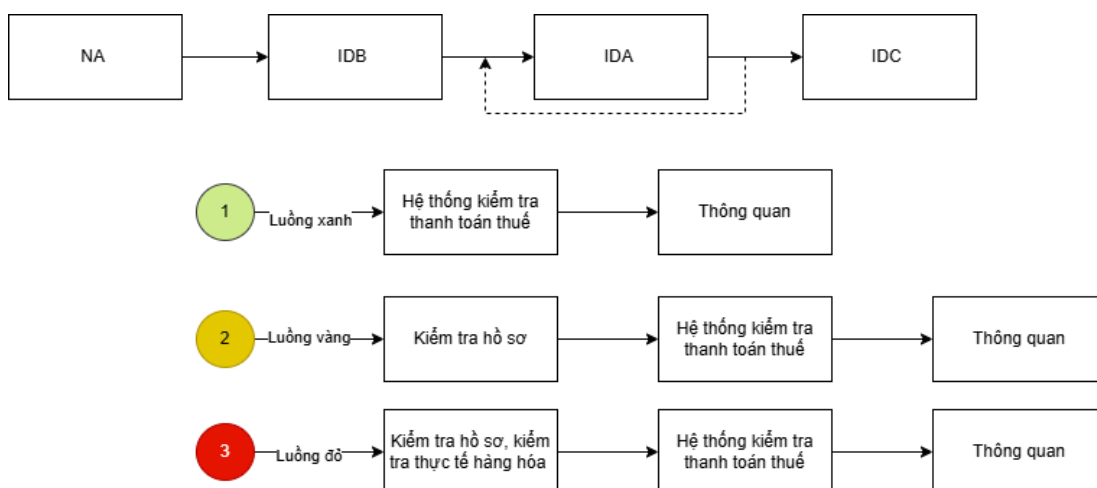
- ✓ Nhập khẩu theo chế độ tạm (kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm nhập tái xuất khác)

Quy trình thực hiện cơ bản tương tự loại hình nhập khẩu thông thường. Tuy nhiên, trong quá trình khai báo, người khai hải quan cần bổ sung thông tin về thời hạn lưu giữ hàng hóa tại Việt Nam theo đúng quy định của cơ quan hải quan nhằm phục vụ công tác quản lý và giám sát hàng hóa.

- ✓ Nhập vào KNQ, các khu phi thuế quan

Quy trình khai báo được thực hiện tương tự như loại hình nhập khẩu thông thường. Tuy nhiên, hệ thống VNACCS có tích hợp chức năng hỗ trợ theo dõi và quản lý riêng đối với hàng hóa đưa vào kho ngoại quan và khu phi thuế quan nhằm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

Bước 4: Phân luồng, kiểm tra và thông quan: Khi tờ khai được đăng ký hệ thống tự động phân luồng, bao gồm 3 luồng: Xanh, vàng, đỏ.



Hình 1.2. Phân luồng tờ khai hải quan.

- ❖ Đối với các tờ khai có luồng xanh:

Trường hợp tờ khai có số thuế phải nộp bằng 0:

Hệ thống VNACCS sẽ tự động xử lý và cấp “Quyết định thông quan hàng hóa nhập khẩu” cho người khai hải quan trong thời gian ngắn mà không cần thực hiện kiểm tra hồ sơ hay hàng hóa thực tế.

Trường hợp số thuế phải nộp khác 0:

+ Trường hợp doanh nghiệp khai báo nộp thuế bằng hạn mức hoặc bảo lãnh thuế (bảo lãnh riêng, bảo lãnh chung): Hệ thống sẽ tự động kiểm tra thông tin liên quan đến hạn mức hoặc bảo lãnh đã đăng ký. Nếu giá trị hạn mức hoặc bảo lãnh lớn hơn hoặc bằng số thuế phải nộp, hệ thống sẽ phản hồi “Chúng tôi ghi số thuế phải thu” và cấp “Quyết định thông quan hàng hóa nhập khẩu”. Ngược lại, nếu hạn mức hoặc bảo lãnh không đủ, hệ thống sẽ gửi thông báo lỗi đến người khai hải quan.

+ Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nộp thuế ngay bằng hình thức chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp: Hệ thống sẽ phản hồi “Chúng tôi ghi số thuế phải thu”. Sau khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, phí và lệ phí, đồng thời hệ thống VNACCS nhận được thông tin xác nhận thanh toán, hệ thống sẽ cấp “Quyết định thông quan hàng hóa nhập khẩu”.

Cuối ngày, hệ thống VNACCS sẽ tổng hợp toàn bộ các tờ khai luồng xanh đã được thông quan và chuyển dữ liệu sang hệ thống VCIS để phục vụ công tác quản lý.

❖ Đối với các tờ khai luồng vàng, đỏ: hệ thống VNACCS sẽ tự động chuyển dữ liệu tờ khai sang hệ thống VCIS để phục vụ quá trình kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của cơ quan hải quan.

a. Cơ quan hải quan

Thực hiện kiểm tra và xử lý tờ khai trên hệ thống VCIS:

Lãnh đạo: Thực hiện ghi nhận các ý kiến chỉ đạo liên quan đến việc kiểm tra, xử lý tờ khai vào ô thông tin tương ứng trên màn hình kiểm tra tờ khai của hệ thống.

Công chức hải quan được phân công xử lý tờ khai: Thực hiện cập nhật các nội dung đề xuất, kết quả kiểm tra, xử lý tờ khai và các vấn đề cần xin ý kiến lãnh đạo vào mục tương ứng trên màn hình kiểm tra tờ khai.

Trường hợp lãnh đạo hoặc công chức hải quan chưa cập nhật đầy đủ các nội dung trên, hệ thống sẽ không cho phép thực hiện nghiệp vụ CEA.

Sử dụng nghiệp vụ CKO để:

Thông báo cho người khai hải quan về địa điểm, hình thức và mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa đối với các tờ khai được phân vào luồng đỏ nhằm phục vụ quá trình kiểm tra và giám sát hàng hóa theo quy định của cơ quan hải quan.

Thực hiện chuyển đổi luồng kiểm tra từ luồng đỏ sang luồng vàng hoặc từ luồng vàng sang luồng đỏ theo quy định của quy trình nghiệp vụ liên quan.

Sử dụng nghiệp vụ CEA để:

Xác nhận hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với các tờ khai luồng vàng.

Xác nhận hoàn thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa đối với các tờ khai luồng đỏ.

Sử dụng nghiệp vụ IDA01 để nhập các nội dung hướng dẫn, yêu cầu bổ sung thủ tục, sửa đổi thông tin khai báo hoặc thông báo liên quan đến việc ấn định thuế và gửi đến người khai hải quan để thực hiện theo quy định.

b. Người khai hải quan

Nhận thông tin phản hồi từ hệ thống về kết quả phân luồng tờ khai, địa điểm kiểm tra, hình thức và mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa.

Chuẩn bị và nộp hồ sơ giấy theo yêu cầu để cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra chi tiết hồ sơ; đồng thời bố trí đầy đủ các điều kiện cần thiết phục vụ công tác kiểm tra thực tế hàng hóa.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, phí và lệ phí liên quan đến lô hàng theo quy định hiện hành (nếu có).

c. Hệ thống

(1) Hệ thống phản hồi cho người khai hải quan “Tờ khai hải quan”, trong đó thể hiện kết quả phân luồng tại chỉ tiêu mã phân loại kiểm tra.

(2) Đối với các tờ khai thuộc luồng đỏ hoặc trường hợp cơ quan hải quan thực hiện chuyển luồng bằng nghiệp vụ CKO, hệ thống sẽ xuất “Thông báo yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hóa” để người khai hải quan thực hiện theo quy định.

(3) Sau khi cơ quan hải quan hoàn thành nghiệp vụ CEA, hệ thống tự động xử lý như sau:

Trường hợp số thuế phải nộp bằng 0: Hệ thống tự động cấp phép thông quan và phản hồi cho người khai hải quan “Quyết định thông quan hàng hóa”.

Trường hợp số thuế phải nộp khác 0:

+ Trường hợp doanh nghiệp đăng ký nộp thuế bằng hạn mức hoặc bảo lãnh thuế (bảo lãnh chung hoặc bảo lãnh riêng): Hệ thống tự động kiểm tra thông tin liên quan đến hạn mức và bảo lãnh đã khai báo. Nếu số tiền hạn mức hoặc bảo lãnh lớn hơn hoặc bằng số thuế phải nộp, hệ thống sẽ phản hồi “Chứng từ ghi số thuế phải thu” và “Quyết định thông quan hàng hóa”. Ngược lại, nếu giá trị hạn mức hoặc bảo lãnh không đủ, hệ thống sẽ thông báo lỗi cho người khai hải quan.

+ Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nộp thuế ngay bằng hình thức chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp: Hệ thống sẽ phản hồi “Chứng từ ghi số thuế phải thu”. Sau khi người khai hải quan hoàn thành việc nộp thuế, phí và lệ phí, đồng thời hệ thống VNACCS nhận được thông tin xác nhận thanh toán, hệ thống sẽ tiếp tục phản hồi “Quyết định thông quan hàng hóa”.

Bước 5: Khai sửa đổi, bổ sung trong thông quan

(1) Hệ thống cho phép người khai hải quan thực hiện khai sửa đổi, bổ sung thông tin trong khoảng thời gian từ sau khi đăng ký tờ khai đến trước khi hàng hóa được thông quan. Để thực hiện khai bổ sung, người khai hải quan sử dụng nghiệp vụ IDD để truy xuất màn hình khai sửa đổi, bổ sung. Đối với lần khai sửa đổi đầu tiên, hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ thông tin của tờ khai nhập khẩu IDA; từ lần sửa đổi thứ hai trở đi, hệ thống sẽ hiển thị dữ liệu khai báo đã được cập nhật gần nhất trên màn hình IDA01 để người khai hải quan tiếp tục điều chỉnh và bổ sung thông tin khi cần thiết.

(2) Sau khi hoàn tất việc khai báo trên màn hình IDA01, người khai hải quan gửi dữ liệu đến hệ thống VNACCS. Hệ thống sẽ tự động cấp số cho tờ khai sửa đổi, bổ sung và phản hồi thông tin tại màn hình IDE. Khi người khai hải quan thực hiện thao tác gửi đăng ký trên màn hình này thì việc đăng ký tờ khai sửa đổi, bổ sung được hoàn tất.

(3) Số lần sửa đổi, bổ sung trong thông quan được thể hiện bằng ký tự cuối cùng của số tờ khai. Hệ thống cho phép khai sửa đổi tối đa 9 lần, tương ứng với các ký tự từ 1 đến 9. Trường hợp không phát sinh khai sửa đổi, bổ sung thì ký tự cuối cùng của số tờ khai sẽ là 0.

(4) Khi thực hiện khai sửa đổi, bổ sung, tờ khai chỉ được phân vào luồng vàng hoặc luồng đỏ, không áp dụng phân luồng xanh đối với trường hợp này.

(5) Các chỉ tiêu thông tin trên màn hình IDA01 cơ bản tương tự màn hình khai thông tin nhập khẩu IDA. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu sẽ không được phép chỉnh sửa do thuộc nhóm thông tin không được thay đổi hoặc không nằm trong phạm vi khai bổ sung theo quy định của hệ thống.

(Giáo trình Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu

TH.S Trần Thị Hải)

1.3. CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LÝ VÀ HỆ THỐNG CÁC CHỨNG TỪ LIÊN QUAN ĐẾN THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU

1.3.1 Các quy định của pháp lý về thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu

Luật Hải quan 2014, Luật Thương mại 2005, Nghị định 134/2016/NĐ-CP và Thông tư 38/2015/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung).

Luật Hải quan 2014

Điều 16. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

1. Hàng hoá, phương tiện vận tải phải được làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan; vận chuyển đúng tuyến đường, đúng thời gian qua cửa khẩu hoặc các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Hàng hoá được thông quan, phương tiện vận tải được xuất cảnh, nhập cảnh sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

4. Thủ tục hải quan phải được thực hiện công khai, nhanh chóng, thuận tiện và theo đúng quy định của pháp luật.

5. Việc bố trí nhân lực, thời gian làm việc phải đáp ứng yêu cầu hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Điều 21. Thủ tục hải quan

1. Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan có trách nhiệm:

a) Khai và nộp tờ khai hải quan; nộp hoặc xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 24 của Luật này;

b) Đưa hàng hoá, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định để kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải;

c) Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và đăng ký hồ sơ hải quan;

b) Kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải;

c) Tổ chức thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Quyết định việc thông quan hàng hoá, giải phóng hàng hóa, xác nhận phương tiện vận tải đã hoàn thành thủ tục hải quan.

Điều 24. Hồ sơ hải quan

1. Hồ sơ hải quan gồm:

- a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan;
- b) Chứng từ có liên quan.

Tùy từng trường hợp, người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra hoặc miễn kiểm tra chuyên ngành, các chứng từ liên quan đến hàng hóa theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chứng từ thuộc hồ sơ hải quan là chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử. Chứng từ điện tử phải bảo đảm tính toàn vẹn và khuôn dạng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Hồ sơ hải quan được nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan tại trụ sở cơ quan hải quan.

Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua hệ thống thông tin tích hợp.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.

Thông tư 38/2015/TT-BTC

Điều 16 của Thông tư 38/2015/TT-BTC có quy định như sau: “Quy định hồ sơ hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu bao gồm tờ khai hải quan, hoá đơn thương mại, vận đơn và các chứng từ liên quan”

Luật thương mại 2005

Điều 28 khoản 1 của Luật thương mại 2005 định nghĩa như sau: “Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật”

Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016

Điều 2. Đối tượng chịu thuế

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.
2. Hàng hóa xuất khẩu từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan, hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.
3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.
4. Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau:
 - a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;
 - b) Hàng hóa viện trợ nhân đạo, hàng hóa viện trợ không hoàn lại;
 - c) Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;
 - d) Phân dầu khí được dùng để trả thuế tài nguyên cho Nhà nước khi xuất khẩu.
5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Luật số 38/2019/QH14 của Quốc hội: Luật Quản lý thuế

Điều 42 quy định về khai thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo từng lần phát sinh

1.3.2 Hệ thống các chứng từ thủ tục hải quan nhập khẩu

1.3.2.1 Tờ khai hải quan (Customs Declaration)

Định nghĩa:

Tờ khai hải quan là tờ khai báo của chủ hàng cho cơ quan hải quan có liên quan về số hàng của mình nhằm thực hiện các thủ tục hải quan khi muốn chuyên chở hàng hóa vượt qua biên giới một quốc gia.

Tác dụng của các tờ khai: Làm cơ sở để cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra giấy tờ và hàng hóa thực tế khi hàng hóa này đi ngang qua biên giới quốc gia.

Khi làm thủ tục hải quan, chủ hàng phải đính kèm theo tờ khai hải quan các giấy tờ cần thiết khác như giấy phép xuất nhập khẩu hàng hóa, hóa đơn, bản kê chi tiết, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận phẩm chất, giấy chứng nhận kiểm dịch, giấy chứng nhận xuất xứ.

1.3.2.2 Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract)

Định nghĩa:

Hợp đồng thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong hoạt động thương mại.

Vai trò:

Hợp đồng thương mại là văn bản pháp lý quan trọng nhằm xác định quyền lợi và trách nhiệm của các bên trong hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế. Đây cũng là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ liên quan như thanh toán quốc tế, giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan. Bên cạnh đó, hợp đồng thương mại còn được sử dụng làm cơ sở đối chiếu và xử lý khi phát sinh tranh chấp giữa các bên tham gia giao dịch.

1.3.2.3 Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Định nghĩa:

Hóa đơn thương mại là chứng từ quan trọng nhất và cơ bản của các chứng từ hàng hóa cũng như trong khâu thanh toán. Hóa đơn thương mại do người bán lập ra và xuất trình cho người mua sau khi đã gửi hàng. Đó là yêu cầu của người bán đòi người mua phải trả tiền theo tổng số hàng đã được ghi trên hóa đơn (nếu người mua muốn sở hữu hàng hóa).

Vai trò:

Hóa đơn thương mại thường được lập thành nhiều bản nhằm phục vụ cho các mục đích khác nhau trong hoạt động xuất nhập khẩu. Chứng từ này có thể được sử dụng để xuất trình cho ngân hàng trong quá trình thanh toán quốc tế, cung cấp cho công ty bảo hiểm để xác định giá trị bảo hiểm hoặc nộp cho cơ quan hải quan làm căn cứ tính thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trong hoạt động thanh toán quốc tế, hóa đơn thương mại giữ vai trò quan trọng trong bộ chứng từ thanh toán. Đây là căn cứ để người mua kiểm tra nội dung thanh toán và đối chiếu với các chứng từ liên quan. Trong một số trường hợp không sử dụng hối phiếu, hóa đơn thương mại còn được sử dụng làm cơ sở để thực hiện việc đòi tiền và thanh toán giữa các bên.

Đối với thủ tục hải quan, hóa đơn thương mại thể hiện giá trị của lô hàng và là căn cứ chứng minh giao dịch mua bán giữa các bên. Dựa trên nội dung của hóa đơn, cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra, quản lý và xác định các khoản thuế liên quan đến hàng hóa.

Ngoài ra, hóa đơn thương mại còn cung cấp các thông tin cần thiết về hàng hóa nhằm phục vụ công tác thống kê, đối chiếu với hợp đồng ngoại thương và theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên tham gia giao dịch.

Nội dung:

Trong hóa đơn phải thể hiện các thông tin như: đặc điểm hàng hóa, đơn giá, tổng giá trị hàng hóa, điều kiện cơ sở giao hàng, phương thức thanh toán, phương tiện vận tải.

Mẫu hóa đơn thương mại thường do doanh nghiệp tự lựa chọn và soạn thảo. Tuy nhiên, hóa đơn vẫn cần đảm bảo đầy đủ các nội dung cơ bản sau:

- Mục Shipper/Exporter, Consignee, Notify phải thể hiện đúng theo yêu cầu của L/C và phù hợp với thông tin trên vận đơn (B/L).
- Các nội dung liên quan đến vận chuyển và giao hàng như tên tàu, cảng đi, cảng đến,... phải phù hợp với yêu cầu của L/C và thống nhất với vận đơn đường biển.
- Trên hóa đơn cần thể hiện rõ điều kiện cơ sở giao hàng theo Incoterms.
- Trường hợp L/C yêu cầu bổ sung ghi chú hoặc nội dung đặc biệt thì các thông tin này phải được thể hiện đầy đủ trên hóa đơn và các chứng từ liên quan.
- Hóa đơn thương mại phải có chữ ký của người bán nếu nội dung này được yêu cầu trong L/C.
- Tên người bán trên hóa đơn thường là tên của người thụ hưởng trong L/C. Tuy nhiên, trong một số trường hợp mua bán qua trung gian, tên người bán có thể khác với tên người hưởng lợi được quy định trên L/C.

1.3.2.4 Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List)

Định nghĩa:

Phiếu đóng gói là một chứng từ hàng hóa liệt kê những mặt hàng, những loại hàng được đóng gói trong một kiện hàng (như một thùng, bao..) nhất định. Phiếu đóng gói do người sản xuất hoặc người bán lập khi đóng gói hàng hóa.

Vai trò:

Phiếu đóng gói giúp cung cấp thông tin chi tiết về cách sắp xếp và phân chia hàng hóa trong từng kiện hàng, từ đó tạo thuận lợi cho quá trình kiểm tra, bốc xếp, vận chuyển, giao nhận hàng hóa, thực hiện thủ tục hải quan, lưu kho và phân phối hàng hóa.

Nội dung và hình thức:

Phiếu đóng gói dùng để kê khai chi tiết hàng hóa chứa trong từng kiện hàng. Trên phiếu thường thể hiện các thông tin như tên người bán, người mua, số hợp đồng, tên hàng hóa, số lượng, trọng lượng, thể tích, trọng lượng tịnh, trọng lượng cả bì, số thứ tự kiện hàng và quy cách đóng gói. Trong một số trường hợp, phiếu đóng gói còn thể hiện thêm thông tin về đơn vị sản xuất, người đóng gói hoặc người kiểm tra kỹ thuật.

Thông thường, phiếu đóng gói được lập thành 3 bản với mục đích sử dụng khác nhau:

- Một bản được đặt bên trong hoặc gắn bên ngoài kiện hàng để người vận chuyển và người nhận hàng dễ dàng kiểm tra, đối chiếu giữa hàng hóa thực tế và thông tin do người bán cung cấp.
- Một bản được tổng hợp cùng các phiếu đóng gói khác của lô hàng thành một bộ hoàn chỉnh và thường được đặt trong kiện hàng đầu tiên. Bộ chứng từ này giúp người nhận thuận tiện trong việc kiểm tra hàng hóa, đồng thời phục vụ cho quá trình làm thủ tục hải quan.
- Một bản còn lại do người xuất khẩu lưu giữ và sử dụng kèm với hóa đơn thương mại khi xuất trình bộ chứng từ cho ngân hàng nhằm phục vụ quá trình thanh toán quốc tế.

❖ Các phiếu đóng gói

- Trong hoạt động thương mại quốc tế, ngoài phiếu đóng gói thông thường còn tồn tại một số loại phiếu đóng gói khác được sử dụng tùy theo mục đích giao dịch và yêu cầu của các bên liên quan. Cụ thể như sau:

- **Phiếu đóng gói chi tiết (Detailed Packing List):** Đây là loại phiếu đóng gói thể hiện thông tin hàng hóa một cách cụ thể và chi tiết hơn. Trên thực tế, nội dung của phiếu đóng gói chi tiết có thể không khác nhiều so với phiếu đóng gói thông thường, tuy nhiên việc sử dụng tiêu đề “Detailed Packing List” giúp chứng từ có tính rõ ràng và tạo độ tin cậy cao hơn đối với người nhận hàng.

- **Phiếu đóng gói trung lập (Neutral Packing List):** Loại phiếu này không thể hiện tên người bán và người mua trên chứng từ. Mục đích của việc sử dụng phiếu đóng gói trung lập là tạo điều kiện để người mua có thể tiếp tục bán lại hàng hóa cho bên thứ ba mà không làm lộ thông tin của nhà cung cấp ban đầu.

- *Phiếu đóng gói kèm bảng kê trọng lượng*: Đây là loại chứng từ kết hợp giữa phiếu đóng gói và bảng kê chi tiết trọng lượng hàng hóa. Nội dung của chứng từ này tương tự phiếu đóng gói thông thường nhưng được bổ sung thêm thông tin về trọng lượng nhằm phục vụ công tác kiểm tra, vận chuyển và giao nhận hàng hóa.

- *Bảng kê bao bì - đóng gói - trọng lượng*: Đây cũng là một dạng của phiếu đóng gói hàng hóa, trong đó thể hiện các nội dung liên quan đến quy cách bao bì, kích thước, số lượng kiện hàng và trọng lượng của lô hàng. Chứng từ này có thể được lập riêng hoặc kết hợp chung với hóa đơn thương mại tùy theo yêu cầu của thư tín dụng và các bên tham gia giao dịch.

1.3.2.5 Vận đơn (*Bill of Lading/Airway Bill*)

Định nghĩa:

Vận đơn là một chứng từ vận tải do người vận chuyển, hoặc thuyền trưởng (đường biển) hoặc đại lý của người vận chuyển ký phát sau khi hàng hóa đã được xếp lên tàu hoặc hàng hóa đã được nhận và chờ xếp lên tàu.

Tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Hàng hải 2015 quy định vận đơn là chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hóa với số lượng, chủng loại, tình trạng như được ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng; bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.

Tác dụng:

Là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện khai báo hải quan và làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.

Được sử dụng kèm theo hóa đơn thương mại trong bộ chứng từ thanh toán do người bán gửi cho người mua hoặc ngân hàng.

Làm chứng từ phục vụ cho các hoạt động cầm cố, mua bán hoặc chuyển nhượng hàng hóa.

Là cơ sở để xác định số lượng hàng hóa mà người bán đã giao cho người mua, từ đó phục vụ công tác thống kê, theo dõi và đối chiếu quá trình thực hiện hợp đồng ngoại thương.

Phân loại:

a. Vận đơn đường biển

Định nghĩa:

Vận đơn đường biển là chứng từ chuyên chở trên biển, do người chuyên chở (chủ tàu, thuyền trưởng) cấp cho người gửi hàng (người xuất khẩu hay người gửi hàng), nhằm xác định quan hệ pháp lý giữa người vận chuyển với người chủ hàng (người gửi hàng và/ hoặc người nhận hàng).

Vận đơn đường biển là chứng từ quan trọng trong buôn bán quốc tế. Nó là cơ sở chứng minh việc thực hiện hợp đồng mua bán, là chứng từ không thể thiếu được trong quá trình thanh toán, trong bảo hiểm và trong khiếu nại đòi bồi thường tổn thất trong quá trình vận chuyển.

Chức năng của B/L:

Theo Luật pháp của các nước vận đơn đường biển có 3 chức năng như sau:

Là bằng chứng xác nhận hợp đồng vận tải đường biển đã được ký kết giữa người gửi hàng và người vận chuyển. Đối với vận chuyển bằng tàu chợ, vận đơn được xem như căn cứ thể hiện nội dung của hợp đồng chuyên chở.

Là biên lai xác nhận người vận tải đã nhận hàng để vận chuyển, đồng thời thể hiện tình trạng hàng hóa tại thời điểm xếp hàng lên tàu. Người vận chuyển chỉ giao hàng cho người xuất trình vận đơn hợp lệ.

Là chứng từ xác nhận quyền sở hữu hàng hóa ghi trên vận đơn. Với chức năng này, vận đơn có giá trị lưu thông và có thể được chuyển nhượng, mua bán hoặc sử dụng trong các giao dịch thương mại.

Với những chức năng trên, vận đơn đường biển được sử dụng để:

Làm căn cứ khai báo hải quan và thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.

Làm chứng từ kèm theo hóa đơn thương mại trong bộ chứng từ thanh toán gửi cho ngân hàng hoặc người mua.

Làm chứng từ phục vụ hoạt động cầm cố, mua bán hoặc chuyển nhượng hàng hóa.

Làm cơ sở cho hoạt động chiết khấu chứng từ.

Làm căn cứ theo dõi, thống kê và kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương.

Nội dung và quy định về vận đơn:

- Nội dung:

Mặt trước của vận đơn người ta ghi một số thông tin thiết yếu sau:

Mặt trước của vận đơn thường thể hiện các thông tin như:

- + Tên người gửi hàng.
- + Tên tàu, tên người vận tải, số hiệu tàu và chuyến đi.
- + Cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng.
- + Tên người nhận hàng hoặc hình thức nhận hàng theo lệnh, xuất trình.
- + Tên hàng hóa, ký mã hiệu, số lượng kiện hàng, trọng lượng hoặc thể tích hàng hóa.

- + Thông tin về cước phí, phụ phí và điều kiện thanh toán cước vận tải.
- + Chữ ký của người vận tải, thuyền trưởng hoặc người đại diện hợp pháp.
- + Tình trạng xếp hàng lên tàu.

Mặt sau của vận đơn:

Thường in sẵn các điều khoản liên quan đến trách nhiệm của người vận tải, điều kiện miễn trách và các quy định pháp lý áp dụng trong vận tải đường biển theo luật quốc gia và công ước quốc tế.

- Quy định:

Vận đơn đường biển thường được phát hành thành nhiều bản gốc nhằm phòng ngừa trường hợp thất lạc chứng từ. Mỗi bản gốc đều có giá trị pháp lý như nhau và được đóng dấu “Original”. Khi một bản gốc được sử dụng để nhận hàng thì các bản còn lại sẽ không còn hiệu lực nhận hàng.

Ngoài bản gốc, người vận tải có thể phát hành thêm các bản sao để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu hoặc làm thủ tục hải quan. Tuy nhiên, các bản sao không có giá trị pháp lý tương đương với bản gốc.

Phân loại vận đơn:

Có nhiều cách để phân loại vận đơn:

Xét trên vận đơn có ghi chú xấu về hàng hóa hay không thì B/L có thể được chia làm 2 loại:

❖ Vận đơn hoàn hảo (Clean B/L) là loại vận đơn không có thêm điều khoản hay ghi chú rõ ràng điều kiện khiếm khuyết của hàng hóa hay của bao bì.

❖ Vận đơn không hoàn hảo (Unclean B/L) là loại vận đơn trên đó người chuyên chở có ghi chú xấu về tình trạng hàng hóa hay bao bì. Đối với các loại B/L này, ngân hàng sẽ từ chối thanh toán, trừ khi có quy định riêng.

Xét theo dấu hiệu người vận tải nhận hàng khi hàng đã được xếp lên tàu hay chưa, thì B/L được chia làm 2 loại:

❖ Vận đơn đã xếp hàng (Shipped on Board B/L) là vận đơn được cấp cho người gửi hàng khi hàng hóa đã nằm trong khoang tàu.

❖ Vận đơn nhận hàng để xếp (Received for shipment B/L) là vận đơn được cấp trước khi hàng hóa được xếp lên tàu. Do vậy, sau khi hàng hóa được xếp xuống tàu, người gửi hàng phải đem vận đơn này đến hãng tàu đổi lấy vận đơn đã xếp hàng mới có giá trị thanh toán.

Xét theo quy định của người nhận hàng trên B/L, thì có các loại B/L sau:

❖ Vận đơn theo lệnh là B/L quy định người chuyên chở sẽ giao hàng theo lệnh của người gửi hàng (B/L to order), theo lệnh của ngân hàng (B/L to order of issuing bank)

❖ Vận đơn đích danh (B/L to a named person/ Straight B/L) là B/L trong đó có ghi rõ tên và địa chỉ người nhận hàng ở mục “Consignee” và Notify. Do đó, hàng chỉ có thể giao cho người có tên trên B/L.

❖ Vận đơn xuất trình (Bearer B/L) còn gọi là vận đơn vô danh vì trong vận đơn không ghi rõ tên người nhận hàng cũng không ghi rõ theo lệnh của ai. Do vậy, người chuyên chở sẽ giao hàng cho bất cứ người nào cầm vận đơn và xuất trình cho họ. Vận đơn này thường được chuyển nhượng bằng cách trao tay.

Xét theo dấu hiệu hàng hóa có được chuyển tải hay không, thì có các loại vận đơn sau:

❖ Vận đơn đi thẳng (Direct B/L) là B/L cấp cho hàng hóa được chuyên chở bằng một con tàu đi từ cảng xếp đến cảng đích, nghĩa là tàu chở hàng đi thẳng từ cảng tới cảng.

❖ Vận đơn suốt (Through B/L) là B/L dùng trong trường hợp chuyên chở hàng hóa giữa các cảng bằng hai hoặc nhiều con tàu thuộc hai hay nhiều chủ tàu khác nhau. Người cấp vận đơn đi suốt phải chịu trách nhiệm về hàng hóa trên chặng đường từ cảng xếp đến cảng dỡ cuối cùng.

❖ Vận đơn địa hạt (Local B/L) là B/L do các tàu tham gia chuyên chở cấp, loại B/L chỉ có chức năng là biên lai nhận hàng mà thôi.

Xét theo vận đơn được lập theo hợp đồng thuê tàu hay không, thì có hai loại B/L

❖ Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu (Charter Party B/L) là loại B/L do thuyền trưởng của tàu cấp, chỉ in một mặt trước, còn mặt sau để trống nên còn tên gọi là B/L lưng trắng (Blank back B/L). Thông thường ngân hàng thường từ chối thanh toán loại B/L này, trừ khi có quy định khác trong L/C

❖ Vận đơn tàu chợ (Bill of Lading): là các loại vận đơn thông thường, được sử dụng trong mua bán ngoại thương và được ngân hàng chấp nhận thanh toán nếu được lập theo đúng quy định của L/C.

b. Vận đơn đường sắt

Khái niệm:

Khi chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu tiền hành bằng đường sắt liên vận quốc tế, chứng từ cơ bản xác lập quan hệ pháp lý giữa chủ hàng (người xuất khẩu và người nhập khẩu) với cơ quan đường sắt là vận đơn đường sắt.

Chức năng:

Là bằng chứng của hợp đồng vận tải (chức năng này thể hiện ở cả bản chính và bản phụ của vận đơn).

Là một biên lai của đường sắt thừa nhận đã nhận hàng để chở.

Tác dụng:

Vận đơn đường sắt có thể dùng vào các việc sau đây:

- Làm căn cứ để kê khai hải quan khi hàng hóa đi ngang qua biên giới.
- Làm căn cứ để xác định số ượng hàng đã được người bán giao cho người mua
- Thay thế hóa đơn tính tiền cước chuyên chở bằng đường sắt
- Bản phụ lục của vận đơn có thể dùng làm tài liệu kèm theo hóa đơn thương mại trong bộ chứng từ mà người gửi cho người mua (hoặc ngân hàng) để thanh toán tiền hàng.
- Bản phụ của vận đơn đường sắt còn có thể được người bán gửi đến người mua bằng đường máy bay để thông báo kết quả giao hàng.

Nội dung và hình thức của vận đơn đường sắt:

- Nội dung:

- Tương tự như vận đơn đường biển, nó thường gồm các chi tiết cơ bản như: Tên, địa chỉ, người gửi hàng, người nhận hàng, tên đường sắt và ga nhận hàng (ga đi), tên các ga biên giới đi qua, tên hàng hóa, số lượng, trọng lượng (cả bì và tịnh), ký mã

hiệu, số lượng kiện, bảng kê tình hình thanh toán tiền cước, các con dấu của gửi hàng và ga biên giới nước người bán, của ga biên giới nước quá cảnh, của ga biên giới nước nhận hàng và của ga đến.

- Nếu giấy gửi hàng (tức vận đơn đường sắt) không đủ chỗ để ghi tất cả tên hàng hóa chuyên chở theo giấy gửi hàng đó thì phải gián tiếp vào giấy gửi hàng một tờ giấy trắng bằng nửa tờ giấy gửi hàng, trên tờ giấy này ghi dấu hiệu, số hiệu, số lượng kiện, loại bao bì, tên và tổng trọng lượng hàng hóa phải ghi rõ vào tờ giấy gửi hàng, người gửi hàng phải ghi rõ số lượng bảng kê tên hàng kèm theo”

- Hình thức và cách ký phát vận đơn đường sắt

Giấy gửi hàng và bản phụ giấy gửi hàng in như sau:

- Đối với hàng hóa chở chậm in trên giấy trắng
- Đối với hàng hóa chở nhanh in trên giấy trắng có đường viền đỏ rộng 1 cm ở rìa dưới của mặt trước, mặt sau của giấy gửi hàng.

Khi lập vận đơn đường sắt người ta lập một bản chính, một số bản phụ và một số bản giấy theo hàng.

Các giấy này tuy tiêu đề khác nhau nhưng có cùng một nội dung và hình thức. Khi đánh máy (hoặc viết có lót giấy than) thì bản trên cùng là bản chính, các bản tiếp theo là các bản phụ và giấy gửi hàng.

Bản chính do ga đường sắt giữ và chuyển cho cơ quan đường sắt có liên quan và cuối cùng chuyển cho người nhận hàng.

Số lượng các bản phụ bao nhiêu là tùy thuộc vào yêu cầu của người gửi hàng. Số lượng bản mang tên “Giấy gửi theo hàng” tùy thuộc vào số lượng nước quá cảnh trên đường chuyên chở hàng hóa từ ga đi, tới ga đến.

c. Vận đơn đường hàng không

Khái niệm:

Vận đơn hàng không do cơ quan hàng không cấp cho người gửi hàng để xác nhận việc cơ quan hàng không đã nhận hàng để chở.

Vận đơn này do người gửi hàng điền vào 3 bản chính rồi giao cho người chuyên chở cùng với hàng hóa. Bản 1 có đóng dấu “để cho người chuyên chở” thì do người gửi hàng ký tên. Bản 2 có đóng dấu “để cho người gửi hàng” do người chuyên chở và người nhận hàng cùng ký tên. Bản 3 có chữ ký của người chuyên chở được trả lại cho người gửi hàng sau khi người chuyên chở đã nhận hàng.

Nội dung:

Bao gồm những chi tiết như: Tên người gửi hàng, tên địa chỉ người nhận, tên sân bay đi, trị giá hàng, trọng lượng cả bì của hàng hóa, tên sân bay đến ...

Chức năng:

- Xác nhận việc ký kết hợp đồng chuyên chở giữa công ty hàng không và chủ hàng
- Xác nhận việc người chủ hàng đã gửi hàng hóa chuyên chở
- Là cơ sở để người chủ hàng khiếu nại công ty hàng không (nếu có)
- Là cơ sở để thanh toán giữa các công ty hàng không nếu việc chuyên chở được thực hiện bằng máy bay của nhiều công ty hàng không.

1.3.2.6 Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)

Định nghĩa:

Là chứng từ do nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền (thường là đại diện Bộ công thương hoặc phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam) cấp để xác nhận nơi sản xuất hoặc khai thác ra hàng hóa. Về vấn đề cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng được điều chỉnh bởi 3 văn bản pháp lý

- Luật thương mại Việt Nam ban hành 2005
- Nghị định 19/2006/NĐCP ngày 20/02/2006 của Chính phủ về chi tiết thi hành Luật thương mại về xuất xứ hàng hóa
- Quyết định số 12-2007-QĐ-BTM ngày 31-05-2007

Tác dụng:

Chứng từ này cần thiết cho cơ quan hải quan để tùy theo quy định về xuất nhập khẩu hàng hóa của nước đó mà tính thuế hoặc áp dụng các chính sách ưu đãi, hoặc trừng phạt, hoặc để cho phép xuất hoặc nhập.

Giúp hải quan một số nước thi hành chính sách khu vực, chính sách phân biệt đối xử trong buôn bán khi tiến hành giám quản.

Xác định ở một mức độ nhất định về chất lượng hàng hóa, nhất là đối với những loại hàng hóa thuộc loại sản phẩm của một địa phương nhất định – các hàng hóa mà đặc điểm địa lý của địa phương và điều kiện sản xuất ở đó ảnh hưởng đến phẩm chất của hàng hóa.

Nội dung: Bao gồm các chi tiết: Tên và địa chỉ người mua, người bán, tên hàng, số lượng, trọng lượng, ký mã hiệu, lời khai của chủ hàng về nơi sản xuất hoặc nơi khai thác hàng hóa, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nơi sản xuất của hàng hóa.

Cách lập:

Chủ hàng xuất khẩu phải chuẩn bị sẵn nội dung trên đây thành văn bản và đưa đến phòng thương mại ký tiếp nhận vào giấy để chứng nhận. Mỗi lần xin giấy chứng nhận, chủ hàng phải chịu một khoản phí nhất định.

Thông thường, việc chứng nhận nơi sản xuất được làm bằng một mẫu riêng của nơi sản xuất và cũng có khi được làm bằng lời khai trên hóa đơn, khi đó hóa đơn này thành chứng từ kết hợp: Hóa đơn thương mại kiêm chứng từ nơi sản xuất.

Trong trường hợp, giấy chứng nhận nơi sản xuất được lập theo đúng mẫu quy định thì hải nước xuất khẩu sẽ giảm hoặc miễn thuế cho các lô hàng liên quan. Mẫu này có bán tại phòng thương mại.

1.3.2.7 Giấy phép nhập khẩu

Định nghĩa:

Giấy phép nhập khẩu là văn bản do cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia cấp, cho phép tổ chức hoặc doanh nghiệp được nhập khẩu một mặt hàng nhất định vào lãnh thổ của quốc gia đó. Việc cấp giấy phép nhập khẩu được thực hiện dựa trên quy định pháp luật của từng quốc gia và các điều ước quốc tế có liên quan, do đó điều kiện và thủ tục cấp phép có thể khác nhau tùy theo từng nước và từng loại hàng hóa.

Phân loại:

- *Giấy phép nhập khẩu tự động:* Là loại giấy phép do Bộ Công Thương cấp cho thương nhân thông qua hình thức xác nhận đơn đăng ký nhập khẩu đối với từng lô hàng cụ thể. Đối với hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ hoặc nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa, việc xác nhận đăng ký nhập khẩu được thực hiện theo thời hạn quy định.

- *Giấy phép nhập khẩu không tự động:* Là giấy phép được áp dụng cho các loại hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa được cấp phép nhập khẩu tự động. Để được cấp giấy phép, doanh nghiệp phải đáp ứng một số điều kiện nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đưa ra.

- *Các chứng từ khác (Other Documents):* Tùy thuộc vào bản chất của hàng hóa, quốc gia xuất xứ và quốc gia giao hàng cuối cùng, nhiều chứng từ khác cũng có thể được yêu cầu. Chúng có thể bao gồm: Giấy chứng nhận bảo hiểm, giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (chứng nhận nêu rõ ràng hàng hóa đáp ứng một tiêu chuẩn an toàn hoặc kỹ

thuật nhất định) và giấy chứng nhận hun trùng (giấy chứng nhận xác minh rằng pallet hoặc vật liệu đóng gói đã được khử trùng để tránh nhập khẩu sâu bệnh sinh học).

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU NGUYÊN PHỤ LIỆU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.

2.1. KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ



Hình 2.1. Logo Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Tên công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

Tên quốc tế: HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

Tên viết tắt: HOA THO CORPORATION

Mã cổ phiếu: HTG

Mã số thuế: 0400101556

Địa chỉ: 36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng, Việt Nam

Vốn điều lệ: 360.027.080.000 đồng

Vốn đầu tư chủ sở hữu: 923.964.139.539 đồng tại ngày 31/12/2024

Trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng, Việt Nam

Số điện thoại: (+84) 2368 846 290

Số fax: (+84) 2363 846 216

Website: <https://hoatho.com.vn/>

Email: office@hoatho.com.vn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ được thành lập từ năm 1962, là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) và Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) Hòa Thọ là một trong những doanh nghiệp dệt may có bề dày lịch sử và quy mô lớn với 2 lĩnh vực chính: Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu các loại sản phẩm may mặc, các loại sợi. Nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị thiết yếu dùng để kéo sợi và sản xuất hàng may mặc.

Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 1962: Được thành lập từ năm 1962, tiền thân có tên là Nhà máy Dệt Hoà Thọ (SICOVINA) thuộc Công ty Kỹ nghệ Bông vải Việt Nam. Năm 1975, khi thành phố Đà Nẵng được giải phóng, Nhà máy Dệt Hoà Thọ được chính quyền tiếp quản và đi vào hoạt động trở lại vào ngày 21/04/1975.

Năm 1975: Khi thành phố Đà Nẵng được giải phóng. Nhà máy dệt may Hòa Thọ được chính quyền tiếp quản và đi vào hoạt động trở lại vào ngày 21/04/1975.

Năm 1993: Đổi tên thành lập doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Dệt Hoà Thọ theo quyết định thành lập số 241/TCLĐ ngày 24/03/1993 của Bộ Công nghiệp nhẹ. Đầu tư 2 vạn cọc sợi và một xưởng dệt vải với 400 máy dệt.

Năm 1997: Công ty đổi tên thành Công ty Dệt May Hòa Thọ theo quyết định số 433/QĐ- TCLĐ của Tổng Công ty Dệt May Việt Nam

Năm 2005: Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt may Hòa Thọ theo quyết định số 200/2005/QĐTT ngày 08/08/2005 của Thủ tướng Chính phủ

Năm 2006:

+ Tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt may Hòa Thọ với tổng số cổ phần chào bán thành công 900.000 cổ phần và đấu giá thành công bình quân là 12.249 đồng/cổ phần.

+ Ngày 15/11/2006, Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001300, đăng ký lần đầu ngày 30/01/2007 do Sở KH&ĐT thành phố Đà Nẵng cấp với vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng.

Năm 2007: 02/07/2007 Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ được Ủy ban Chứng khoán nhà nước UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng

Năm 2010: Công ty được trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 171/2010/ GCNCNP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 9.650.000 cổ phiếu.

Năm 2011: Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 81/UBCK-GCN cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, tăng vốn điều lệ lên 150.000.000 đồng.

Năm 2015: Theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên thông qua phương án phát hành cho cán bộ quản lý đã có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ, Công ty đã chào bán thành công 750.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 157.500.000.000 đồng.

Năm 2016:

+ Thông qua phương án pháp hành cho cán bộ nhân viên quản lý đã có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ, Tổng Công ty đã chào bán thành công 787.500 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 165.375.000.000 đồng.

+ Tổng Công ty nộp hồ sơ và nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN số 83/GCNUBCKNN ngày 19/12/2016.

Năm 2017:

+ Ngày 23/02/2017, Tổng Công ty đã hoàn tất đợt phát hành tăng vốn điều lệ lên 225.000.000.000 VND. Tháng 06/2017, Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM với tên giao dịch HTG.

+ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) và Hiệp Hội Dệt May Việt Nam (Vitas) thuộc Bộ Công Thương.

Năm 2019: Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ bổ sung ngành nghề kinh doanh: bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Năm 2020 - 2022: Phát hành cổ phiếu nhiều đợt, tăng vốn lên hơn 360 tỷ đồng

Năm 2023:

+ Theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 số 19/NQ-ĐH ĐCĐ ngày 15/04/2023 thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty phát hành thành công 5.999.633 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 360.027.080.000 đồng.

+ Đặc biệt, đầu tháng 11 năm 2023, Tổng Công ty đã chính thức niêm yết giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, kết quả này thể hiện được uy tín thương hiệu của Tổng Công ty cũng như sự minh bạch trong quản lý tài chính và quản trị doanh nghiệp Tổng Công ty.

2.1.2 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

✓ Tầm nhìn

Tầm nhìn của Hòa Thọ là trở thành doanh nghiệp tiên phong và phát triển bền vững trong ngành dệt may. Điều này thể hiện tham vọng của tập đoàn trong việc dẫn đầu xu hướng và tạo ra các giá trị bền vững cho ngành công nghiệp dệt may Việt Nam.

✓ Sứ mệnh

Sứ mệnh của Hòa Thọ là trở thành đối tác tin cậy trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, khẳng định vai trò quan trọng của mình trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng và đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc tế. Với sứ mệnh này, Hòa Thọ cam kết duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác trong và ngoài nước, đồng hành cùng họ trong mọi giải pháp kinh doanh.

✓ Giá trị cốt lõi

Thượng tôn pháp luật, quản trị minh bạch, phát triển bền vững.

Thoả mãn khách hàng khi sử dụng sản phẩm và dịch vụ.

Hài hoà lợi ích cổ đông, người lao động và đóng góp cho xã hội.

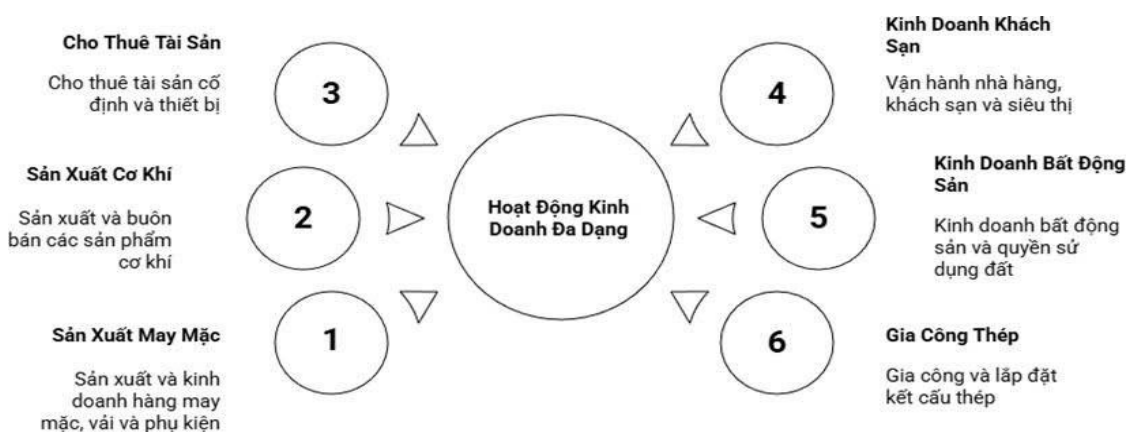
✓ Khẩu hiệu

“Hòa cùng thời đại - Thọ với nhân văn”.

✓ Tuyên bố chiến lược

Tiên phong trong các giải pháp kinh doanh, liên tục cải tiến để đồng hành cùng đối tác, khách hàng trong ngành dệt may toàn cầu.

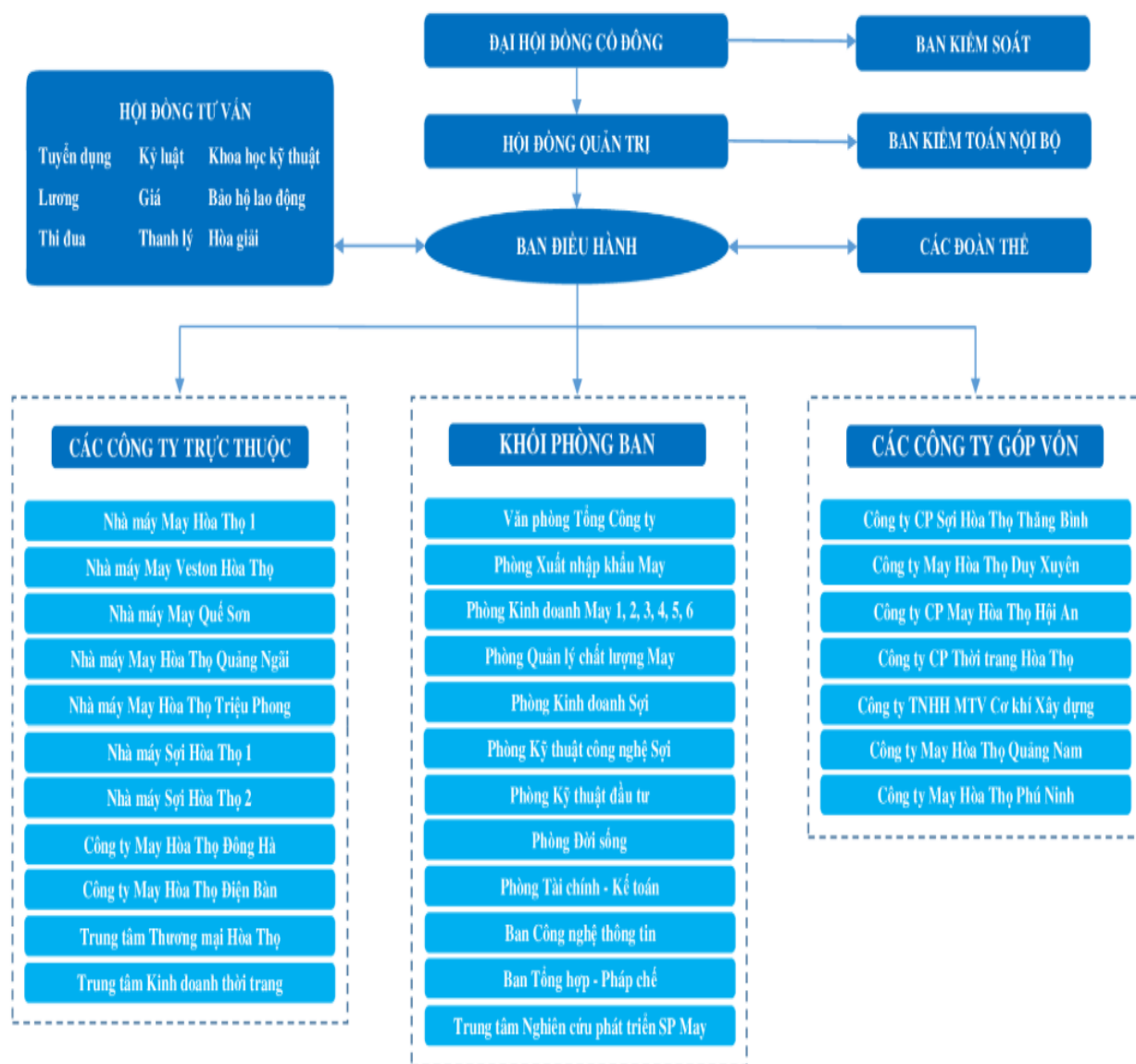
2.1.3 Ngành nghề kinh doanh



Hình 2.2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ

2.1.4 Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ

2.1.4.1 Cơ cấu tổ chức



Hình 2.3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.

Nhận xét:

- Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty được xây dựng theo mô hình quản trị theo cấp bậc kết hợp chức năng, thể hiện rõ sự phân định giữa quản lý, điều hành và giám sát. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất, giữ vai trò định hướng chiến lược; Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý và ban hành các chính sách; Ban điều hành là bộ phận trực tiếp tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty.

- Các phòng ban chức năng và đơn vị trực thuộc chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp từ Ban điều hành, đảm nhiệm các chức năng chuyên môn và hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể. Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ thực hiện vai trò giám sát độc lập, góp phần đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Hội đồng tư vấn và các đoàn thể có mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện.

- Trong sơ đồ, mũi tên liên thể hiện mối quan hệ quản lý, điều hành trực tiếp; mũi tên hai chiều thể hiện sự phối hợp và trao đổi thông tin; mũi tên đứt đoạn thể hiện mối quan hệ gián tiếp, mang tính hỗ trợ hoặc giám sát. Nhìn chung, cơ cấu tổ chức được thiết kế hợp lý, khoa học, phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động của doanh nghiệp dệt may, tạo điều kiện cho việc quản lý tập trung và vận hành hiệu quả.

2.1.4.2 Chức năng nhiệm vụ

✓ *Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)* Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.

✓ *Hội đồng quản trị (HĐQT)* Là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

✓ *Ban điều hành (BDH)* Là cơ quan điều hành hoạt động hằng ngày của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

✓ *Ban Kiểm soát (BKS)* Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Tổng Công ty.

✓ *Phòng Xuất nhập khẩu May*

Lập các thủ tục xuất nhập khẩu hàng may mặc, nguyên phụ liệu may, thiết bị, vật tư để phục vụ sản xuất của Tổng công ty.

Thanh khoản, quyết toán các hợp đồng gia công đã thực hiện; hoàn thuế đối với nguyên phụ liệu đã nhập khẩu và thực xuất khẩu; lập báo cáo nhập xuất tồn hàng năm theo quy định pháp luật.

Tổ chức nhập kho nguyên phụ liệu, kiểm đếm, cấp phát cho các đơn vị sản xuất. Bảo quản toàn bộ hàng hóa trong hệ thống kho.

Tổ chức kiểm kê, báo cáo tài sản theo đúng quy định.

✓ *Các phòng Kinh doanh May (1–6)*

Tham mưu cho Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách về các hoạt động liên quan công tác thị trường, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị.

Khai thác, phát triển nguồn hàng, khách hàng để đáp ứng năng lực sản xuất của các đơn vị theo quy hoạch chuyên môn hóa.

Tổ chức cung ứng nguyên phụ liệu đồng bộ, chính xác, kịp thời để ổn định hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu thị trường, xu hướng của ngành thời trang, năng lực sản xuất để xây dựng kế hoạch sản xuất - kinh doanh hiệu quả.

Nghiên cứu các chủ trương, chính sách và các Hiệp định thương mại để tổ chức vận dụng vào hoạt động kinh doanh, xúc tiến thương mại của Tổng công ty,

Khai thác, phát triển nguồn nguyên phụ liệu để chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tận dụng các cơ hội của Hiệp định Thương mại.

Tổ chức công tác xuất hàng và hoàn tất các thủ tục để thu hồi tiền hàng đúng hạn.

Thực hiện thanh lý nguyên phụ liệu đối với các đơn vị sản xuất sau khi kết thúc đơn hàng.

Thực hiện các thủ tục liên quan chức năng của đơn vị để hoàn tất công tác thanh khoản nguyên phụ liệu nhập khẩu và hoàn thuế.

Tổ chức lưu trữ hồ sơ chức năng của đơn vị và cung cấp khi có yêu cầu của Tổng công ty.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Tổng công ty.

Phối hợp với các Phòng ban chức năng, đơn vị sản xuất triển khai thực hiện chiến lược của Tổng công ty.

✓ *Phòng Đời sống*

Chăm sóc y tế, phòng chống dịch, tổ chức khám sức khỏe.

Huấn luyện sơ cấp cứu, kiểm tra vệ sinh môi trường.

Quản lý nhà ăn, phục vụ bữa ăn công nhân, quản lý điện – nước.

Báo cáo kết quả hoạt động; bảo vệ tài sản, an toàn thông tin.

✓ *Phòng Quản lý Chất lượng May*

Là phòng chức năng trực thuộc Tổng công ty, Phòng Quản lý Chất lượng may có chức năng tham mưu, giúp việc cho các ban lãnh đạo trong công tác quản lý hệ thống

chất lượng và chất lượng sản phẩm hàng may mặc sản xuất tại đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

✓ *Phòng Tài chính Kế toán*

Tham mưu, giúp HĐQT, Tổng giám đốc quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản, nguồn vốn của Tổng công ty.

Xây dựng các đề án, kế hoạch, hình thức huy động vốn phục vụ cho mục tiêu phát triển của Tổng công ty; giải quyết kịp thời các nguồn vốn phục vụ cho SXKD. Quản lý các nghiệp vụ kế toán - tài chính theo đúng pháp luật hiện hành.

Tham gia xây dựng giá thành, giá bán sản phẩm; hướng dẫn kiểm tra các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty tổ chức hạch toán kết quả SXKD theo đúng quy định pháp luật.

Phân tích thông tin, số liệu kế toán để tham mưu, đề xuất các giải pháp cho cơ quan điều hành kịp thời để quyết định chính sách SXKD.

Tổ chức kiểm kê tài sản, nguồn vốn và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Phối hợp hoạt động với các bộ phận khác trong doanh nghiệp, đóng góp ý kiến để cải thiện hiệu quả tài chính của các bộ phận có liên quan.

✓ *Phòng Kinh doanh Sợi*

Xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng đàm phán, đề xuất ký kết hợp đồng bán sản phẩm sợi và thực hiện các quy trình mua bán sản phẩm sợi.

Phối hợp với các nhà máy Sợi và phòng chức năng Tổng công ty xây dựng giá thành sản phẩm sợi và giá bán sản phẩm.

Phối hợp với các nhà máy Sợi xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch tiêu thụ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Tìm chọn khách hàng và nhà cung cấp nguyên liệu, thiết bị vật tư phụ tùng ngành Sợi.

Trực tiếp quản lý kho nguyên liệu Sợi, kho thành phẩm Sợi, kho vật tư phụ tùng Sợi và cung ứng nguyên liệu, vật tư phụ tùng phục vụ cho sản xuất.

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh ngành Sợi định kỳ và khi có yêu cầu của Tổng công ty theo quy định.

Tham mưu đề xuất Tổng giám đốc giá vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh theo đúng quy định.

✓ *Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm May*

Nghiên cứu về xu hướng thời trang, thị hiếu người tiêu dùng để đề xuất phương án phát triển sản phẩm & thị trường cần tiếp cận.

Thực hiện các chức năng liên quan về thiết kế, kỹ thuật của đơn ngành hàng để phối hợp cùng các đơn vị Kinh doanh May chào hàng; phát triển nguồn hàng cung ứng cho các đơn vị sản xuất.

Thực hiện nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất tối ưu nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng, năng suất tốt, giá thành cạnh tranh.

Thực hiện chức năng kiểm định Nguyên phụ liệu, sản phẩm ngành May.

Nghiên cứu các chủ trương, chính sách và cơ hội để phát triển thương mại điện tử.

Thực hiện công việc liên quan đến xúc tiến thương mại và thương mại điện tử.

2.1.5 Tình hình sử dụng nguồn lực của công ty

2.1.5.1 Cơ sở vật chất

Bảng 2.1. Bảng thống kê cơ sở vật chất tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
Vốn điều lệ	Đồng	360.027.080.000
Tổng diện tích mặt bằng	Ha	20,5
Quy mô lao động	Người	10.000
Sản lượng sản phẩm/năm	Sản phẩm	>23.350.000
Số công ty trực thuộc	Công ty	19
Trang thiết bị máy	Thiết bị	10.500
Số cọc sợi	Cọc	73.600
Sản lượng sợi/năm	Tấn	18.200
Thương hiệu đối tác	Thương hiệu	Ralph Lauren, Hagggar, Michael Kors, Calvin Klein, Tommy Hilfiger, Marc O'Polo, ...

(Nguồn Báo cáo thường niên của Công ty).

Trụ sở chính của Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ đặt tại số 36 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, với diện tích khoảng 20,5 ha. Đây là trung tâm điều hành chung của toàn hệ thống, nơi tập trung các phòng ban chức năng và thực hiện nhiệm vụ phối hợp hoạt động sản xuất – kinh doanh, quản lý chuỗi cung ứng. Công

ty hiện sở hữu khoảng 11.300 thiết bị dệt may, với năng lực sản xuất hằng năm đạt khoảng 26,60 triệu sản phẩm may mặc và 18.200 tấn sợi. Bên cạnh trụ sở chính, Hòa Thọ có ba nhà máy sợi tại Đà Nẵng và Quảng Nam, cùng hệ thống nhà máy may phân bố tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị và một số tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Mạng lưới sản xuất này giúp doanh nghiệp tối ưu chuỗi cung ứng, đáp ứng các đơn hàng lớn và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- *Nhà máy và xưởng sản xuất:* Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ hiện nay là một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành dệt may tại Việt Nam, với nhiều nhà máy và xưởng sản xuất trên khắp cả nước. Các nhà máy thường có diện tích rộng lớn, phân chia thành nhiều khu vực chuyên biệt như:
 - + Khu vực dệt: sản xuất vải, sợi.
 - + Khu vực may: lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm may mặc.
 - + Khu vực kiểm tra chất lượng và đóng gói.
 - + Kho lưu trữ nguyên vật liệu và thành phẩm.



Hình 2.4. Khu vực may và sản xuất sợi của Hòa Thọ

- *Trang thiết bị và công nghệ sản xuất:* Trang thiết bị hiện đại là một yếu tố quan trọng trong ngành dệt may để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ được biết đến với việc đầu tư các dây chuyền sản xuất tự động và máy móc tiên tiến như:
 - + **Máy dệt kim và máy dệt sợi:** Sử dụng để sản xuất vải, với công nghệ hiện đại có thể xử lý nhiều loại nguyên liệu từ cotton, polyester đến vải pha. Máy may tự động và máy cắt tự động: Giúp tăng năng suất và độ chính xác trong sản xuất, đảm bảo sản phẩm may có chất lượng đồng đều.

+ **Công nghệ in thêu và hoàn thiện vải:** Các công nghệ in ấn, thêu vi tính và hoàn thiện vải giúp công ty tạo ra các sản phẩm may mặc có giá trị gia tăng cao, đáp ứng được các tiêu chuẩn xuất khẩu.



Hình 2.5. Hòa Thọ áp dụng công nghệ cắt vải tự động

- *Hệ thống kho bãi và Logistics:*

+ **Kho nguyên vật liệu:** Chuyên lưu trữ các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất như vải, chỉ may, nút, khóa kéo, nhãn mác và các phụ liệu khác. Việc bố trí kho nguyên vật liệu hợp lý giúp doanh nghiệp thuận lợi trong quá trình quản lý, bảo quản và cung ứng nguyên liệu kịp thời cho các chuyền sản xuất.

+ **Kho thành phẩm:** Là nơi lưu trữ các sản phẩm đã hoàn thiện trước khi thực hiện đóng gói, phân phối hoặc xuất khẩu ra thị trường. Kho thành phẩm giúp doanh nghiệp quản lý số lượng hàng hóa, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hỗ trợ quá trình giao hàng đúng tiến độ cho khách hàng.

⇒ Nhìn chung, hệ thống cơ sở vật chất hiện có là nền tảng quan trọng giúp Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ duy trì năng lực sản xuất ổn định và đáp ứng khối lượng lớn đơn hàng xuất khẩu. Việc đầu tư đồng bộ về nhà xưởng, máy móc thiết bị, hệ thống kho bãi và công nghệ sản xuất không chỉ góp phần nâng cao năng suất lao động mà còn đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng quốc tế. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất hiện đại còn hỗ trợ doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh ngành dệt may ngày càng hội nhập và cạnh tranh gay gắt.

2.1.5.2 Nguồn nhân lực

Bảng 2.2. Bảng thống kê nguồn nhân lực năm 2023, năm 2024, năm 2025.

STT	Năm	2023	2024	2025	2023	2024	2025
	Tiêu chí	Số lượng			Tỷ trọng (%)		
I	Theo trình độ lao động						
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	459	507	477	4,53	5,26	4,89
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	591	575	643	5,83	5,97	6,59
3	Sơ cấp và Công nhân kĩ thuật	301	262	258	2,97	2,72	2,64
4	Lao động phổ thông	8.782	8.287	8.379	86,67	86,05	85,88
II	Theo đối tượng lao động						
1	Lao động trực tiếp	6.967	6.468	-	68,76	67,16	-
2	Lao động gián tiếp	3.166	3.163	-	31,24	32,84	-
III	Theo giới tính						
1	Nam	2.564	2.464	2.568	25,30%	25,58%	26,32
2	Nữ	7.569	7.167	7.189	74,70	74,42	73,68

(Nguồn: Báo cáo thường niên 2023, 2024, 2025)

Tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, nguồn nhân lực tiếp tục giữ vai trò then chốt trong việc duy trì hoạt động sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn 2023–2025.

- Cơ cấu lao động theo trình độ:

Cơ cấu lao động theo trình độ nhìn chung ổn định và tiếp tục phản ánh đặc thù của doanh nghiệp may mặc khi lao động phổ thông chiếm tỷ trọng áp đảo (trên 85% qua các năm). Cụ thể, lao động phổ thông dao động từ 8.287–8.782 người, chiếm khoảng 85,88% năm 2025, giảm nhẹ so với 86,67% năm 2023.

Lao động có trình độ đại học và trên đại học có xu hướng biến động nhưng vẫn duy trì ở mức thấp (khoảng 4,5–5,3%), tăng từ 459 người (2023) lên 507 người (2024) rồi giảm còn 477 người (2025). Trong khi đó, lao động cao đẳng, trung cấp có xu hướng tăng trở lại vào năm 2025 (643 người, chiếm 6,59%). Điều này cho thấy doanh nghiệp đang từng bước điều chỉnh cơ cấu theo hướng nâng cao tay nghề trung cấp, nhưng tỷ lệ lao động trình độ cao vẫn còn hạn chế.

- Cơ cấu lao động theo đối tượng lao động:

Lao động trực tiếp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nhân sự, đạt 68,76% năm 2023 và 67,16% năm 2024, trong khi lao động gián tiếp chiếm khoảng 31–33%. Số lượng lao động trực tiếp giảm từ 6.967 người (2023) xuống 6.468 người (2024), phản ánh xu hướng tinh giản hoặc tối ưu hóa sản xuất. Lao động gián tiếp gần như ổn định về số lượng. Đến năm 2025 chưa có số liệu, tuy nhiên xu hướng chung cho thấy doanh nghiệp đang chú trọng cân đối giữa sản xuất và quản lý.

- Cơ cấu lao động theo giới tính:

Lao động nữ tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động và duy trì ổn định qua các năm, lần lượt là 74,70% (2023), 74,42% (2024) và 73,68% (2025). Lao động nam chiếm khoảng 25–26% và có xu hướng tăng nhẹ về tỷ trọng. Sự chênh lệch giới tính này phù hợp với đặc thù ngành dệt may, đòi hỏi sự khéo léo, tỉ mỉ. Tuy nhiên, xu hướng tăng nhẹ lao động nam cho thấy doanh nghiệp có thể đang đa dạng hóa nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận hành.

⇒ Tổng Công ty Dệt May Hòa Thọ là doanh nghiệp có nguồn nhân lực ổn định, quy mô lớn và gắn bó lâu dài, đây là lợi thế rõ rệt trong ngành dệt may. Tuy nhiên, Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là tăng tỷ lệ lao động có trình độ cao và cải thiện khả năng thu hút, giữ chân lao động nhằm nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

2.1.5.3 Nguồn tài chính

Tổng Công ty Cổ phần May Hoà Thọ là một doanh nghiệp cổ phần lớn trong ngành dệt may Việt Nam. Nhờ cơ cấu cổ phần vững chắc và uy tín lâu năm trên thị trường, công ty sở hữu nguồn lực tài chính ổn định, đủ khả năng đầu tư cho sản xuất, mở rộng dây chuyền và nâng cao chất lượng sản phẩm. Hoà Thọ tận dụng hiệu quả vốn tự có kết hợp với các nguồn hỗ trợ từ các đối tác tài chính, giúp công ty duy trì hoạt động kinh doanh liên tục và phát triển bền vững. Sự ổn định về tài chính cũng tạo điều kiện thuận lợi để công ty tiếp cận khách hàng, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước.

Đơn vị tính: VND

Bảng 2.3. Bảng cân đối kế toán Năm 2023, Năm 2024, Năm 2025 (Tài sản)

Mã số	TÀI SẢN	2023	2024	2025
100	Tài Sản Ngắn Hạn (100 = 100 + 120 + 130 + 140 + 150)	1.761.375.593.537	2.095.059.428.168	2.745.127.796
110	Tiền và các khoản tiền tương đương	210.985.575.944	467.127.892.045	406.319.670.849
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	176.606.702.730	254.147.000.000	780.795.315.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	538.886.472.472	531.304.978.294	651.562.274.170
140	Hàng tồn kho	765.957.784.829	788.055.765.802	841.964.732.249
150	Tài sản ngắn hạn khác	68.939.057.562	54.423.792.027	64.485.804.656
200	Tài Sản Dài Hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	746.345.151.927	827.156.188.678	992.632.672.150
210	Các khoản phải thu dài hạn	5.698.452.545	3.335.572.947	964.365.192
220	Tài sản cố định	665.744.250.468	743.409.697.671	670.309.285.598
221	Tài sản cố định hữu hình	663.880.001.252	741.857.629.190	668.948.672.704
227	Tài sản cố định vô hình	1.864.249.216	1.552.068.481	1.360.612.894
240	Tài sản dở dang dài hạn	921.944.983	16.490.702.063	182.346.405.676
250	Đầu tư tài chính dài hạn	26.116.541.850	19.321.903.158	95.587.356.982
260	Tài sản dài hạn khác	47.863.962.081	44.598.312.839	43.425.258.702
261	Chi phí trả trước dài hạn	45.561.989.804	42.994.997.756	41.986.918.435
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.301.972.277	1.603.315.083	1.438.340.267
270	Tổng Cộng Tài Sản (270 = 100 + 200)	2.507.720.745.464	2.922.215.616.846	3.737.760.469.074

(Nguồn: Báo cáo tài chính 2023, 2024, 2025)

Đơn vị tính : VND

Bảng 2.4. Bảng cân đối kế toán Năm 2023, Năm 2024, Năm 2025 (Nguồn vốn)

Mã số	Nguồn Vốn	2023	2024	2025
300	Nợ Phải Trả (300 = 310 + 330)	1.670.914.709.684	1.998.251.477.307	2.625.461.607.307
310	Nợ Ngắn Hạn	1.441.464.680.083	1.790.076.791.322	2.332.947.578.113
330	Nợ Dài Hạn	229.450.029.601	208.174.685.985	292.514.029.194
400	Vốn Chủ Sở Hữu (400 = 410)	836.806.035.780	923.964.139.539	1.112.298.861.767
410	Vốn chủ sở hữu	836.806.035.780	923.964.139.539	1.112.298.861.767
411	Vốn cổ phần	360.027.080.000	360.027.080.000	360.027.080.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	227.896.456.204	302.002.876.633	443.772.381.968
	Tổng Cộng Nguồn Vốn (440 = 300 + 400)	2.507.720.745.464	2.922.215.616.846	3.737.760.469.074

(Nguồn: Báo cáo tài chính 2023, 2024, 2025)

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ trong giai đoạn 2023–2025 ghi nhận xu hướng tăng trưởng khá rõ rệt, phản ánh quá trình mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng năng lực tài chính của doanh nghiệp. Tổng tài sản của công ty tăng liên tục qua các năm, từ 2.507,7 tỷ đồng năm 2023 lên 2.922,2 tỷ đồng năm 2024 và đạt 3.737,8 tỷ đồng vào năm 2025. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang đẩy mạnh đầu tư vào hoạt động sản xuất, mở rộng quy mô tài sản và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có mức tăng mạnh nhất, từ 176,6 tỷ đồng năm 2023 lên 780,8 tỷ đồng năm 2025. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã gia tăng hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng từ 766 tỷ đồng lên khoảng 842 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu dự trữ nguyên phụ liệu và hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng lớn. Các

khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 538,9 tỷ đồng lên 651,6 tỷ đồng, cho thấy quy mô bán hàng và hoạt động thương mại của doanh nghiệp tiếp tục được mở rộng.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản dài hạn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến năm 2025 giá trị tài sản cố định giảm còn khoảng 670,3 tỷ đồng so với 743,4 tỷ đồng năm 2024 do công ty thực hiện trích khấu hao hoặc thanh lý một số tài sản cũ. Ngược lại, tài sản dở dang dài hạn tăng đột biến từ 16,5 tỷ đồng lên 182,3 tỷ đồng, cho thấy doanh nghiệp đang triển khai nhiều dự án đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất trong thời gian tới. Về cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả của doanh nghiệp tăng khá mạnh qua các năm, từ 1.670,9 tỷ đồng năm 2023 lên 2.625,5 tỷ đồng năm 2025. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng nhanh từ 1.441,5 tỷ đồng lên 2.332,9 tỷ đồng. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng nhiều nguồn vốn vay và công nợ ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng quy mô hoạt động.

Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cũng ghi nhận xu hướng tăng tích cực, từ 836,8 tỷ đồng năm 2023 lên hơn 1.112,3 tỷ đồng năm 2025. Đáng chú ý, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng mạnh từ 227,9 tỷ đồng lên 443,8 tỷ đồng, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đang được cải thiện đáng kể qua từng năm. Điều này cho thấy công ty không chỉ mở rộng quy mô hoạt động mà còn từng bước nâng cao khả năng sinh lời và tích lũy nội lực tài chính.

⇒ Nhìn chung, sự biến động trong cơ cấu tài sản và nguồn vốn giai đoạn 2023–2025 cho thấy Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đang trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng gia tăng đầu tư, nâng cao năng lực tài chính và đẩy mạnh dự trữ nguồn lực phục vụ sản xuất. Tuy việc gia tăng nợ phải trả có thể làm tăng áp lực tài chính trong ngắn hạn, nhưng với sự tăng trưởng đồng thời của vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối, doanh nghiệp vẫn duy trì được khả năng tự chủ tài chính tương đối tốt và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định trong những năm tiếp theo.

2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

2.2.1 Tổng quan về hoạt động kinh doanh của công ty

2.2.1.1 Lĩnh vực kinh doanh

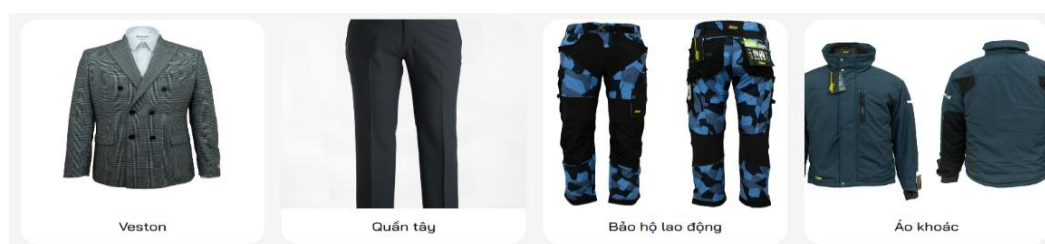
Hoà Thọ là một trong những doanh nghiệp dệt may có bề dày lịch sử và quy mô lớn với 2 lĩnh vực chính:

- Kéo sợi
- Sản xuất hàng may mặc
 - **Sợi:** Hoà Thọ tập trung sản xuất và kinh doanh các loại sợi chất lượng cao như sợi chải thô (CD), sợi chải thô xoắn (TCD), sợi OE (Open-End), sợi đôi (Double Yarn) và sợi tái chế (Recycled Yarn). Các sản phẩm này không chỉ đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho hệ thống nhà máy trong nước mà còn được xuất khẩu sang các thị trường như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc.



Hình 2.6. Các sản phẩm sợi

- **May mặc:**
 - **May mặc xuất khẩu:** Công ty sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như veston, áo khoác, quần tây và trang phục bảo hộ lao động, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Hoà Thọ còn là đối tác cung ứng cho nhiều thương hiệu như Snickers, Haggard Clothing, Calvin Klein, Burton,... đồng thời cung cấp dịch vụ gia công theo đơn đặt hàng, với sự hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật giàu kinh nghiệm và hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại.



Hình 2.7. Các sản phẩm may xuất khẩu

- **May mặc nội địa:** Hòa Thọ cũng chú trọng phát triển các sản phẩm may mặc tiêu thụ trong nước. Các dòng sản phẩm nội địa của công ty khá đa dạng, bao gồm trang phục công sở như áo sơ mi, quần tây, veston,... đồng phục đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của người tiêu dùng.



Hình 2.8. Các sản phẩm may mặc nội địa

Ngoài ra còn sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí, cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.

Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống gió, hệ thống áp lực các loại.

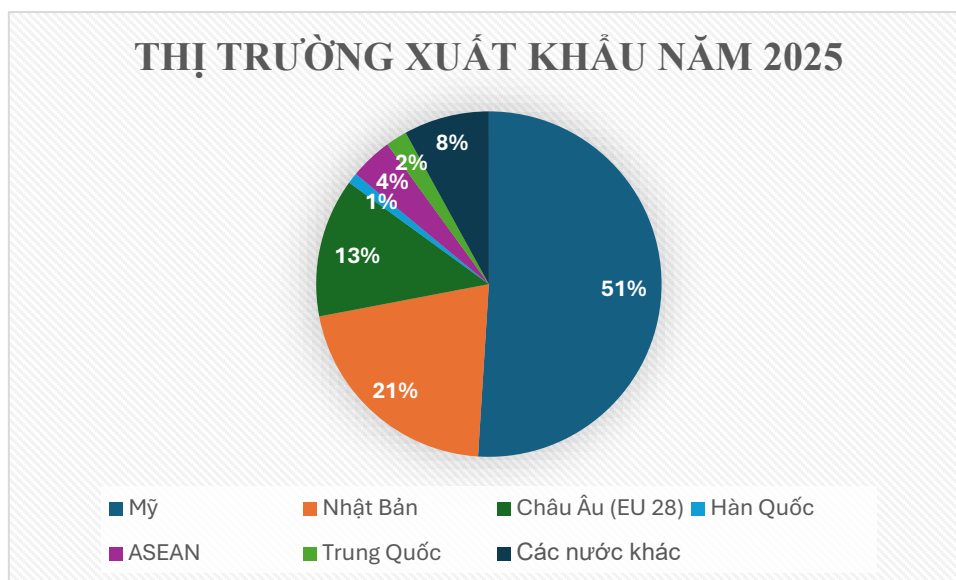
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

Hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải: logistics, dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hóa đường biển, đường sắt, đường bộ, đường hàng không trong và ngoài nước.

2.2.1.2 Thị trường

Thị trường trong nước: Hòa Thọ xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước, tập trung tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua hệ thống cửa hàng bán lẻ, đại lý và đối tác phân phối, sản phẩm của công ty được tiếp cận đến nhiều khu vực. Đồng thời, doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa bằng việc đa dạng hóa kênh phân phối, kết hợp giữa bán hàng truyền thống và thương mại điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận sản phẩm.

Thị trường khách hàng quốc tế:



Hình 2.9. Thị trường xuất khẩu của Hòa Thọ năm 2025

(Nguồn: Báo cáo thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ)

Nhờ áp dụng quy trình sản xuất hiện đại và tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, sản phẩm của Hòa Thọ đã có mặt tại các thị trường lớn như Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu, Châu Á, Trung Quốc Năm 2025, Mỹ chiếm 51% kim ngạch xuất khẩu, Nhật Bản chiếm 21%, châu Âu chiếm 13% và khu vực châu Á (bao gồm Hàn Quốc, Trung Quốc và ASEAN) chiếm 7%. (Báo cáo thường niên, 2025)

2.2.1.3 Khách hàng

Khách hàng cá nhân: Tập trung nhiều hơn vào nam giới vì công ty có thế mạnh về sản phẩm may mặc nam, độ tuổi từ 18-45, tập trung ở các khu vực đông dân như Đà Nẵng, Hà Nội, Hồ Chí Minh có thu nhập trung bình - khá và thường đề cao chất lượng, sự bền vững, và thương hiệu uy tín.

Khách hàng doanh nghiệp: Hòa Thọ hướng đến các công ty nội địa và nước ngoài cần nguồn cung ứng sợi, vải, đồng phục và gia công may mặc, thường là công ty trong ngành dệt may và thời trang. Công ty đã ký kết hợp tác với nhiều tập đoàn thời trang lớn trên thế giới như Motives, Express, Perry Ellis International, Snickers, và Decathlon, trong đó Motives là khách hàng chính và có giá trị hợp đồng lớn nhất.

2.2.1.4. Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: VND

Bảng 2.5. Cơ cấu doanh thu năm 2023 – 2025 Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Chỉ tiêu	May mặc			Sợi		
	2023	2024	2025	2023	2024	2025
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	3.772.752.419	4.084.716.970	4.429.941.837	927.457.155	1.018.211.709	982.148.694
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	134.719.682	140.223.246	153.355.030	37.607.131	61.630.149	51.433.069
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	3.907.472.101	4.224.940.216	4.583.296.867	1.079.841.858	965.064.286	1.033.581.763
Kết quả kinh doanh của bộ phận	417.750.504	521.140.819	561.547.711	71.071.333	14.382.693	68.975.353

(Nguồn: Báo cáo thường niên 2023, 2024, 2025)

Doanh thu thuần từ thị trường bên ngoài của lĩnh vực may mặc ghi nhận xu hướng tăng trưởng liên tục và tương đối bền vững, phản ánh khả năng duy trì đơn hàng, mở rộng thị trường và củng cố vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực cốt lõi. Mức tăng trưởng đều qua các năm cho thấy hoạt động sản xuất tiêu thụ đang vận hành hiệu quả và ít chịu biến động bất lợi từ môi trường kinh doanh. Trái lại, doanh thu của lĩnh vực sợi có quy mô thấp hơn đáng kể và biến động theo hướng kém ổn định, với sự gia tăng trong năm 2024 nhưng suy giảm ở năm 2025. Diễn biến này hàm ý rằng thị trường tiêu thụ sợi còn phụ thuộc lớn vào chu kỳ ngành và nhu cầu từ các doanh nghiệp hạ nguồn, đặc biệt là chính bộ phận may mặc trong nội bộ.

Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận có xu hướng gia tăng, đặc biệt rõ nét ở lĩnh vực may mặc, cho thấy mức độ tích hợp theo chiều dọc trong chuỗi sản xuất ngày càng được củng cố. Điều này phản ánh doanh nghiệp đang từng bước hoàn thiện mô hình sản xuất khép kín, qua đó nâng cao khả năng tự chủ về nguyên vật liệu và giảm thiểu phụ thuộc vào bên ngoài.

Đối với lĩnh vực sợi, doanh thu nội bộ tuy có tăng nhưng không ổn định, cho thấy vai trò cung ứng đầu vào cho bộ phận may mặc chưa thực sự đồng đều qua các năm. Đồng thời, sự gia tăng của chỉ tiêu này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về kiểm soát giao dịch nội bộ và loại trừ doanh thu trùng lặp, nhằm đảm bảo tính trung thực và hợp lý của thông tin tài chính.

Tổng doanh thu thuần của lĩnh vực may mặc tăng trưởng ổn định và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong toàn doanh nghiệp, qua đó khẳng định vai trò dẫn dắt và chi phối trong cơ cấu doanh thu. Sự gia tăng này là kết quả tổng hợp của cả mở rộng thị trường bên ngoài.

Ngược lại, tổng doanh thu của lĩnh vực sợi có xu hướng dao động và thiếu tính bền vững, thể hiện qua sự sụt giảm trong năm 2024 và phục hồi chưa đáng kể vào năm 2025. Điều này cho thấy lĩnh vực sợi chưa xây dựng được nền tảng thị trường ổn định, đồng thời còn phụ thuộc vào nhu cầu phát sinh từ các bộ phận liên quan.

Kết quả kinh doanh của lĩnh vực may mặc duy trì đà tăng trưởng tích cực và liên tục, phản ánh hiệu quả trong tổ chức sản xuất, quản trị chi phí và khai thác thị trường. Đây là bộ phận tạo ra giá trị gia tăng chủ yếu, đóng góp lớn vào lợi nhuận chung của doanh nghiệp.

Trong khi đó, lĩnh vực sợi có kết quả kinh doanh biến động mạnh và tiềm ẩn rủi ro, thể hiện qua sự sụt giảm đáng kể trong năm 2024 trước khi phục hồi vào năm 2025. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động của bộ phận này còn thiếu ổn định, dễ bị tác động bởi biến động chi phí đầu vào và điều kiện thị trường.

⇒ Từ đó cho thấy cơ cấu doanh thu và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mang tính phân hóa rõ rệt giữa hai lĩnh vực, trong đó may mặc giữ vai trò trung tâm với tăng trưởng ổn định và hiệu quả cao, còn sợi đóng vai trò bổ trợ nhưng chưa đạt được tính ổn định cần thiết. Thực trạng này hàm ý rằng doanh nghiệp cần tiếp tục phát huy lợi thế ở lĩnh vực cốt lõi, đồng thời tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực sợi nhằm hướng tới cơ cấu doanh thu cân đối và phát triển bền vững hơn trong dài hạn.

2.2.1.4 Đối thủ cạnh tranh

Đối thủ cạnh tranh trực tiếp

Trong bối cảnh môi trường cạnh tranh của ngành dệt may Việt Nam và thị trường thế giới ngày càng gay gắt, Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ phải không ngừng tạo dựng và duy trì lợi thế cạnh tranh nhằm giữ vững vị thế trên thị trường. Hòa Thọ tập

trung nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, tối ưu quy trình sản xuất và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của khách hàng trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước, các đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Hòa Thọ có thể kể đến Tổng công ty May 10 và Tổng công ty May Việt Tiến. Đây đều là những doanh nghiệp dệt may lớn, có thương hiệu mạnh, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc xuất khẩu, sở hữu hệ thống nhà máy hiện đại và mạng lưới khách hàng ổn định. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp này đều có những ưu điểm và nhược điểm khác nhau:

Bảng 2.6. Bảng so sánh ưu điểm và nhược điểm của Tổng Công ty May 10 và Tổng Công ty May Việt Tiến

Công ty	Ưu điểm	Nhược điểm
May 10	- Danh mục sản phẩm ổn định, phù hợp các dòng may mặc truyền thống và đơn hàng số lượng lớn. - Uy tín lâu năm trong ngành, được đánh giá cao về chất lượng và tiến độ giao hàng. - Công nghệ ở mức khá, đảm bảo sản xuất ổn định. - Năng lực sản xuất ổn định, đáp ứng tốt các đơn hàng lớn. - Chi phí sản xuất tương đối thấp, phù hợp gia công truyền thống.	- Danh mục sản phẩm chưa đa dạng, ít sản phẩm giá trị gia tăng cao. - Uy tín chủ yếu mạnh trong nước, mức độ quốc tế hóa chưa cao. - Trình độ công nghệ và tự động hóa còn hạn chế so với các doanh nghiệp lớn khác. - Giá trị gia tăng sản phẩm chưa cao, phụ thuộc nhiều vào gia công. - Mẫu mã và thiết kế chưa thực sự đa dạng.
May Việt Tiến	- Danh mục sản phẩm đa dạng, có nhiều phân khúc từ nội địa đến xuất khẩu cao cấp. - Uy tín thương hiệu mạnh, có vị thế trong nước và trên thị trường quốc tế. - Trình độ công nghệ cao, đầu tư nhiều dây chuyền và thiết bị hiện đại.	- Danh mục sản phẩm rộng làm tăng chi phí quản lý và vận hành. - Áp lực duy trì uy tín lớn trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. - Chi phí đầu tư công nghệ cao, làm tăng giá thành sản phẩm.

Dựa trên bảng so sánh, có thể thấy các doanh nghiệp như May 10 và Việt Tiến đang nắm giữ những lợi thế cạnh tranh rõ rệt về giá, uy tín thương hiệu, danh mục sản phẩm và trình độ công nghệ. May 10 là doanh nghiệp dệt may hơn 75 năm hình thành

và phát triển, được xem là một trong những thương hiệu tiêu biểu của ngành với mạng lưới phân phối rộng khắp và nhiều dòng sản phẩm đa dạng phù hợp cả thị trường nội địa và quốc tế. Công ty không chỉ sản xuất các sản phẩm quen thuộc như sơ mi, vest, quần áo công sở mà còn phát triển nhiều bộ sưu tập thời trang hiện đại, thân thiện với môi trường và phong cách đa dạng hướng đến nhiều nhóm khách hàng khác nhau. Bên cạnh đó, May 10 đã đầu tư mạnh vào thiết kế, nghiên cứu thị trường và chiến lược phát triển bền vững để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường toàn cầu.

Việt Tiến cũng là thương hiệu uy tín, có vị thế vững chắc trên thị trường với danh mục sản phẩm phong phú phục vụ cả thị trường nội địa và xuất khẩu, đồng thời đạt được sự tăng trưởng tài chính ổn định qua các năm. Theo báo cáo gần đây, doanh thu và lợi nhuận của Việt Tiến tăng trưởng đáng kể, phản ánh năng lực hoạt động hiệu quả và sức cạnh tranh ngày càng cao trong bối cảnh thị trường đầy biến động.

Tuy nhiên, những ưu điểm này vẫn đi kèm với nhược điểm như chi phí đầu tư công nghệ và tự động hóa cao, áp lực duy trì uy tín thương hiệu trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, và phụ thuộc lớn vào nguyên phụ liệu nhập khẩu. Đây là những điểm mà Hòa Thọ có thể xem xét để xây dựng chiến lược cạnh tranh hiệu quả hơn. Khi so sánh với May 10 và Việt Tiến, Hòa Thọ cũng đang có những lợi thế riêng như uy tín, thương hiệu có chỗ đứng trong ngành, và chất liệu sản phẩm vải được khách hàng đánh giá cao, phù hợp nhu cầu sử dụng ở nhiều nhóm tuổi. Việc khai thác tốt những điểm mạnh này sẽ giúp Hòa Thọ tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, sự xâm nhập của các thương hiệu quốc tế như Uniqlo, Zara, H&M, và GAP đã mở rộng thị trường tại Việt Nam, chiếm lĩnh phân khúc thời trang hiện đại, chất lượng cao. Điều này làm giảm cơ hội tiếp cận khách hàng trong nước của Hòa Thọ, đặc biệt là nhóm khách hàng trẻ yêu thích phong cách quốc tế.

Đối thủ tiềm ẩn

Ngành dệt may Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn lớn đối với ngành may mặc Việt Nam và Tổng công ty Dệt may Hòa Thọ. Trung Quốc hiện là quốc gia xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới, với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may đạt trên 300 tỷ USD/năm, đồng thời chiếm hơn 60–65% nguồn vải nhập khẩu của Việt Nam. Lợi thế về quy mô sản xuất lớn, chuỗi cung ứng khép kín và giá thành thấp tạo áp lực cạnh tranh mạnh về giá và nguồn nguyên liệu đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

⇒ Đối với Hòa Thọ, điều này vừa là áp lực cạnh tranh lớn, vừa là động lực để chú trọng nâng cao chất lượng, đổi mới công nghệ, cải thiện chuỗi cung ứng nội địa, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

2.2.2 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ

Đơn vị tính: VND

Bảng 2.7. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023 – 2025)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	So sánh			
						2024/2023		2024/2025	
						±	%	±	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.389.846.051.983	5.111.153.311.349	5.412.229.347.365	+721.307.259.366	+16,43	+301.076.036.016	+5,89
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.730.106.628	8.224.632.538	138.816.905	+4.494.525.910	+120,49	-8.085.815.633	-98,31
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	4.386.115.945.355	5.102.928.678.811	5.412.090.530.460	+716.812.733.456	+16,34	+309.161.851.649	+6,06
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	3.997.669.894.525	4.510.716.526.556	4.781.567.466.019	+513.046.632.031	+12,83	+270.850.939.463	+6,00
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	388.446.050.830	592.212.152.255	630.523.064.441	+203.766.101.425	+52,46	+38.310.912.186	+6,47
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	85.811.711.770	115.656.671.875	113.543.804.524	+29.844.960.105	+34,78	-2.112.867.351	-1,83
7	Chi phí tài chính	22	60.116.974.728	84.086.085.086	72.788.265.277	+23.969.110.358	+39,87	-11.297.819.809	-13,44
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	32.833.936.349	39.892.375.132	50.823.810.199	+7.058.438.783	+21,50	+10.931.435.067	+27,40
8	Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	0	1.848.161.308	2.240.277.173	+1.848.161.308	—	+392.115.865	+21,22
9	Chi phí bán hàng	25	64.472.982.826	109.491.732.853	95.595.628.059	+45.018.750.027	+69,83	-13.896.104.794	-12,69
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	133.779.121.560	181.620.716.393	191.578.617.286	+47.841.594.833	+35,76	+9.957.900.893	+5,48
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 – 22) + 24 – (25 +26))	30	215.888.683.486	334.518.451.106	386.344.635.516	+118.629.767.620	+54,95	+51.826.184.410	+15,49
12	Thu nhập khác	31	10.137.285.901	20.996.517.837	15.959.042.134	+10.859.231.936	+107,12	-5.037.475.703	-23,99
13	Chi phí khác	32	6.145.702.332	2.642.741.822	1.701.863.668	-3.502.960.510	-57,00	-940.878.154	-35,60
14	Kết quả từ hoạt động	40	3.991.583.569	18.353.776.015	14.257.178.466	+14.362.192.446	+359,81	-4.096.597.549	-22,32

	khác (40 = 31 – 32)								
15	Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	219.880.267.055	352.872.227.121	400.601.813.982	+132.991.960.066	+60,48	+47.729.586.861	+13,53
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35.361.821.729	69.703.161.427	78.081.115.196	+34.341.339.698	+97,11	+8.377.953.769	+12,02
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	3.367.483.005	664.966.616	73.853.780	-2.702.516.389	-80,25	-591.112.836	-88,89
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60	181.150.962.321	282.504.099.078	322.446.845.006	+101.353.136.757	+55,95	+39.942.745.928	+14,14

(Nguồn Báo cáo tài chính 2023, 2024, 2025)

Trong giai đoạn 2023–2025, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh tương đối khả quan với xu hướng tăng trưởng ổn định cả về doanh thu lẫn lợi nhuận. Trong bối cảnh ngành dệt may Việt Nam chịu nhiều tác động từ biến động kinh tế toàn cầu, chi phí nguyên vật liệu gia tăng và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn tại các thị trường xuất khẩu chủ lực, doanh nghiệp vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực, cho thấy khả năng thích ứng tương đối tốt cũng như hiệu quả trong công tác điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

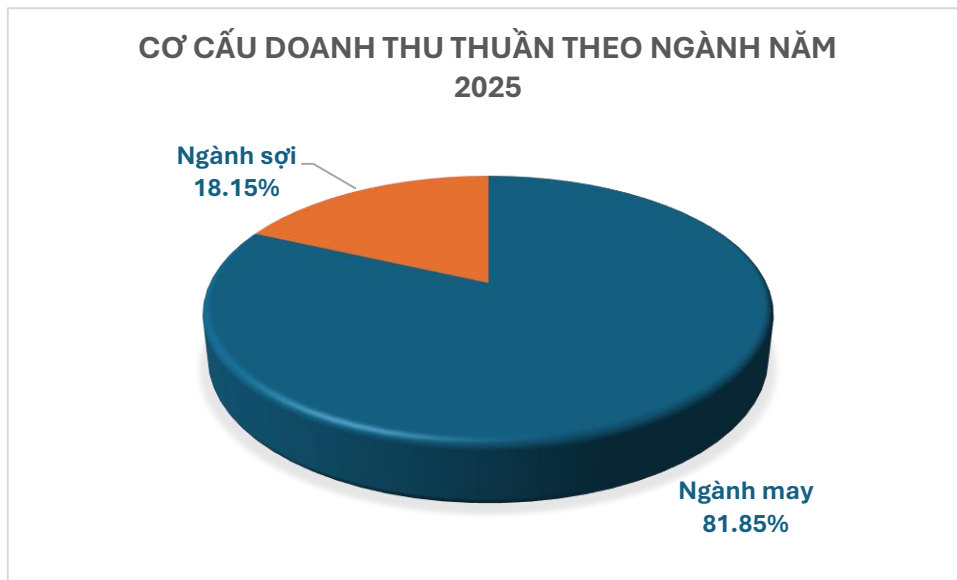
Xét về quy mô hoạt động, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp liên tục tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2024 doanh thu thuần đạt 5.102.928.678.811 đồng, tăng 716.812.733.456 đồng, tương ứng tăng 16,34% so với năm 2023. Sang năm 2025, doanh thu tiếp tục tăng lên 5.412.090.530.460 đồng, tương ứng tăng 6,06% so với năm trước. Mặc dù tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2025 có phần chậm lại so với năm 2024, nhưng kết quả này vẫn phản ánh khả năng duy trì thị trường tiêu thụ, ổn định đơn hàng xuất khẩu và mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong điều kiện thị trường còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, các khoản giảm trừ doanh thu năm 2025 giảm mạnh 98,31% so với năm 2024 cũng góp phần cải thiện đáng kể doanh thu thuần của doanh nghiệp.

Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp tuy có xu hướng gia tăng nhưng tốc độ tăng vẫn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu thuần. Cụ thể, năm 2024 giá vốn tăng 12,83%, trong khi doanh thu thuần tăng 16,34%; đến năm 2025 giá vốn tăng 6,00%, thấp hơn mức tăng doanh thu là 6,06%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã có sự cải thiện nhất định trong công tác quản lý chi phí sản

xuất, tối ưu hóa hoạt động vận hành cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Nhờ đó, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng trưởng khá tích cực. Năm 2024, lợi nhuận gộp đạt 592.212.152.255 đồng, tăng mạnh 52,46% so với năm 2023; đến năm 2025 tiếp tục tăng lên 630.523.064.441 đồng, tương ứng tăng 6,47%. Kết quả này phản ánh năng lực tạo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp đang từng bước được cải thiện.

Đối với hoạt động tài chính và quản trị chi phí, doanh nghiệp vẫn chịu áp lực nhất định từ chi phí vốn trong quá trình mở rộng quy mô hoạt động. Năm 2024, chi phí tài chính tăng 39,87% so với năm 2023, trong khi chi phí lãi vay tăng 21,50%. Đến năm 2025, mặc dù tổng chi phí tài chính đã giảm 13,44%, nhưng chi phí lãi vay vẫn tiếp tục tăng 27,40%, đạt 50.823.810.199 đồng. Điều này cho thấy doanh nghiệp vẫn phụ thuộc tương đối lớn vào nguồn vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng qua các năm nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động và nâng cao năng lực quản lý. Tuy nhiên, mức tăng của các khoản chi phí này vẫn nằm trong phạm vi kiểm soát và tương đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng doanh thu, phản ánh doanh nghiệp đã có sự chủ động trong công tác quản trị chi phí và điều hành hoạt động kinh doanh.

Xét về khả năng sinh lời, doanh nghiệp ghi nhận sự tăng trưởng tương đối tích cực qua từng năm. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 đạt 334.518.451.106 đồng, tăng 54,95% so với năm 2023; đến năm 2025 tiếp tục tăng lên 386.344.635.516 đồng, tương ứng tăng 15,49%. Đồng thời, lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025 đạt 400.601.813.982 đồng, tăng 13,53% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 322.446.845.006 đồng, tăng 14,14%. Mặc dù tốc độ tăng lợi nhuận năm 2025 không còn cao như năm 2024, song kết quả này vẫn cho thấy doanh nghiệp duy trì được hiệu quả kinh doanh ổn định và khả năng sinh lời tương đối tốt trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Đây là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp tiếp tục củng cố vị thế cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động và hướng tới phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.



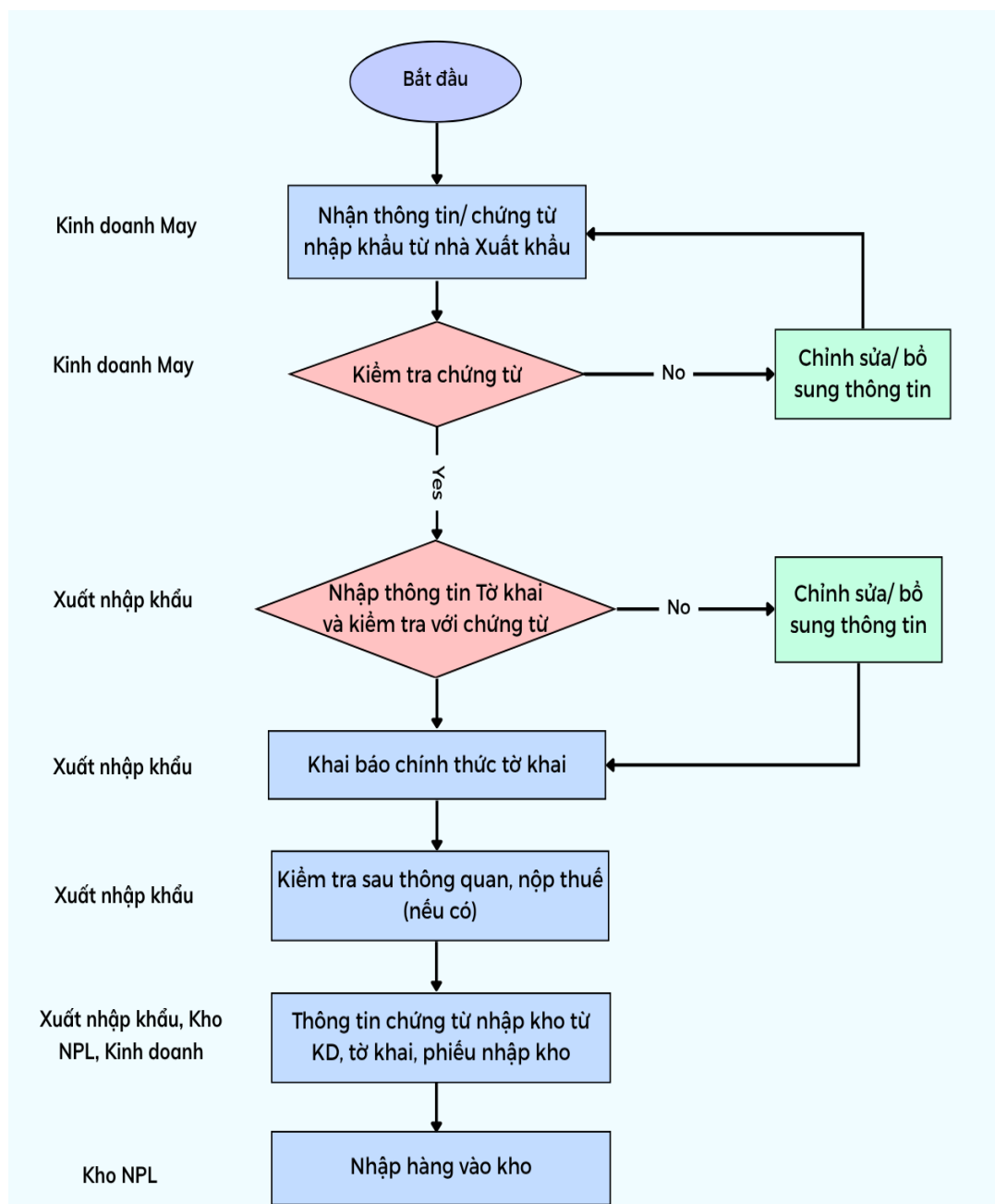
Hình 2.10. Cơ cấu doanh thu thuần của ngành may và sợi tại Công ty.

Nguồn: Báo cáo thường niên của Tổng Công ty

Về cơ cấu doanh thu năm 2025, mảng may chiếm tỷ trọng chủ yếu với 81,85%, trong khi mảng sợi chiếm 18,15%, cho thấy công ty vẫn phụ thuộc lớn vào hoạt động may mặc xuất khẩu.

2.3. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG NHẬP KHẨU NGUYÊN PHỤ LIỆU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.

2.3.1 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan đối với hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ



Hình 2.11. Quy trình thủ tục hải quan hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng công ty CP Dệt may Hòa Thọ.

2.3.2 Phân tích quy trình thủ tục hải quan hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra thông tin về lô hàng nhập khẩu

Các mặt hàng nguyên phụ liệu nhập khẩu chủ yếu của Hòa Thọ như móc, nút áo, nhãn mác, thẻ treo (hangtag), bao bì,... phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất. Hàng hóa thường được nhập khẩu từ các thị trường như Trung Quốc, Hồng Kông, Thái Lan và một số quốc gia châu Á khác, sau đó vận chuyển về các cảng biển tại Việt Nam như Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. Phương tiện vận chuyển quốc tế chủ yếu là tàu container, kết hợp với vận tải đường bộ để đưa hàng từ cảng về kho của doanh nghiệp phục vụ sản xuất xuất khẩu. Bộ phận Kinh doanh sẽ làm việc với nhà cung cấp để trao đổi, thống nhất về số lượng, chất lượng, mẫu mã hàng hóa cũng như các điều khoản thương mại trước khi tiến hành ký kết hợp đồng.

Khi hợp đồng ngoại thương được ký kết và lô hàng đã được xếp lên tàu để vận chuyển đến cảng đích, phía nhà xuất khẩu sẽ gửi bộ chứng từ liên quan đến lô hàng cho Phòng Kinh doanh may thông qua các phương thức như email, fax. Căn cứ vào các thông tin về lô hàng dự kiến nhập khẩu do đối tác cung cấp, Phòng Kinh doanh May của Hòa Thọ sẽ tiến hành lập **Phiếu yêu cầu nhập hàng hóa** nhằm đề nghị các bộ phận liên quan thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình nhập khẩu.

Bộ chứng từ sau khi được tiếp nhận sẽ được kiểm tra và sử dụng để tiến hành các thủ tục khai báo hải quan, làm cơ sở cho việc thông quan lô hàng tại cảng đích.

- Hợp đồng ngoại thương (Sale Contract);

SALES CONTRACT

No : 014-AVERY/HT-HGC/2026
Date : 20-Mar-2026

The Buyer: HOATHO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORP.
36 Ong Ich Duong Str, Cam Le Ward, Da Nang City, Viet Nam
Tel: +84-236-3846290 Fax: +84-236-3846216
Represented by: Ms Hoang Thuy Oanh - Vice General Director

The Seller: AVERY DENNISON HONG KONG B.V.
1/F., No.7 Chun Ying Street, Tseung Kwan O Industrial Estate, New Territories, HongKong
Tel: 852 2516 3000 Fax: 852 2516 9014
Represented by: Mr Heather Lam - Manager

It is mutually agreed to sign this contract covering the following terms and conditions:

Article I : Object of sales contract:

The Seller agrees to sell and the Buyer agrees to buy materials for making garments of HAGGAR CLOTHING CO.'s order exported to USA market.

Article II: Commodity - Quantity - Quality - Unit price - Amount

1. Specification - Quality - Color Shade

The detail of technical specification, quality, colors and supplier shall be nominated by HAGGAR CLOTHING CO.

2. Commodity - quantity - unit price - amount:

Description	Unit	Q'ty	Unit Price (USD/Unit)	Amount (USD)
1072242, 1072245, 1072251, 1072248, 1072256, 1072243, 1072246, 1072252, 1072249, 1072255, 1072244, 1072247, 1072253, 1072250, 1072254				
Hangtag (NPG)-HAGHT264	PCS	31,800	0.1256	3,994.08
1072050, 1071954, 1071955, 1071956, 1071957, 1072006, 1072005				
Hangtag (NPG)-JMHCUFF01-INT	PCS	7,019	0.0665	466.76
1072012, 1072014				
Hangtag (NPG)-JMHCUFF02-INT	PCS	5,682	0.0760	431.83
1071997, 1072000, 1072003, 1072002				
Hangtag (NPG)-HAGHT231	PCS	1,600	0.1256	200.96
1071984, 1072410				
Hangtag (NPG)-JMHCUFF10-INT	PCS	342	0.0665	22.74
1071878				
UPC Hangtag (NPG)-HAGCUFF16-INT	PCS	133	0.0665	8.84
1071827				
UPC Hangtag (NPG)-JMHCUFF03-INT	PCS	1	0.0666	0.07
1071778, 1071486, 1071766, 1071980, 1071984, 1071982, 1072410				
Hangtag (NPG)-JMHT56	PCS	9,700	0.0746	723.23
Total		56,277		5,848.51

Total amount: 5,848.51 usd

(In words: US Dollars five thousand eight hundred forty eight and cents fifty one only).

The above price is understood to be EXW HONGKONG, CHINA, Incoterms 2010, packing included. More or less within 3.0 % on quantity and amount in each item or color are accepted.

3. Country of Origin: HongKong

4. Packing: International export standard for sea transportation.

Article III: Delivery - Insurance and Payment terms

1. Advice of Delivery: Immediately after the shipment but not later than 3 working days after shipment, The Seller should fax to the Buyer the shipping advice & shipping documents: Commercial Invoice, Packing List, Bill for making import formality.

2. Latest shipment date : Before 30-Apr-2026

3. Place of Loading : HONG KONG PORT, CHINA

4. Port of Destination : DANANG PORT, VIETNAM

5. Partial shipment : Allowed

6. Terms of payment : TT 100% commercial invoice value within 30 days from the shipment date.

Bank name : Standard Chartered Bank (Hong Kong) Limited

Address : 15/F, Standard Chartered Tower, 388 Kwun Tong Road, Kwun Tong, Kowloon, Hong Kong

Swift code : SCBLHKHHXXX

A/C no. : 003-447-0-092572-7

A/C Name : Avery Dennison Hong Kong B.V.

7. Insurance : The goods shall be covered by the Buyer

Hình 2.12. Hợp đồng ngoại thương

- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice); Phiếu đóng hàng (Packing List);

NO: 1880442179 Date: 14/03/2026			
EXPORT INVOICE / PACKING LIST		SHIPPER	
HOA THO TEXTILE & GARMENT JOINT STOCK CORP. 36 ONG ICH DUONG ST DA NANG CITY VIET NAM ATTN: MS HANH		AVERY DENNISON HONG KONG B.V 1/F, No.7 Chun Ying Street, Tseung Kwan O Industrial Estate New Territories, Hong Kong Telephone: (852) 2372 3000 Facsimile: (852) 2565 8414	
MASTER AWB/BL NO	HOUSE AWB NO	FREIGHT CHARGES	
		US\$	
HD: 014-AVERY/HT-HGC/2026 EXW HONGKONG, INCOTERMS 2010 MADE IN CHINA			
Hong Kong		PORT OF DISCHARGE	
Description	Unit	Q'ty	Unit Price (USD/Unit)
1072242, 1072245, 1072251, 1072248, 1072256, 1072243, 1072246, 1072252, 1072249, 1072255, 1072244, 1072247, 1072253, 1072250, 1072254	PCS	31,800	0.1256
Hangtag (NPG)-HAGHT264			3,994.08
1072050, 1071954, 1071955, 1071956, 1071957, 1072006, 1072005	PCS	7,019	0.0665
Hangtag (NPG)-JMHCUFF01-INT			466.76
1072012, 1072014			
Hangtag (NPG)-JMHCUFF02-INT	PCS	5,682	0.076
			431.83
1071997, 1072000, 1072003, 1072002			
Hangtag (NPG)-HAGHT231	PCS	1,600	0.1256
			200.96
1071984, 1072410			
Hangtag (NPG)-JMHCUFF10-INT	PCS	342	0.0665
			22.74
1071878			
UPC Hangtag (NPG)-HAGCUFF16-INT	PCS	133	0.0665
			8.84
1071827			
UPC Hangtag (NPG)-JMHCUFF03-INT	PCS	1	0.0666
			0.07
1071778, 1071486, 1071766, 1071980, 1071984, 1071982, 1072410			
Hangtag (NPG)-JMHT56	PCS	9,700	0.0746
			723.23
Total		56,277	\$ 5,848.51
Total: 31 ctn- GW: 312.91 kgs-0.664 CBM			

Hình 2.13. Hóa đơn thương mại và Phiếu đóng hàng

- Vận đơn (Bill of Lading);

BILL OF LADING

Shipper AVERY DENNISON HONG KONG S.V. NO. 7 CHUN YING STREET TSUNG KWAN O INDUSTRIAL ESTATE NEW TERRITORIES, HONG KONG		B/L No.: CAI / 36928/DAN	
Consignee (To/To Order as indicated) 0400101556/HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION 36 ONG ICH DONG ST., CAM LE WARD, DA NANG CITY, VN ATTN: TRAN THI HONG HANH (MS.) TEL: +84.787.656.988		For delivery of goods please apply to: FOCUS SHIPPING CORPORATION - DANANG BRANCH ADD: 47 TONG DUY TAN ST., HOA KHANH WARD, DA NANG CITY, VIET NAM TAX CODE: 0304946188-002 TEL: +84.2363.727.994**	
Notify Party (Who claim shall attach for failure to notify) SAME AS CONSIGNEE		LOT NO.: SE2026/03/032 Ocean Vessel / Voy. No.: SITC TOYOHASHI / 2612S	
Place of receipt HONG KONG	Port of loading HONG KONG	Port of discharge DANANG	Place of delivery DANANG
RECEIVED by the Carrier the Goods as specified above in apparent good order and condition unless otherwise stated, to be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and conditions appearing on the front and reverse of this Bill of Lading to which the Merchant agrees by accepting this Bill of Lading. This Bill of Lading shall be null and void if not countersigned by the Carrier. In WITNESS whereof one (1) original Bill of Lading has been signed and the same being accomplished the others, if any, to be void. If required by the Carrier one (1) original Bill of Lading must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order.			
Marks and Nos: Container Nos:	No and kind of Packages	Description of Goods	Gross Weight (Kgs)
TCLU4921697 / SITE380181 / 40' HQ (312.92 KGS / 0.664 CBM / 31 CARTONS) CFS / CFS HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION 36 ONG ICH DONG ST., CAM LE WARD, DA NANG CITY VN	SAID TO CONTAIN *8523500/RTID LABEL *48211000/PAPER TAG IN PIECES OR PAPER STICKER EXPORT INVOICE NO. 1880442179/1880442266/ 1880442267/1880675429/ 1880675732/1880705258/ 1880786956/1881528854/ 1882203049/1882476597		312.92 0.664
TELEX RELEASE			
TOTAL: THIRTY ONE (31) CARTONS ONLY Above particulars as declared shipper			
Freight and charges "FREIGHT COLLECT"	Prepaid	Collect AS ARRANGED	Total
Freight payable at DESTINATION		Number of Original B/L (s) MEMO (1)	
LADEN ON BOARD THE VESSEL		Signed on behalf of the Carriers	

Hình 2.14. Vận đơn

- Bảo hiểm hàng hóa;

 PJICO PHÒNG SỰ VỤ TÀI CHÍNH		Công ty bảo hiểm PJICO Đà Nẵng Địa chỉ: Số 150, Nguyễn Tri Phương, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng Mã số thuế: 0100110768-002		Ký hiệu: 1K26TDN Số hoá đơn: 4096	
Hotline: 1900.54.54.55					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (DỊCH VỤ BẢO HIỂM/ (Invoice of Insurance Service))					
Họ tên người mua hàng (Customer's name):					
CCCD/mã số định danh cá nhân (Citizen ID No):					
Tên đơn vị (Company's name): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THO					
Địa chỉ (Address): 36 Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Mã số thuế (Tax code): 0400101556					
Mã quan hệ ngân sách (Budget relationship code):					
Hình thức thanh toán (Mode of payment): CK Loại tiền tệ (Currency): VND Tỷ giá (Exchange rate): 1					
STT (No.)	Số hợp đồng (hoặc giấy CN) bảo hiểm (Insurance Policy No)	Phí bảo hiểm (Premium)	Thuế suất (Tax rate)	Thuế GTGT (VAT)	Tổng thanh toán (Amount)
1	2	3	4	5	6=3+5
1	Phí BH hàng nhập theo hợp đồng số: 014-AVERY/HT-HGC/2026/SỐ LU/ONG: 36.277 PCS. Đơn O-26/DNA/K02/1100/000318, P-26/DNA/K02/1100/000338	261,240	KCT		261,240
Tổng hợp (Summary)		Thuế suất (Tax rate)	Tổng tiền trước thuế (Sub Total)	Tổng tiền thuế (VAT Total)	Tổng tiền thanh toán (Total)
Không chịu thuế (Not subject to VAT):		KCT	261,240		261,240
Tổng cộng (Total):			261,240	0	261,240
Quy đổi VND (nếu có) (Grand total in VND):					
Số tiền bằng chữ (Grand total in words):		Hai trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi đồng.			
Người mua hàng (Customer) (Chữ ký số (nếu có)) (Digital signature (if any))		Ngày (Date) 24 tháng (month) 03 năm (year) 2026 Người bán hàng (Seller) (Chữ ký điện tử, chữ ký số) (Digital signature, electronic signature)			
Đã được ký điện tử bởi: CÔNG TY BẢO HIỂM PJICO ĐÀ NẴNG Ký ngày: 24/03/2026					

Hình 2.15. Bảo hiểm hàng hóa

- Hóa đơn vận chuyển;

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI TIỂU ĐIỂM TẠI ĐÀ NẴNG
FOCUS SHIPPING CORPORATION-DANANG BRANCH
Mã số thuế (Tax Code): **03 04 94 81 88 - 002**
Địa chỉ (Address): 47 Tổng Dục Tân, KDC Trung Nghĩa, Phường Hoà Khánh, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0905262664
Số tài khoản (Account No): 46354469(VND) ACB - Đà Nẵng
0941000151871 (VND) VCB-Đà Nẵng
4009000000027 (VND) PUBLIC VN-Đà Nẵng
Email (Email): account.dn@focusshipping.com.vn * www. focusshipping.com.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 23 tháng (month) 03 năm (year) 2026
Mã QGT (Code): 0084F085405B9E4DFCA25C35063E70063

Ký hiệu (Serial): 1C26TTD
Số (No): **00000589**

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company name) Tổng Công Ty Cổ Phần Dệt may Hòa Thọ
Mã số thuế (Tax Code) 0400101556
Địa chỉ (Address) 36 Ông Ich Đường, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method) CK Số tài khoản (Account No):
Ngân hàng (Bank):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Total)
1	Phí chứng từ (DOC) CAI36028/DAN	Bộ	4	130.495	6 = 4 x 5
2	Phí chăm sóc hàng hải (handling)	Lô	1	260.990	260.990
3	Phí xếp dỡ (THC)	Khối	1	156.594	156.594
4	Phí bốc xếp (CFS)	Khối	1	391.485	391.485
5	Phí cân bằng container (CIC)	Khối	1	52.198	52.198
6	Phụ phí giám thái lưu hành (LSS)	Khối	1	52.198	52.198
Cộng tiền hàng (Amount):					1.043.960
Thuế suất GTGT (Tax Rate) 8%					Tiền thuế GTGT (V.A.T. Amount): 83.517
Tổng cộng tiền thanh toán (Total Amount):					1.127.477
Số tiền viết bằng chữ (In words) Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi bảy đồng					

Hình 2.16. Hóa đơn vận chuyển

Phòng Kinh doanh có trách nhiệm theo dõi và thúc đẩy đối tác gửi bộ chứng từ trước khi hàng đến cảng nhằm đảm bảo có đủ thời gian kiểm tra và chuẩn bị hồ sơ khai báo hải quan đúng thời hạn. Trong trường hợp chứng từ được gửi chậm, doanh nghiệp sẽ bị động trong quá trình khai báo hải quan, thậm chí có thể xảy ra tình trạng hàng về trước khi chứng từ hoàn chỉnh. Điều này làm phát sinh thêm thời gian xử lý hồ sơ ở các bước tiếp theo.

Sau khi nhận được bộ chứng từ từ nhà xuất khẩu, nhân viên chứng từ tại Phòng Kinh doanh May tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và sự thống nhất của các thông tin giữa các chứng từ. Trong trường hợp phát hiện sai lệch hoặc thiếu thông tin, nhân viên chứng từ sẽ liên hệ với nhà cung cấp để yêu cầu điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời. Nhân viên kiểm tra cần lưu ý về thứ tự ngày của các chứng từ, cụ thể: ngày trên B/L phải sau ngày Invoice và ngày Invoice phải sau ngày ký hợp đồng, nghĩa là hợp đồng ngoại thương phải được ký trước khi hàng hóa được xếp lên tàu.

Bước kiểm tra tính thống nhất của bộ chứng từ có ý nghĩa rất quan trọng trong toàn bộ quy trình nhập khẩu. Nếu nhân viên không đối chiếu có thể xảy ra sai lệch về số

lượng, trọng lượng hoặc điều kiện giao hàng. Những sai sót này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các bước khai báo hải quan tiếp theo, khiến người khai báo phải mất thêm thời gian kiểm tra lại thông tin, sửa đổi tờ khai và phải phản hồi với đối tác, từ đó kéo dài thời gian xử lý lô hàng.

Sau khi hoàn tất việc kiểm tra và điều chỉnh (nếu có), bộ chứng từ sẽ được gửi cho doanh nghiệp để ký chữ ký số. Tiếp đó, Phòng Kinh doanh chuyển bộ chứng từ cho Phòng Tài chính – Kế toán và Phòng Xuất nhập khẩu để nhập kho tạm và mở tờ khai nhập khẩu.

Tiêu đề: Thông báo Phiếu tạm nhập số 0498/26PNNL (SHAOXING MAIGE TEXTILE CO.,LTD.)



erp.info2@hoatho.com.vn

đến hoatho-xnkthutuc, thuanhp, Huỳnh Khanh Vy - KDM5

16:55 Thứ 5, 12 thg 3

Kính gửi các đơn vị XNK và KD!

Hệ thống gửi thông tin phiếu tạm nhập bên dưới:

Số Phiếu Nhập	Tên NCC	Số Hợp Đồng	Số Invoice	Số Kiện
0498/26PNNL	SHAOXING MAIGE TEXTILE CO.,LTD.	001-MEYU/HT-HGC/2026	MG-26USA032	38

Đề nghị Anh/Chị tiếp nhận thông tin và xử lý.

Người Gửi : Hồ Nguyễn Phương Thuận

Hình 2.17. Phiếu tạm nhập kho

❖ Ưu điểm:

- Bộ chứng từ được tiếp nhận tương đối đầy đủ và có sự phối hợp giữa phòng Kinh doanh và phòng Xuất nhập khẩu.
- Nhân viên thực hiện đối chiếu chứng từ nhiều lần trước khi khai báo, giúp hạn chế sai sót.
- Công ty có quy trình kiểm tra logic giữa Invoice, B/L và hợp đồng ngoại thương.
- Hoạt động theo dõi tiến độ gửi chứng từ từ đối tác được thực hiện thường xuyên.

❖ Nhược điểm:

- Phụ thuộc nhiều vào thời gian gửi chứng từ từ nhà cung cấp nước ngoài.
- Việc kiểm tra chứng từ vẫn chủ yếu thực hiện thủ công nên dễ xảy ra sai sót hoặc bỏ sót thông tin.
- Một số trường hợp chứng từ gửi chậm hoặc thiếu thông tin làm ảnh hưởng tiến độ khai báo.
- Chưa có chức năng kiểm tra và đối chiếu dữ liệu tự động giữa các chứng từ.

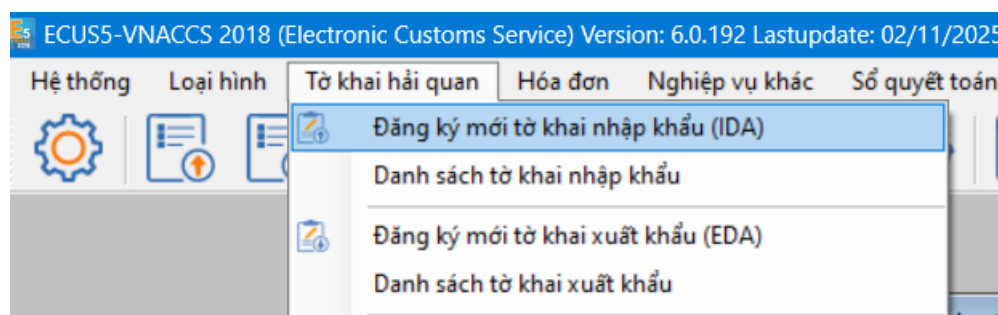
Bước 2: Thực hiện khai báo hải quan điện tử

a. Đăng ký tờ khai nhập khẩu (IDA)

Bước đầu tiên trong quy trình khai báo hải quan hàng nhập khẩu là tiếp nhận thông tin trên hệ thống ERP và bộ chứng từ từ phòng kinh doanh liên quan đến lô

hàng nguyên phụ liệu nhập khẩu. Đối với lô hàng gia công hoặc nhập nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất bộ chứng từ này thường do đối tác nước ngoài cung cấp, phòng kinh doanh sẽ gửi qua email cho nhân viên khai báo.

Nhân viên khai báo của Phòng Xuất nhập khẩu tiến hành mở phần mềm ECUS5-VNACCS và đăng nhập vào hệ thống. Tại giao diện chính của chương trình, người khai báo lựa chọn chức năng **“Tờ khai hải quan → Đăng ký mới tờ khai nhập khẩu (IDA)”** để bắt đầu nhập dữ liệu cho tờ khai.



Hình 2.18. Đăng ký mới tờ khai nhập khẩu (IDA)

Trong tab **“Thông tin chung”**, các dữ liệu cần thiết được nhập vào các thông tin tương ứng. Những thông tin có ký hiệu dấu (*) là các thông tin bắt buộc phải khai báo, những ô màu xám là những chỉ tiêu do hệ thống tự trả về hoặc chương trình tự tính.

Hình 2.19. Tab thông tin chung

1. Thông tin cơ bản

- Mã loại hình: E31 - Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu.

Ngoài mã loại hình E31, trong hoạt động xuất nhập khẩu còn nhiều mã loại hình khác tùy thuộc vào mục đích nhập khẩu của doanh nghiệp như E21 – Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để gia công cho thương nhân nước ngoài, áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhận gia công sản phẩm cho đối tác nước ngoài và nguyên phụ liệu được phía đối tác cung cấp, mã loại hình A11 – Nhập khẩu kinh doanh tiêu dùng, A12 – Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa,...

- Cơ quan Hải quan: 34NG - Hải quan Khu công nghiệp Đà Nẵng

Mã 34NG được sử dụng để xác định chi cục hải quan có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý tờ khai của doanh nghiệp. Mỗi chi cục hải quan đều được Tổng cục Hải quan quy định một mã riêng nhằm phục vụ cho việc khai báo trên hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS. Khi thực hiện khai báo tờ khai nhập khẩu, người khai hải quan cần lựa chọn đúng mã chi cục theo danh mục được tích hợp trên hệ thống.

- Mã phân loại cá nhân/ tổ chức: 4 - tổ chức gửi tổ chức.

Nguyên phụ liệu được gửi từ doanh nghiệp đối tác đến Tổng Công ty Dệt may Hòa Thọ, do đó mã phân loại được lựa chọn là . Bao gồm có 5 tính chất giao dịch: 1 - cá nhân gửi cá nhân, 2 - tổ chức gửi cá nhân, 3 - cá nhân gửi tổ chức, 4 - tổ chức gửi tổ chức và 5 - khác.

- Mã bộ phận xử lý tờ khai: 00

Hệ thống VNACCS/VCIS sẽ tự động xác định và gán mã bộ phận xử lý tờ khai phù hợp trong quá trình tiếp nhận hồ sơ khai báo.

- Mã hiệu phương thức vận chuyển: 2 - Đường biển (Container).

Hàng hóa trong hoạt động xuất nhập khẩu có thể được vận chuyển bằng nhiều phương thức khác nhau như đường biển, đường hàng không, đường bộ, đường sắt hoặc đường thủy nội địa. Theo quy định của hệ thống khai báo hải quan điện tử, mã hiệu phương thức vận chuyển như sau: 1 – Đường hàng không; 2 – Đường biển (container); 3 – Đường biển (hàng rời, hàng lỏng); 9 – Khác...

2. Thông tin đơn vị xuất nhập khẩu

The screenshot shows the 'Đơn vị xuất nhập khẩu' section of the 'Tờ khai nhập khẩu - Import declaration' form. The form is titled 'Tờ khai nhập khẩu - Import declaration' and has a status of 'Đang thêm mới'. The 'Đơn vị xuất nhập khẩu' section includes the following fields:

- Thời hạn tải xuất: [Empty field]
- Mã hiệu phương thức vận chuyển: 3
- Người nhập khẩu:
 - Mã: [Empty field]
 - Tên: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THO
 - Mã bưu chính: [Empty field]
 - Địa chỉ: 36 Ông Ich Đường, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 - Điện thoại: 02363846290
- Người ủy thác nhập khẩu:
 - Mã: [Empty field]
 - Tên: [Empty field]
- Người xuất khẩu:
 - Mã: [Empty field]
 - Tên: AVERY DENNISON HONG KONG B.V.
 - Mã bưu chính: [Empty field]
 - Địa chỉ: 1/F., NO.7 CHUN YING STREET, TSEUNG KWAN O INDUSTRIAL ESTATE, NEW TERRITORIES, HONG KONG
 - Mã nước: [Empty field]
- Người ủy thác xuất khẩu: [Empty field]
- Mã người khai Hải quan: [Empty field]
- Vận đơn: [Empty field]

Hình 2.20. Thông tin đơn vị xuất nhập khẩu

Tại mục người xuất khẩu, nhân viên khai báo nhập vào biểu tượng dấu ba chấm (...) để mở danh sách các đối tác đã được lưu sẵn trong hệ thống. Sau đó tiến hành tìm kiếm và lựa chọn thông tin của doanh nghiệp đối tác phù hợp. Sau khi lựa chọn, các thông tin liên quan như **tên doanh nghiệp**, **địa chỉ** và **mã nước** của bên xuất khẩu sẽ được hệ thống tự động cập nhật vào tờ khai.

Đối với thông tin người nhập khẩu, phần mềm ECUS5 VNACCS sẽ tự động hiển thị dữ liệu của doanh nghiệp. Các thông tin này đã được khai báo và lưu trữ trong hệ thống từ lần đăng ký ban đầu của doanh nghiệp.

3. Nhập thông tin vận đơn

The screenshot shows the 'Vận đơn' section of the 'Tờ khai nhập khẩu - Import declaration' form. The form is titled 'Tờ khai nhập khẩu - Import declaration' and has a status of 'Đang thêm mới'. The 'Vận đơn' section includes the following fields:

- ☒ Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng biển.
- ☐ Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng hàng không.
- Số vận đơn: 210326CAI/36928/DAN
- Ngày vận đơn: 21/03/2026
- Số HAWB: [Empty field]
- Năm MAWB: [Empty field]
- Số lượng kiện: 31 CT
- Tổng trọng lượng hàng (Gross): 31.292 KGM
- Mã địa điểm kho hàng chờ thông quan dự kiến: 34CES04
- CTY CP CANG DA NANG
- Ký hiệu và số hiệu bao bì: [Empty field]
- Phương tiện vận chuyển: 2612S SITC TOYOHASHI
- Ngày hàng đến: 23/03/2026
- Địa điểm dỡ hàng: VNDTS CANG TIEN SAID NANG
- Địa điểm xếp hàng: HKHKG HONG KONG
- Số lượng Container: [Empty field]
- Mã kết quả kiểm tra nội dung: [Empty field]

Hình 2.21. Thông tin vận đơn

Khai báo vận đơn bao gồm các thông tin cơ bản như: số vận đơn, ngày vận đơn, Mã địa điểm lưu kho, địa điểm xếp hàng, địa điểm dỡ hàng (34CES04 – Công ty CP Cảng Đà Nẵng), phương tiện vận chuyển, số lượng kiện, trọng lượng hàng hóa và số lượng container. Các thông tin này được khai báo dựa trên chứng từ vận chuyển của lô hàng, chủ yếu là “**Phiếu thông báo hàng đến (Arrival Notice)**” và “**Vận đơn đường biển (Bill of Lading)**”.

Ngày dự kiến lô hàng đến được lấy từ “**Phiếu thông báo hàng đến (Arrival Notice)**”. Đối với mã địa điểm dỡ hàng, người khai hải quan có thể tra cứu trong bảng mã “Cảng – IDC trong nước” được công bố trên trang thông tin của Hải quan Việt Nam hoặc sử dụng chức năng tra cứu trực tiếp trên phần mềm bằng cách nhấn vào biểu tượng “...” để lựa chọn mã địa điểm phù hợp.

4. Thông tin hợp đồng

The screenshot displays the 'Thông tin chung 2' (General Information 2) tab in the 'Tờ khai nhập khẩu - Import declaration' software. The interface is divided into several sections:

- Trang thái:** Đang thêm mới (Status: Adding new).
- Phân luồng:** Xanh (Green), Vàng (Yellow), Đỏ (Red).
- 1. Lấy thông tin tờ khai từ Hải quan (IDB)**
- 2. Khai trước thông tin tờ khai (IDA)**
- 3. Khai chính thức tờ khai (IDC)**
- 4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan**
- 5.1 Lấy thông tin tờ khai để sửa (IDD)**
- 5.2 Khai trước thông tin tờ khai sửa (IDA01)**
- 5.3 Khai chính thức tờ khai sửa (IDE)**
- 5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa**
- 6. Xem thông tin tờ khai từ Hải quan (IID)**
- Hướng dẫn nhập liệu**
- Thông điệp nghiệp vụ**
- Hóa đơn thương mại** (Commercial Invoice):
 - Phân loại hình thức hóa đơn: * Hóa đơn thương mại
 - Số tiếp nhận hóa đơn điện tử: [Field]
 - Số hóa đơn: [Field]
 - Ngày phát hành: [Field]
 - Phương thức thanh toán: KC
 - Mã phân loại giá hóa đơn: * A
 - Điều kiện giá hóa đơn: * EXW
 - Tổng trị giá hóa đơn: * 5.8485
 - Mã đồng tiền của hóa đơn: * USD
- Tờ khai trị giá** (Value Declaration):
 - Mã phân loại khai trị giá: [Field]
 - Số tiếp nhận tờ khai trị giá tổng hợp: [Field]
 - Mã tiền tệ: [Field]
 - Giá cơ sở để hiệu chỉnh giá: [Field]
 - Các khoản điều chỉnh:
 - Phí vận chuyển: Mã loại: A, Mã tiền: VND, Phí VC: 2.1532
 - Phí bảo hiểm: Mã loại: A, Mã tiền: VND, Phí BH: 261.24, Số đăng ký: [Field]
- Chi tiết khai trị giá:**

Mã tên	Mã phân loại	Mã đồng tiền	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
(1)	[Field]	[Field]	[Field]	[Field]
(2)	[Field]	[Field]	[Field]	[Field]
(3)	[Field]	[Field]	[Field]	[Field]
(4)	[Field]	[Field]	[Field]	[Field]
(5)	[Field]	[Field]	[Field]	[Field]
- Thuế và bảo lãnh** (Tax and Guarantee):
 - Chi tiết khai trị giá: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN: TT
 - Tổng hệ số phân bổ trị giá: [Field]
 - Người nộp thuế: [Field]

Hình 2.22. Tab thông tin chung 2

Tại Tab “**Thông tin chung 2**”, nhân viên khai báo nhập các thông tin liên quan Thông tin hợp đồng bao gồm “Số hợp đồng”, “Ngày hợp đồng” và “Ngày hết hạn hợp đồng”. Trong đó, ngày hợp đồng là thời điểm hợp đồng bắt đầu có hiệu lực và các bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận. Mọi thay đổi trong quá trình thực hiện phải được sự đồng ý của hai bên và được xác nhận bằng văn bản.

5. Hóa đơn thương mại

Về khai báo thông tin hóa đơn sẽ điền các thông tin như: Hình thức hóa đơn được khai báo là “Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)”, “Số hóa đơn”; “Tổng giá trị”; “Ngày phát hành”, “Mã hóa đơn”, “Phương thức thanh toán”, “Điều kiện giá hóa đơn”. Có 4 mã phân loại hóa đơn: A - Giá hóa đơn cho hàng hóa phải trả tiền, B - Giá hóa đơn cho hàng hóa không phải trả tiền, C - Giá hóa đơn cho hàng hóa bao gồm phải trả tiền và không phải trả tiền

Điều kiện giao hàng trong đơn hàng này được áp dụng theo EXW, theo đó bên bán chỉ chịu trách nhiệm giao hàng tại địa điểm của mình (nhà máy/kho hàng). Mọi chi phí và rủi ro liên quan đến việc bốc xếp, vận chuyển hàng hóa từ địa điểm giao hàng đến cảng dỡ hàng theo thỏa thuận đều do bên mua chịu trách nhiệm. Mã đồng tiền thanh toán được khai báo là USD.

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế đối với đơn hàng này được khai báo là 34CCC03 – CTCP Dệt may Hòa Thọ. Sau khi hàng hóa được thông quan tại kho Cảng Tiên Sa, bộ phận Xuất nhập khẩu của Hòa Thọ sẽ bố trí phương tiện vận chuyển để đưa hàng từ cảng về kho theo quy định về quản lý hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

6. Tờ khai trị giá

Tờ khai trị giá hải quan bao gồm các thông tin như: phí vận chuyển, phí bảo hiểm và phương thức thanh toán. Trong đó, phí vận chuyển được khai báo với mã “A”, thể hiện chi phí vận chuyển chung cho toàn bộ lô hàng.

Đối với trường hợp nhập khẩu theo điều kiện FOB, giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa bao gồm chi phí vận chuyển và bảo hiểm, do đó người khai hải quan cần khai bổ sung các khoản chi phí này vào tờ khai trị giá để xác định đúng trị giá tính thuế.

Hình 2.23. Danh sách hàng

Tại Tab “**Danh sách hàng**”, nhân viên thực hiện nhập thông tin các dòng hàng hóa thông qua thông tin trên Invoice lấy từ hệ thống ERP. Tại Hòa Thọ, ERP được sử dụng nhằm quản lý thông tin một cách thống nhất và tăng cường sự liên kết giữa các phòng ban.

Nhân viên cần nhập đầy đủ các thông tin cho từng dòng hàng, bao gồm: Mã hàng, Tên hàng, Mã HS, Xuất xứ, Số lượng, Đơn vị tính, Đơn giá hóa đơn, Trị giá hóa đơn và Đơn giá tính thuế. Mã HS là một mã dùng để mô tả và phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO - World Customs Organization) quy định. Dựa vào mã HS này, có thể biết được thuế suất của các mặt hàng xuất nhập khẩu và các chính sách liên quan đến mặt hàng đó.

❖ *Ưu điểm:*

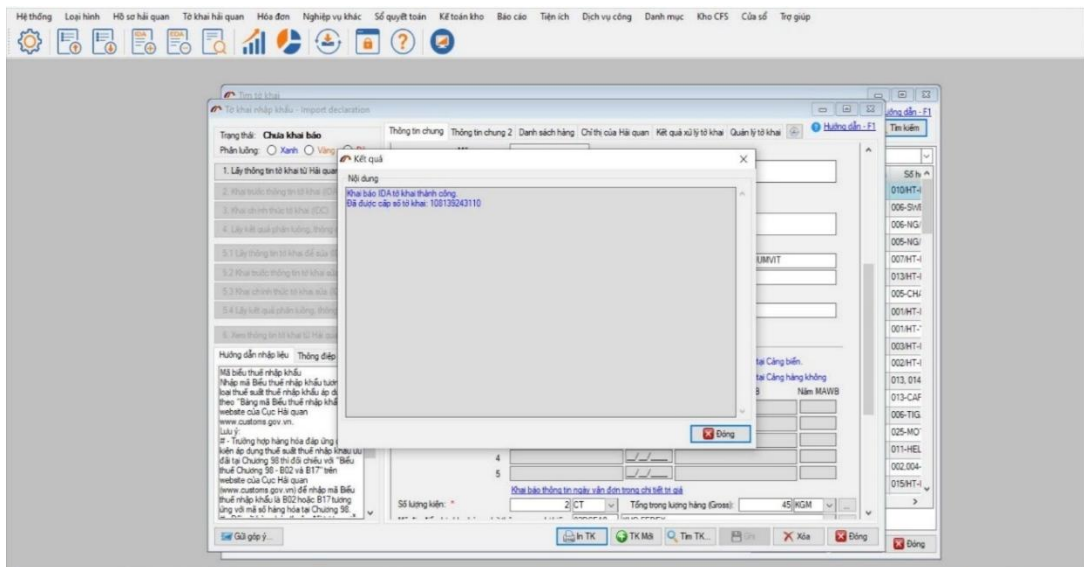
- Công ty ứng dụng phần mềm ECUS5-VNACCS kết hợp ERP giúp giảm thao tác thủ công.
- Nhân viên có kinh nghiệm trong khai báo mã loại hình, mã HS và các thông tin vận tải.
- Dữ liệu doanh nghiệp được lưu sẵn trên hệ thống giúp tiết kiệm thời gian nhập liệu.

❖ *Nhược điểm:*

- Nhân viên vẫn có thể khai sai mã loại hình hoặc mã chi cục do thao tác theo thói quen.
- Việc nhập dữ liệu nhiều chỉ tiêu dễ dẫn đến sai sót nếu chứng từ chưa đồng bộ.
- Khâu đối chiếu giữa ERP và chứng từ chưa hoàn toàn tự động.

b. Thực hiện lấy số tờ khai

Sau khi hoàn tất việc nhập dữ liệu tại bước IDA, nhân viên khai hải quan tiến hành gửi thông tin lên hệ thống ECUS5. Hệ thống sẽ tự động tiếp nhận, xử lý và cấp số tờ khai, đồng thời hiển thị các chỉ tiêu liên quan như thuế suất, tên tương ứng với mã đã khai báo.



Hình 2.24. Lấy số tờ khai

Tiếp đó, nhân viên khai báo kiểm tra lại toàn bộ thông tin như thuế, đơn vị tính, thông tin hàng hóa...Việc này nhằm đảm bảo tính chính xác của dữ liệu trước khi thực hiện khai báo chính thức, hạn chế sai sót trong quá trình làm thủ tục hải quan.

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)			
Số tờ khai	108081342830	Số tờ khai đầu tiên	/ 08081342830
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng		Mã phân loại kiểm tra	1
Mã loại hình	E21 3 [4]	Mã hàng hóa đại diện của tờ khai	4821
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	KONKAMANG	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày đăng ký	24/02/2026 13:57:25	Ngày thay đổi đăng ký	
Thời hạn tái nhập/ tái xuất			
Người nhập khẩu			
Mã	0400101556	Tên	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÀ TĨE
Mã bưu chính		Địa chỉ	26 Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số điện thoại	02363846290	Người ủy thác nhập khẩu	
Mã		Tên	
Người xuất khẩu			
Mã		Tên	AVERT DENNISON HONG KONG B.V.
Mã bưu chính		Địa chỉ	1/F., NO.7 CHUN YING STREET, TSEUNG KWAN O INDUSTRIAL ESTATE, HONG KONG
Mã nước		Người ủy thác xuất khẩu	
Đại lý Hải quan		Mã nhân viên Hải quan	
Số vận đơn		Địa điểm lưu kho	34CE504
1 210226CA1/36528/DAM		Địa điểm dỡ hàng	VARDS
2		Địa điểm xếp hàng	HOANG
3		Phương tiện vận chuyển	26125
4		Ngày hàng đến	23/02/2026
5		Ký hiệu và số hiệu	
Số lượng	31 CT	Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	212,92 KG	Mã văn bản pháp quy khác	
Số lượng container			
Số hóa đơn			
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử	A - 1880442179	Ngày phát hành	14/02/2026
Phương thức thanh toán	NC	Tổng trị giá hóa đơn	5.848,51
Tổng trị giá tính thuế	A - EXW - USD -	Tổng hệ số phân bổ trị giá	154.972.791,28
Mã kết quả kiểm tra nội dung		Mã kết quả kiểm tra nội dung	5.848,51 -
Giấy phép nhập khẩu			
1		2	
4		5	
Mã phân loại khai trị giá		Khai trị giá tổng hợp	
Các khoản điều chỉnh		Phí vận chuyển	A - VND - 2.193.168
Phí bảo hiểm	A - VND -	Mã phân loại	261.240
1		Trị giá khoản điều chỉnh	
		Tổng hệ số phân bổ	

Hình 2.25. Tờ khai nhập khẩu

❖ Ưu điểm:

- Hệ thống VNACCS hỗ trợ tự động kiểm tra và phản hồi dữ liệu nhanh chóng.
- Nhân viên có bước rà soát lại thông tin trước khi truyền chính thức.

❖ Nhược điểm:

- Nếu dữ liệu đầu vào sai thì vẫn phải sửa đổi nhiều lần.

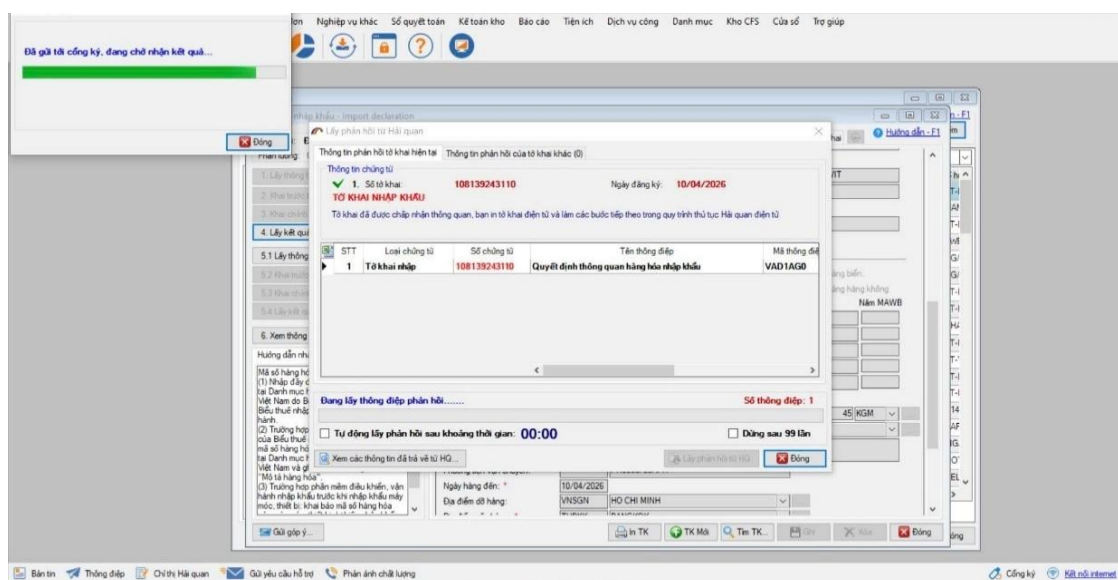
- Một số lỗi nhỏ về đơn vị tính, mô tả hàng hóa hoặc mã HS dễ bị bỏ sót.

c. Truyền tờ khai chính thức (IDC) và lấy kết quả phân luồng

Sau khi thông tin đã được kiểm tra, nhân viên tiến hành truyền tờ khai chính thức bằng cách chọn **“Khai chính thức tờ khai (IDC)”** trên hệ thống. Khi đó, hệ thống yêu cầu xác nhận chữ ký số của doanh nghiệp và nhập mật khẩu, tờ khai sẽ được truyền đến cơ quan hải quan.

Cơ quan hải quan tiếp nhận và xử lý tờ khai trong khoảng 8 - 10 phút, sau đó trả kết quả về hệ thống. Nhân viên thực hiện chức năng **“Lấy kết quả phân luồng, thông quan”** để kiểm tra trạng thái tờ khai. Kết quả phân luồng bao gồm:

- Luồng xanh: Hàng hóa được thông quan tự động, không kiểm tra hồ sơ và thực tế hàng hóa.
- Luồng vàng: Kiểm tra hồ sơ giấy, có thể yêu cầu bổ sung chứng từ.
- Luồng đỏ: Kiểm tra cả hồ sơ và thực tế hàng hóa.



Hình 2.26. Lấy kết quả phân luồng, thông quan

Công ty được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nên phần lớn tờ khai được phân luồng xanh, giúp rút ngắn thời gian thông quan và giảm chi phí lưu kho, lưu bãi.

❖ Ưu điểm:

- Công ty là doanh nghiệp ưu tiên nên phần lớn tờ khai được luồng xanh.
- Thời gian thông quan nhanh, giảm chi phí lưu kho và lưu bãi.

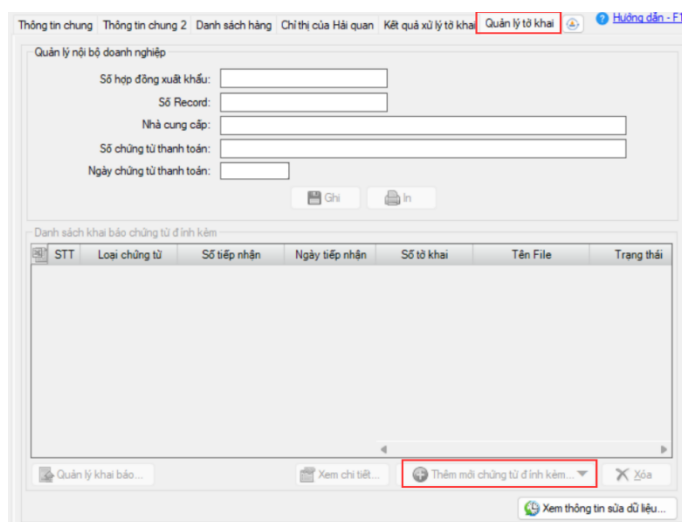
❖ Nhược điểm:

- Nếu tờ khai bị luồng vàng hoặc đỏ sẽ ảnh hưởng lớn đến tiến độ nhận hàng.

- Tờ khai sửa đổi nhiều lần dễ bị chuyển luồng kiểm tra thực tế.

d. Thực hiện đính kèm chứng từ

Sau khi tờ khai được truyền thành công, nhân viên xuất nhập khẩu tiến hành đính kèm chứng từ điện tử trên hệ thống phần mềm ECUS5 VNACCS. Tại giao diện “**Quản lý tờ khai**”, nhân viên truy cập vào mục “**Kết quả xử lý tờ khai**” và chọn “**Danh sách chứng từ đính kèm**”. Tại đây, thực hiện thao tác “**Thêm mới**” để tải lên các chứng từ liên quan đến lô hàng.



Hình 2.27. Thực hiện đính kèm chứng từ

Các chứng từ đính kèm thường bao gồm: Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), Phiếu đóng gói (Packing List), Vận đơn (Bill of Lading), Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và các tài liệu khác theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc đính kèm đầy đủ và chính xác chứng từ giúp hỗ trợ quá trình kiểm tra hồ sơ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông quan hàng hóa.

❖ Ưu điểm:

- Chứng từ được số hóa và lưu trữ điện tử trên hệ thống.
- Thuận tiện cho việc kiểm tra hồ sơ và tra cứu sau này.

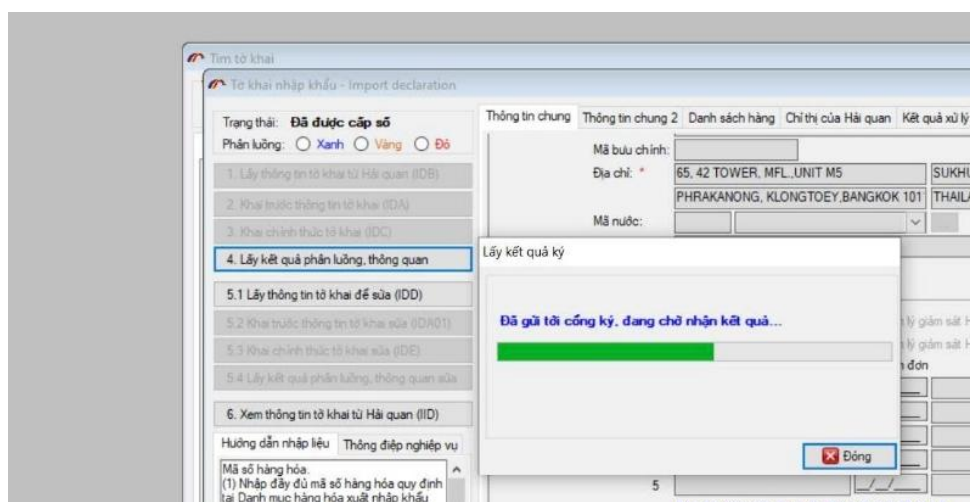
❖ Nhược điểm:

- Việc tải và kiểm tra file đính kèm còn phụ thuộc vào thao tác thủ công.
- Nếu thiếu chứng từ phải bổ sung nhiều lần gây mất thời gian.

e. Sửa đổi bổ sung thông tin

Trong quá trình làm thủ tục hải quan, hệ thống VNACCS/VCIS cho phép người khai thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin tờ khai thông qua nghiệp vụ “**Lấy thông tin tờ khai để sửa (IDD)**” nhằm đảm bảo dữ liệu khai báo phù hợp với chứng từ thực tế.

Tuy nhiên, đối với một số chỉ tiêu quan trọng như mã loại hình, mã phân loại hàng hóa, mã phương thức vận chuyển, mã và tên người nhập khẩu, mã đại lý hải quan, mã địa điểm lưu kho hàng hóa, nếu khai báo sai có thể dẫn đến việc tờ khai bị hủy theo quy định của cơ quan hải quan.



Hình 2.28. Sửa bổ sung thông tin

Người khai hải quan được phép thực hiện chỉnh sửa tờ khai tối đa 09 lần, mỗi lần chỉnh sửa hệ thống sẽ cập nhật số thứ tự bổ sung vào cuối số tờ khai. Sau khi hoàn tất việc chỉnh sửa và bổ sung tờ khai, tờ khai chỉ có thể được phân vào luồng vàng hoặc đỏ. Trường hợp chỉnh sửa nhiều lần, tờ khai có thể bị chuyển từ luồng vàng sang luồng đỏ để kiểm tra.

❖ *Ưu điểm:*

- Hệ thống cho phép sửa đổi thông tin linh hoạt khi phát hiện sai sót.
- Hạn chế rủi ro phải hủy toàn bộ tờ khai trong nhiều trường hợp.

❖ *Nhược điểm:*

- Việc sửa đổi nhiều lần làm tăng nguy cơ chuyển luồng đỏ.
- Một số chỉ tiêu sai bắt buộc phải hủy tờ khai gây mất thời gian xử lý

Bước 3: Kiểm tra sau thông quan (nếu có)

Sau khi tờ khai được truyền lên hệ thống sẽ tự động phân luồng để xác định mức độ kiểm tra đối với lô hàng. Đối với các tờ khai thuộc luồng đỏ hoặc có dấu hiệu nghi vấn về chủng loại, trị giá, xuất xứ hoặc yếu tố pháp lý, cơ quan hải quan sẽ yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hóa (kiểm hóa bằng máy soi hoặc kiểm tra thủ công).

Khi đó, bộ phận Xuất nhập khẩu của doanh nghiệp sẽ phối hợp với cơ quan hải quan, đơn vị khai thác kho bãi và hãng vận chuyển để bố trí thời gian và địa điểm kiểm

tra phù hợp. Điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng và kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp, đặc biệt đối với các lô hàng nguyên phụ liệu cần đưa vào sản xuất ngay.

Ngoài ra, khi thời gian kiểm hóa kéo dài, doanh nghiệp còn có thể phát sinh thêm các khoản chi phí như phí nâng hạ container, phí kiểm hóa và phí lưu kho, lưu bãi tại cảng. Vì vậy, việc lô hàng bị phân luồng đỏ không chỉ làm tăng thời gian xử lý mà còn làm tăng chi phí liên quan đến quá trình nhận hàng của doanh nghiệp.

❖ *Ưu điểm:*

- Doanh nghiệp có sự phối hợp khá tốt với hải quan và đơn vị kho bãi khi kiểm hóa.
- Quy trình kiểm tra hàng hóa được thực hiện tương đối rõ ràng.

❖ *Nhược điểm:*

- Kiểm hóa làm kéo dài thời gian nhận hàng.
- Phát sinh thêm chi phí nâng hạ container, lưu kho, lưu bãi.
- Ảnh hưởng kế hoạch sản xuất nếu nguyên phụ liệu về chậm.

Bước 4: Nộp thuế và ra quyết định thông quan

Sau khi hoàn tất khai báo và nhận kết quả phân luồng, đối với các lô hàng không thuộc diện miễn thuế, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. Căn cứ vào mã HS đã khai báo và hệ thống tính thuế của cơ quan hải quan, hệ thống VNACCS/VCIS sẽ tự động xác định các khoản thuế phải nộp như thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các loại thuế khác (nếu có) cho từng dòng hàng.

Sau khi nhận được thông báo thuế, doanh nghiệp tiến hành thanh toán thông qua ngân hàng thương mại (bằng hình thức chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp theo quy định). Khi hệ thống xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trạng thái tờ khai sẽ được cập nhật và cơ quan hải quan ra quyết định thông quan.

Quyết định thông quan có thể được tra cứu trực tiếp trên hệ thống hải quan điện tử, đồng thời được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử trong phần mềm quản lý nội bộ của doanh nghiệp, làm cơ sở cho các bước tiếp theo trong quá trình nhận hàng.

Đối với Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất hàng may mặc xuất khẩu như vải, chỉ may, khóa kéo và nhãn mác. Doanh nghiệp thường khai báo theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu (SXXK) nên phần lớn các lô hàng được miễn thuế nhập khẩu theo quy định. Nguồn nhập khẩu chủ yếu đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước ASEAN, đồng thời doanh

ng nghiệp thường sử dụng các loại C/O như Form E, Form AK hoặc Form D để được hưởng ưu đãi thuế quan trong quá trình nhập khẩu hàng hóa.

STT	Loại chứng từ	Số chứng từ	Tên thông điệp	Mã thông điệp
1	Tờ khai nhập	108139243110	Chứng từ ghi số lệ phí phải thu	VAF8030
2	Tờ khai nhập	108139243110	Thông báo thuế	VAF8010
3	Tờ khai nhập	108139243110	Quyết định thông quan hàng hóa nhập khẩu	VAD1AG0

Hình 2.29. Nộp thuế và thông quan hàng hóa

❖ *Ưu điểm:*

- Hệ thống VNACCS hỗ trợ tự động tính thuế và đối chiếu dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp xây dựng chức năng cảnh báo rủi ro trong khai báo hải quan.
- Doanh nghiệp thường xuyên nhập khẩu các nhóm nguyên phụ liệu cố định và sử dụng lặp lại nhiều mã HS, giúp dễ dàng xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn phục vụ cảnh báo tự động.
- Việc áp dụng C/O ưu đãi và khai báo theo loại hình SXKK tạo điều kiện để doanh nghiệp chuẩn hóa quy trình khai báo và kiểm soát tốt các chỉ tiêu liên quan đến thuế suất và xuất xứ hàng hóa.

❖ *Nhược điểm:*

- Nếu khai sai mã HS hoặc C/O sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thuế và thời gian thông quan.
- Việc kiểm tra chứng từ còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công nên dễ phát sinh sai sót.
- Một số trường hợp sửa đổi tờ khai hoặc chậm xác nhận thanh toán làm kéo dài thời gian thông quan.

Bước 5: Nhận hàng và kiểm tra hàng nhập khẩu



FOCUS SHIPPING CORPORATION - DANANG BRANCH
 47 Tong Duy Tan Str, Hoa Khanh Ward,
 Da Nang City, Vietnam.
 Tel: (84) 236 3 727 994
 Email: danang@focusshipping.com.vn
 Website: www.focusshipping.com.vn

THÔNG BÁO HÀNG ĐẾN (Arrival Notice)

Ngày thông báo (Issuing date): 23.03.2026
 Kinh vận (Movers): HOA THO TEXTILE GARMENT JOINT STOCK COMPANY
 Tên (Vessel No.): SITC TOYOHASHI 2612S ETA: 23.03.2026
 Cảng xếp hàng (POL): HONGKONG POD: TIEN SA - DANANG PORT
 CONT/ SEAL: TCLU4921697 / SITE380181 KHO CFS TIEN SA (34CES04)
 FREE TIME: 25.03.2026

VẬN ĐƠN SỐ (BL NO.)	CHI TIẾT HÀNG HÓA (DESCRIPTION OF GOODS)	GROSS WEIGHT/ MEASUREMENT
CAI/36928/DAN	31 CARTONS LCL/LCL AS PER HOUSE BILL	312.920 KGS 0.664 CBM

Note: When coming to take delivery order,
 1. Please take delivery order after arrival day (Vui lòng đến nhận lệnh sau 1 ngày tàu đến)
 2. Please submit the following documents (Xin vui lòng mang những chứng từ sau để nhận hàng):
 • Original Bill of Lading (If arranged before) (Vận đơn gốc)
 • Letter of Recommendation (Giấy giới thiệu)
 • Identity Card (Chứng minh nhân dân)
 3. You are kindly requested to pay following charges (Các khoản phí phải đóng):
 ▶ DDO fee : USD
 ▶ Handling fee : USD
 ▶ THC charge : USD
 ▶ VS CONT : USD
 ▶ CIC CONT : USD
 (Vui lòng thanh toán bằng tiền VIỆT NAM)
 You are kindly requested to pick up of above-mentioned cargoes from the date of discharge, we will not responsible for any extra charges due to your delay for pick up cargo (Nhấn trình phát sinh chi phí xin quý khách vui lòng nhận hàng sớm từ ngày hàng đến, nếu có phát sinh bất kỳ phí gì do chậm trễ trong việc nhận hàng, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm)
 Please check all detail on arrival notice with carefully before you want to get delivery order (Vui lòng kiểm tra kỹ chi tiết trên Giấy báo hàng đến trước khi nhận lệnh)
 O Please do not hesitate to contact us. Thank you!
 O We specialises in handling cargo from Vietnam to worldwide destinations. Our comprehensive service includes Door to door deliveries, Project handling, Domestic transportation, Customs clearance services...

Hình 2.30. Thông báo hàng đến (Arrival note)

Khi nhận được thông báo hàng đến, đơn vị vận chuyển sẽ căn cứ vào lịch trình để chủ động bố trí phương tiện phù hợp, đến địa điểm được chỉ định trên “**Thông báo hàng đến**” nhằm thực hiện việc nhận hàng và vận chuyển về nhà máy hoặc kho tương ứng theo kế hoạch. Sau khi tiếp nhận thông tin chứng từ nhập kho từ kinh doanh, tờ khai, phiếu nhập kho, kho công ty/nhà máy sẽ tiến hành chuẩn bị mặt bằng, bố trí khu vực lưu trữ, kiểm tra thiết bị và phương tiện bốc xếp nhằm đảm bảo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp nhận hàng hóa. Đồng thời, nhân viên kho cũng rà soát sơ đồ kho để xác định trước vị trí lưu trữ phù hợp với từng loại nguyên phụ liệu.

Việc chủ động sắp xếp tiếp nhận hàng giúp quá trình nhập kho diễn ra nhanh chóng và hạn chế ùn tắc. Tuy nhiên, trong những thời gian cao điểm, đặc biệt khi nhiều lô hàng nhập khẩu về cùng lúc, kho có thể rơi vào tình trạng quá tải. Khi đó, phòng xuất nhập khẩu buộc phải điều chỉnh phương án tiếp nhận hàng hóa, chẳng hạn như bố trí nhập hàng tại các kho khác như kho sợi hoặc khu vực lưu trữ tạm thời.

Khi hàng hóa được thông quan và vận chuyển về kho, nhân viên kho tiến hành bằng cách đối chiếu với Packing List và đơn đặt hàng nhằm xác định số lượng, chất lượng hàng hóa được kiểm tra theo điều khoản hợp đồng; nếu phát hiện không đạt yêu cầu, nhân viên sẽ ghi nhận bằng hình ảnh hoặc video và báo cáo để phòng Kinh doanh làm việc với nhà cung cấp.

Nhân viên kho lập phiếu nhập kho trên phần mềm Hoatho Smart 4.0. Toàn bộ thông tin hàng nhập sẽ được nhân viên nhập lên phần mềm Hoatho Smart 4.0, bao gồm: tên nguyên vật liệu, số lượng, ngày nhập, mã kho,... Sau khi hoàn tất thao tác trên phần mềm, nhân viên kho dán tem, đánh dấu hoặc ghi chú vị trí để chuyển hàng vào đúng khu vực trong kho theo sơ đồ sắp xếp.



Hình 2.31. Phần mềm Hoatho Smart 4.0 quản lý kho

❖ *Ưu điểm:*

- Bộ phận kho phối hợp khá tốt với phòng Xuất nhập khẩu.
- Công ty đã ứng dụng phần mềm Hoatho Smart 4.0 để quản lý kho.
- Có thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa và đối chiếu với Packing List.

❖ *Nhược điểm:*

- Kho có thể quá tải vào thời điểm nhiều lô hàng về cùng lúc.
- Việc kiểm tra chất lượng hàng hóa vẫn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm nhân viên kho.
- Khi phát hiện thiếu hụt hoặc hư hỏng phải xử lý với nhiều bên liên quan.
- Thông tin tiến độ nhập hàng chưa được cập nhật đồng bộ giữa các bộ phận liên quan.

2.4. ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG NHẬP KHẨU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ.

2.4.1 Ưu điểm

Được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực xuất nhập khẩu: Nhờ được hưởng chế độ doanh nghiệp ưu tiên, phần lớn các tờ khai của công ty được phân luồng xanh, giúp giảm đáng kể thời gian thông quan và chi phí lưu kho, lưu bãi. Đồng thời, hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra thường xuyên giúp doanh nghiệp xây dựng mối quan hệ hợp tác ổn định với các đơn vị vận chuyển. Nhờ đó, công ty có thể nhận được các ưu đãi về cước phí, dịch vụ hỗ trợ và tư vấn nghiệp vụ, góp phần tối ưu hóa chi phí logistics.

Ứng dụng công nghệ và phối hợp giữa các phòng ban hiệu quả: Doanh nghiệp đã áp dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử kết hợp với hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) trong xử lý chứng từ, giúp rút ngắn thời gian khai báo và hạn chế sai sót so với phương pháp thủ công. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các phòng ban như Kinh doanh, Xuất nhập khẩu và Kho được duy trì khá chặt chẽ, hỗ trợ quá trình mở tờ khai và nhận hàng diễn ra nhanh chóng. Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cũng giúp thông tin được truyền đạt kịp thời và đảm bảo tiến độ xử lý nghiệp vụ.

Quy trình làm việc được xây dựng rõ ràng: Công ty đã xây dựng bộ quy trình xuất nhập khẩu và quản lý kho nguyên phụ liệu tương đối rõ ràng và logic, thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa các bộ phận như phòng Kinh doanh, phòng Xuất nhập khẩu và bộ phận Kho. Mỗi công đoạn đều được phân công người phụ trách cụ thể và quy định rõ trách nhiệm xử lý. Chẳng hạn, phòng Kinh doanh thực hiện đối chiếu chi tiết chứng từ nhằm đảm bảo sự thống nhất thông tin trước khi chuyển sang khâu khai báo hải quan. Trong quá trình quan sát, em nhận thấy các chứng từ thường được kiểm tra ít nhất hai lần, lần đầu bởi nhân viên kinh doanh và lần hai bởi nhân viên khai báo hải quan, giúp hạn chế tối đa sai sót.

Công tác tổ chức và phân công công việc trong phòng Xuất nhập khẩu được thực hiện hợp lý: Các nhân viên được phân công phụ trách theo từng đơn hàng, từng khách hàng, tạo thuận lợi cho việc theo dõi và kiểm tra tiến độ xử lý. Đồng thời, trưởng phòng Xuất nhập khẩu thường xuyên kiểm tra và giám sát trực tiếp nhằm kịp thời phát hiện và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nhập khẩu.

2.4.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, quy trình vẫn tồn tại một số hạn chế cần được xem xét.

Khó khăn trong cập nhật chính sách hải quan: Công tác cập nhật chính sách hải quan và thuế còn gặp nhiều khó khăn do các quy định pháp luật thường xuyên thay đổi. Các Thông tư, Nghị định liên quan đến thủ tục hải quan, phân loại hàng hóa và chính sách thuế được ban hành và điều chỉnh liên tục, khiến doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật thông tin. Trong một số trường hợp việc cập nhật thông tin về đổi mã hải quan khi khai báo 34CC (chuyển về 34NG) đã kịp thời nhưng mà do thao tác quen thuộc làm dẫn đến nhân viên dù có kinh nghiệm vẫn nhầm lẫn trong quá trình khai báo. Điều này làm phát sinh sai sót về mã khai báo, chính sách thuế và quy trình thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan và có thể kéo theo các rủi ro liên quan đến hủy tờ khai, chất lượng công việc của phòng.

Phụ thuộc vào phối hợp các bên liên quan trong xử lý chứng từ: Quy trình xử lý các lô hàng tại bộ phận Xuất nhập khẩu còn phụ thuộc vào sự phối hợp của các bên liên quan như đơn vị vận chuyển và công ty bảo hiểm, nguyên nhân chủ yếu là quy trình trao đổi chứng từ giữa các bên, thời gian xử lý của mỗi đơn vị không đồng nhất, đơn vị vận chuyển yêu cầu cung cấp bộ chứng từ để hoàn tất thủ tục thông quan, tuy nhiên bộ phận Xuất nhập khẩu phải chờ phía bảo hiểm hoàn tất các bước thanh toán và xác nhận liên quan. Trong thời gian chờ đợi, nhân viên Xuất nhập khẩu phải chủ động liên hệ với đơn vị vận chuyển để thông báo việc bổ sung chứng từ qua email sau. Hay khi nhân viên Xuất nhập khẩu phải yêu cầu bên vận chuyển gửi chứng từ gốc đến công ty mới có thể làm thủ tục khai báo. Điều này làm phát sinh thêm công việc trung gian, đồng thời kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và ảnh hưởng đến tiến độ thông quan hàng hóa.

Sai sót trong khâu chuẩn bị hồ sơ chứng từ: Việc chuẩn bị hồ sơ chứng từ từ phòng kinh doanh đôi khi chưa đầy đủ hoặc còn tồn tại sai sót trong tài liệu. Nguyên nhân chủ yếu là do thông tin từ khách hàng thay đổi nhiều, quy trình kiểm tra chéo giữa hồ sơ chưa chặt chẽ và chưa có danh mục checklist chứng từ thống nhất trước khi chuyển sang bộ phận Xuất nhập khẩu. Nhân viên bộ phận Xuất nhập khẩu đã phải liên hệ lại với phòng Kinh doanh khi phát hiện lô hàng bị nhầm hóa đơn và yêu cầu gửi lại chứng từ để tiếp tục xử lý. Tương tự, trong quá trình khai báo hải quan, phần mô tả hàng hóa còn thiếu thông tin về style và mã hàng, buộc bộ phận Xuất nhập khẩu phải đề nghị phòng

Kinh doanh trao đổi lại với khách hàng để bổ sung. Những thiếu sót này làm phát sinh thêm các bước xác nhận, điều chỉnh thông tin khai báo và kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thủ tục hải quan.

2.4.3 Nguyên nhân

Những nhược điểm nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan.

❖ Nguyên nhân khách quan

Hệ thống chính sách pháp luật thường xuyên thay đổi: Các quy định liên quan đến hải quan, thuế xuất nhập khẩu, mã HS và thủ tục khai báo điện tử liên tục được sửa đổi, bổ sung thông qua các Luật, Nghị định và Thông tư mới. Điều này khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc cập nhật kịp thời và áp dụng chính xác các quy định vào thực tế khai báo hải quan.

Sự phụ thuộc vào các bên liên quan: Quy trình xử lý hồ sơ nhập khẩu có liên quan đến nhiều đơn vị như hãng tàu, đơn vị vận chuyển, công ty bảo hiểm, ngân hàng và cơ quan hải quan. Thời gian xử lý chứng từ giữa các bên không đồng bộ dẫn đến việc doanh nghiệp bị động trong quá trình hoàn thiện hồ sơ và thông quan hàng hóa.

Yêu cầu kiểm soát ngày càng chặt chẽ của cơ quan hải quan: Việc tăng cường quản lý rủi ro, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa khiến quy trình thông quan đòi hỏi độ chính xác cao hơn. Chỉ cần sai sót nhỏ trong mã khai báo, mô tả hàng hóa hoặc chứng từ cũng có thể dẫn đến việc sửa đổi hoặc hủy tờ khai.

Áp lực tiến độ giao hàng và kế hoạch sản xuất: Hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu của doanh nghiệp phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất xuất khẩu nên yêu cầu tiến độ thông quan và nhận hàng rất cao. Trong trường hợp hàng hóa bị chậm thông quan hoặc kiểm hóa kéo dài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất và tiến độ giao hàng cho khách hàng quốc tế.

❖ Nguyên nhân chủ quan

Nhân viên còn nhầm lẫn trong quá trình khai báo: Dù đã có kinh nghiệm thực hiện nghiệp vụ, nhân viên vẫn có thể xảy ra sai sót do thao tác theo thói quen hoặc chưa kịp thích nghi với các thay đổi mới trong chính sách hải quan và mã loại hình khai báo.

Quy trình phối hợp nội bộ chưa chặt chẽ: Sự phối hợp giữa phòng Kinh doanh và bộ phận Xuất nhập khẩu chưa thực sự đồng bộ. Việc trao đổi thông tin về hóa đơn,

mô tả hàng hóa, style và mã hàng đôi khi chưa đầy đủ hoặc thiếu thống nhất, làm phát sinh nhiều bước xác nhận và điều chỉnh.

Chưa xây dựng hệ thống kiểm tra chứng từ hiệu quả: Doanh nghiệp chưa có checklist chứng từ thống nhất trước khi chuyển hồ sơ sang bộ phận Xuất nhập khẩu, dẫn đến tình trạng thiếu hoặc sai chứng từ vẫn xảy ra trong quá trình xử lý.

Khả năng xử lý và theo dõi chứng từ còn phụ thuộc nhiều vào thủ công: Việc liên hệ, xác nhận và bổ sung chứng từ chủ yếu thông qua email hoặc trao đổi trực tiếp làm mất nhiều thời gian, dễ xảy ra thiếu sót và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thủ tục hải quan.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ.

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

3.1.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may nói chung và Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ nói riêng đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố kinh tế, chính trị, công nghệ và xu hướng thương mại quốc tế. Vì vậy, việc nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như thích ứng kịp thời với những biến động của thị trường trong và ngoài nước.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế thế giới chịu tác động lớn từ lạm phát, xung đột địa chính trị, biến động tỷ giá và sự suy giảm sức mua tại nhiều quốc gia lớn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc trên thị trường quốc tế, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Châu Âu. Mặc dù thị trường đang có xu hướng phục hồi sau giai đoạn khó khăn, tuy nhiên mức độ cạnh tranh giữa các quốc gia xuất khẩu dệt may ngày càng gay gắt, đặt ra nhiều áp lực đối với doanh nghiệp trong việc duy trì đơn hàng và ổn định hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đang mở ra nhiều cơ hội phát triển cho ngành dệt may Việt Nam. Việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP và RCEP đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các thị trường lớn với nhiều ưu đãi về thuế quan. Đây được xem là cơ hội quan trọng giúp Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới. Đồng thời, xu hướng dịch chuyển đơn hàng từ các quốc gia có chi phí sản xuất cao hoặc bất ổn chính trị sang Việt Nam cũng tạo thêm lợi thế cho doanh nghiệp trong việc thu hút khách hàng và mở rộng quy mô sản xuất.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội phát triển, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, phát triển xanh và trách nhiệm xã hội ngày càng được các thị trường nhập khẩu siết chặt. Điều này buộc doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn vào công nghệ,

hệ thống quản lý chất lượng và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tác quốc tế. Đồng thời, áp lực cạnh tranh về giá giữa các quốc gia xuất khẩu dệt may như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ và Indonesia cũng khiến doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao năng suất lao động và tối ưu chi phí vận hành.

Ngoài ra, sự thay đổi thường xuyên của các chính sách pháp luật liên quan đến hải quan, thuế xuất nhập khẩu và quản lý chuyên ngành cũng tạo ra nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Các Thông tư, Nghị định và quy định về phân loại hàng hóa, mã HS, chính sách thuế hoặc thủ tục hải quan điện tử liên tục được điều chỉnh khiến doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật thông tin và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên. Nếu không kịp thời nắm bắt các thay đổi này, doanh nghiệp có thể phát sinh sai sót trong quá trình khai báo hải quan, làm ảnh hưởng đến tiến độ thông quan hàng hóa và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Song song với đó, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và xu hướng chuyển đổi số đang tạo ra nhiều cơ hội để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa quy trình vận hành. Việc ứng dụng hệ thống ERP, phần mềm khai báo hải quan điện tử và các giải pháp quản trị dữ liệu tập trung giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng kiểm soát chứng từ, hạn chế sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ và rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hải quan. Đây được xem là xu hướng tất yếu giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị và tăng khả năng cạnh tranh trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay.

Dự báo trong thời gian tới, thị trường dệt may thế giới sẽ dần phục hồi khi nhu cầu tiêu dùng tại các quốc gia lớn tăng trở lại. Các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp. Đồng thời, các thị trường mới nổi tại khu vực ASEAN và Trung Đông cũng được xem là tiềm năng phát triển trong tương lai. Tuy nhiên, doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, tốc độ giao hàng, tính minh bạch trong chuỗi cung ứng và trách nhiệm phát triển bền vững.

Nhìn chung, môi trường kinh doanh trong thời gian tới vừa mang lại nhiều cơ hội mở rộng thị trường và nâng cao kim ngạch xuất khẩu, vừa đặt ra nhiều thách thức về cạnh tranh, công nghệ và yêu cầu quản trị hiện đại. Vì vậy, việc chủ động nghiên cứu, phân tích và dự báo các yếu tố của môi trường kinh doanh sẽ là cơ sở quan trọng giúp Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, nâng

cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và duy trì vị thế cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

3.1.2 Định hướng & mục tiêu phát triển chung của công ty trong thời gian tới

3.1.2.1 Định hướng phát triển của công ty

Trong bối cảnh ngành dệt may Việt Nam đang chịu tác động mạnh từ xu hướng hội nhập quốc tế, cạnh tranh toàn cầu và yêu cầu ngày càng cao từ các thị trường xuất khẩu lớn, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ định hướng phát triển theo hướng bền vững, hiện đại và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Công ty tập trung xây dựng mô hình hoạt động gắn liền với đổi mới công nghệ, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả quản trị nhằm thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh và yêu cầu của khách hàng quốc tế.

Trong thời gian tới, Hòa Thọ tiếp tục duy trì và mở rộng các thị trường xuất khẩu truyền thống như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Châu Âu, đồng thời chủ động tìm kiếm và khai thác thêm các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường nhất định. Song song với hoạt động mở rộng thị trường, doanh nghiệp định hướng phát triển các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, môi trường và trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh đó, công ty chú trọng đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý sản xuất, quản lý kho, xử lý chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan. Việc hoàn thiện hệ thống ERP và tăng cường liên kết dữ liệu giữa các phòng ban được xem là định hướng quan trọng giúp nâng cao tính chính xác của dữ liệu, tăng hiệu quả phối hợp nội bộ và hạn chế các sai sót phát sinh trong quá trình xử lý nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

Ngoài ra, Hòa Thọ cũng định hướng đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị và hiện đại hóa dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng các đơn hàng có yêu cầu kỹ thuật cao. Đồng thời, doanh nghiệp hướng đến mô hình sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường nhằm phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của ngành dệt may thế giới.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty tiếp tục chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và khả năng ứng dụng công nghệ trong công việc. Đặc biệt, đổi

với bộ phận xuất nhập khẩu, doanh nghiệp định hướng tăng cường đào tạo về nghiệp vụ hải quan, cập nhật chính sách pháp luật và kỹ năng xử lý chứng từ nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thông quan hàng hóa.

3.1.2.2 Mục tiêu phát triển

❖ Mục tiêu doanh thu

Trong thời gian tới, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đặt mục tiêu tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ổn định thông qua việc mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Công ty tập trung khai thác hiệu quả các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Châu Âu, đồng thời tìm kiếm thêm các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa đầu ra và hạn chế rủi ro phụ thuộc vào một khu vực nhất định. Bên cạnh đó, doanh nghiệp hướng đến nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, cải thiện chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa chi phí vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong dài hạn.

❖ Mục tiêu quy trình

Công ty hướng đến mục tiêu hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu theo hướng hiện đại, chính xác và đồng bộ hơn giữa các bộ phận liên quan. Trong đó, doanh nghiệp chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác xử lý chứng từ, quản lý dữ liệu và khai báo hải quan điện tử nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ. Đồng thời, công ty đặt mục tiêu giảm thiểu tỷ lệ sai sót trong quá trình khai báo hải quan, hạn chế tối đa việc sửa đổi hoặc bổ sung tờ khai, từ đó rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí phát sinh và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu.

❖ Mục tiêu nhân sự

Bên cạnh mục tiêu phát triển hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cũng chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao và khả năng thích ứng tốt với xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Đối với bộ phận xuất nhập khẩu, công ty đặt mục tiêu nâng cao năng lực nghiệp vụ cho nhân viên thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu về thủ tục hải quan, chính sách pháp luật và kỹ năng xử lý chứng từ. Đồng thời, doanh nghiệp khuyến khích nhân viên chủ động cập nhật các quy định mới về hải quan và sử dụng thành thạo các hệ thống khai

báo điện tử nhằm nâng cao hiệu quả công việc, hạn chế rủi ro sai sót và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động xuất nhập khẩu hiện nay.

3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ.

3.2.1 Giải pháp thiết lập thêm tính năng tích hợp và đối chiếu chứng từ nhập khẩu trên hệ thống ERP

a) Cơ sở đề xuất

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng phát triển mạnh mẽ cùng với yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý hải quan, việc đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và đầy đủ của bộ chứng từ nhập khẩu đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp. Đối với Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ, hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất diễn ra thường xuyên với số lượng lớn và liên quan đến nhiều loại chứng từ khác nhau như hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói hàng hóa, vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ và các chứng từ chuyên ngành khác. Vì vậy, chỉ cần phát sinh sai lệch nhỏ giữa các chứng từ cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình khai báo hải quan và tiến độ thông quan hàng hóa.

Qua quá trình phân tích thực trạng ở Chương 2 cho thấy nhiều sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu tại doanh nghiệp không xuất phát hoàn toàn từ nghiệp vụ khai báo mà chủ yếu bắt nguồn từ khâu chuẩn bị và kiểm tra chứng từ. Các lỗi thường gặp như sai mã hàng, thiếu thông tin mô tả sản phẩm, nhầm lẫn hóa đơn, không thống nhất số lượng giữa Invoice và Packing List hoặc khai báo chưa phù hợp với điều kiện Incoterms đều có thể dẫn đến việc phải sửa đổi hoặc hủy tờ khai hải quan. Điều này không chỉ kéo dài thời gian thông quan mà còn làm phát sinh thêm nhiều chi phí liên quan đến lưu kho bãi, lưu container và ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc kiểm tra chứng từ hiện nay tại công ty vẫn còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công của nhân viên. Quá trình đối chiếu dữ liệu giữa các chứng từ chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp kiểm tra trực tiếp từng loại hồ sơ nên vừa mất nhiều thời gian, vừa dễ xảy ra sai sót khi khối lượng chứng từ tăng cao. Ngoài ra, thông tin giữa các bộ phận liên quan như phòng Kinh doanh, bộ phận Xuất nhập khẩu và Kế toán đôi khi chưa được cập nhật đồng bộ, gây khó khăn trong quá trình xử lý hồ sơ nhập khẩu.

Xuất phát từ thực trạng trên, doanh nghiệp cần nghiên cứu và triển khai giải pháp thiết lập thêm tính năng tích hợp và đối chiếu chứng từ nhập khẩu trên hệ thống ERP nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ và hỗ trợ quá trình thực hiện thủ tục hải quan. Đây được xem là một trong những giải pháp phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics và quản trị chuỗi cung ứng hiện nay, đồng thời góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

b) Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp thiết lập tính năng tích hợp và đối chiếu chứng từ nhập khẩu trên hệ thống ERP được đề xuất nhằm nâng cao tính chính xác và đồng bộ của dữ liệu trước khi thực hiện khai báo hải quan. Thông qua việc tự động hóa quá trình kiểm tra và đối chiếu chứng từ, doanh nghiệp có thể giảm thiểu đáng kể các sai sót phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ nhập khẩu, từ đó hạn chế tình trạng sửa đổi hoặc hủy tờ khai hải quan.

Bên cạnh đó, giải pháp này còn hướng đến mục tiêu rút ngắn thời gian kiểm tra chứng từ, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận liên quan và giảm áp lực công việc cho nhân viên Xuất nhập khẩu trong quá trình xử lý hồ sơ. Việc tích hợp dữ liệu tập trung trên ERP cũng giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng lưu trữ, tra cứu và quản lý hồ sơ nhập khẩu trong dài hạn, phục vụ hiệu quả cho công tác kiểm tra nội bộ và kiểm tra sau thông quan.

Ngoài ra, giải pháp còn góp phần hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động logistics và quản trị chuỗi cung ứng, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với xu hướng hiện đại hóa hải quan trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

c) Nội dung thực hiện

Để triển khai giải pháp này, doanh nghiệp cần nâng cấp hệ thống ERP theo hướng bổ sung chức năng kiểm tra và đối chiếu dữ liệu tự động giữa các chứng từ thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu. Theo đó, hệ thống cho phép nhân viên tải trực tiếp các chứng từ như Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract), Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List), Vận đơn (Bill of Lading), giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và các chứng từ liên quan khác lên cùng một nền tảng quản lý tập trung.

Sau khi dữ liệu được cập nhật lên hệ thống, ERP sẽ tự động thực hiện quá trình đối chiếu logic giữa các thông tin trên chứng từ nhằm phát hiện các sai lệch hoặc thiếu

sốt trước khi tiến hành khai báo hải quan. Hệ thống có thể kiểm tra các nội dung quan trọng như sự phù hợp giữa số lượng hàng hóa trên Invoice và Packing List, đối chiếu tổng giá trị với hợp đồng ngoại thương, kiểm tra điều kiện giao hàng Incoterms hoặc xác định tính hợp lệ của mã HS dựa trên mô tả hàng hóa.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể xây dựng thêm danh mục kiểm tra (checklist) tích hợp trực tiếp trên ERP nhằm kiểm soát các nội dung quan trọng của hồ sơ nhập khẩu trước khi thực hiện khai báo hải quan. Trong trường hợp phát hiện sai lệch dữ liệu hoặc thiếu chứng từ, hệ thống sẽ tự động hiển thị cảnh báo để nhân viên chủ động kiểm tra, bổ sung hoặc điều chỉnh thông tin kịp thời trước khi truyền tờ khai lên hệ thống VNACCS/VCIS.

Quy trình xử lý trên hệ thống ERP có thể được thực hiện theo trình tự thống nhất gồm: nhà xuất khẩu gửi bộ chứng từ → nhân viên tiếp nhận và cập nhật dữ liệu lên hệ thống → ERP tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và đối chiếu thông tin giữa các chứng từ → dữ liệu sau khi được xác nhận chính xác sẽ được sử dụng phục vụ khai báo hải quan. Việc chuẩn hóa quy trình theo hướng tự động hóa giúp hạn chế đáng kể các thao tác kiểm tra thủ công vốn dễ xảy ra sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể tích hợp chức năng lưu trữ dữ liệu điện tử trên ERP nhằm hỗ trợ tra cứu và quản lý hồ sơ nhập khẩu theo từng lô hàng hoặc từng nhà cung cấp. Điều này giúp nâng cao khả năng quản lý dữ liệu tập trung và tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra nội bộ cũng như hậu kiểm hải quan khi cần thiết.

d) Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp này, Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ cần đầu tư nâng cấp hệ thống ERP nhằm đảm bảo khả năng tích hợp dữ liệu giữa các chứng từ nhập khẩu và các phần mềm khai báo hải quan điện tử. Đồng thời, doanh nghiệp cần xây dựng quy trình chuẩn hóa dữ liệu đầu vào giữa các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác và đồng bộ của thông tin trong suốt quá trình xử lý hồ sơ nhập khẩu.

Bên cạnh yếu tố công nghệ, công ty cũng cần tổ chức đào tạo nhân viên về quy trình cập nhật dữ liệu và sử dụng các chức năng kiểm tra, đối chiếu chứng từ trên hệ thống ERP. Điều này giúp nhân viên nâng cao khả năng khai thác hệ thống và hạn chế các sai sót phát sinh do thao tác chưa đúng quy trình.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban như Kinh doanh, Xuất nhập khẩu, Kế toán và Kho vận nhằm đảm bảo thông tin chứng từ được cập nhật đầy đủ và kịp thời trên hệ thống. Ban lãnh đạo công ty cũng cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả vận hành của hệ thống để kịp thời điều chỉnh các chức năng phù hợp với thực tế hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, việc ứng dụng công nghệ vào quản lý chứng từ nhập khẩu không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan mà còn góp phần tối ưu hóa quy trình quản trị chuỗi cung ứng, giảm chi phí vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, việc thiết lập thêm tính năng tích hợp và đối chiếu chứng từ trên hệ thống ERP là giải pháp cần thiết và mang tính khả thi cao đối với Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ trong giai đoạn hiện nay.

3.2.2 Giải pháp xây dựng SLA và Dashboard theo dõi tiến độ quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu trên ERP

a) Cơ sở đề xuất

Để hạn chế sự chậm trễ trong quá trình phối hợp với các bên liên quan, doanh nghiệp có thể xây dựng SLA (Service Level Agreement) kỹ thuật số kết hợp Dashboard quản trị chung ngay trên hệ thống ERP. Các bên liên quan sẽ thỏa thuận và quy định rõ thời gian phản hồi bắt buộc đối với từng công đoạn xử lý hồ sơ nhập khẩu. Chẳng hạn, phòng Kinh doanh phải cung cấp đầy đủ bộ chứng từ trong vòng 24 giờ kể từ khi có đơn hàng; đơn vị vận chuyển phải xác nhận lịch vận chuyển và gửi tracking/chứng từ trong vòng 24 giờ kể từ khi hàng được xếp lên phương tiện vận tải; công ty bảo hiểm phải hoàn tất xác nhận bảo hiểm hoặc thanh toán trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận yêu cầu. Việc quy định cụ thể thời gian xử lý sẽ giúp nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình phối hợp thực hiện thủ tục nhập khẩu nguyên phụ liệu.

Qua quá trình phân tích thực trạng quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ cho thấy việc theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ hiện nay vẫn còn mang tính thủ công và phụ thuộc nhiều vào trao đổi nội bộ giữa các bộ phận thông qua email hoặc điện thoại. Điều này dẫn đến tình trạng khó kiểm soát tiến độ xử lý từng công đoạn, đặc biệt đối với các lô hàng có nhiều chứng từ hoặc cần xử lý gấp để phục vụ kế hoạch sản xuất. Trong nhiều trường hợp, việc cập nhật thông tin chưa kịp thời giữa phòng Kinh doanh, phòng Xuất nhập khẩu, đơn vị vận chuyển và kho nguyên

phụ liệu đã làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thông quan hàng hóa.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp hiện vẫn chưa có hệ thống theo dõi tiến độ tập trung để hỗ trợ ban lãnh đạo kiểm soát tình trạng xử lý hồ sơ nhập khẩu theo thời gian thực. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc của từng bộ phận chưa được chuẩn hóa rõ ràng nên khó đánh giá nguyên nhân gây chậm trễ hoặc phát sinh sai sót trong quá trình xử lý hồ sơ.

Trong bối cảnh hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu của doanh nghiệp ngày càng gia tăng cùng với yêu cầu giao hàng đúng tiến độ từ khách hàng quốc tế, việc xây dựng hệ thống SLA kết hợp Dashboard quản trị tiến độ trên ERP là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ, giảm thời gian xử lý hồ sơ và hỗ trợ doanh nghiệp từng bước hiện đại hóa hoạt động quản trị xuất nhập khẩu theo định hướng chuyển đổi số hiện nay.

b) Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp xây dựng SLA kỹ thuật số và dashboard theo dõi tiến độ quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu trên ERP hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, thiết lập cam kết thời gian xử lý rõ ràng và có tính ràng buộc giữa các bên tham gia quy trình nhập khẩu, bao gồm phòng Kinh doanh, phòng Xuất nhập khẩu, bộ phận Kho NPL, đơn vị vận chuyển và công ty bảo hiểm, nhằm hạn chế tình trạng chờ đợi chứng từ kéo dài.

Thứ hai, tạo lập công cụ theo dõi tiến độ lô hàng theo thời gian thực, giúp cấp lãnh đạo và nhân viên phụ trách chủ động nắm bắt tình trạng xử lý của từng lô hàng, từ đó can thiệp và xử lý kịp thời khi phát sinh vấn đề.

Thứ ba, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của từng bộ phận trong quy trình thông qua hệ thống đánh giá KPI được tích hợp trực tiếp trên nền tảng ERP, góp phần xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp và đúng hạn trong doanh nghiệp.

Thứ tư, giảm thiểu chi phí phát sinh do chậm trễ thông quan như phí lưu kho, lưu bãi, phí nâng hạ container, đồng thời đảm bảo tiến độ cung ứng nguyên phụ liệu phục vụ kế hoạch sản xuất xuất khẩu của Tổng Công ty.

c) Nội dung thực hiện

Doanh nghiệp tiến hành xây dựng hệ thống SLA kỹ thuật số kết hợp Dashboard quản trị tiến độ trực tiếp trên nền tảng ERP nhằm quản lý toàn bộ tiến độ xử lý hồ sơ nhập khẩu nguyên phụ liệu theo thời gian thực.

Trước tiên, công ty cần thiết lập quy định cụ thể về thời gian xử lý tối đa đối với từng công đoạn và từng bộ phận tham gia trong quy trình nhập khẩu. Mỗi bộ phận sẽ được quy định rõ trách nhiệm, thời gian phản hồi bắt buộc và các chỉ số đánh giá hiệu quả thực hiện công việc (KPI). Các mốc thời gian này sẽ được hệ thống ERP tự động ghi nhận và theo dõi.

Cụ thể, phòng Kinh doanh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ bộ chứng từ nhập khẩu như hợp đồng, Invoice, Packing List trong vòng 48 giờ kể từ khi đơn hàng được xác nhận trên hệ thống ERP. Đơn vị vận chuyển phải gửi thông tin tracking và bộ chứng từ vận tải trong vòng 24 giờ kể từ khi hàng được xếp lên phương tiện vận chuyển. Công ty bảo hiểm cần hoàn tất xác nhận và phát hành chứng nhận bảo hiểm trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận yêu cầu. Phòng Xuất nhập khẩu thực hiện kiểm tra chứng từ và truyền tờ khai hải quan trong thời gian từ 8–16 giờ kể từ khi nhận đủ chứng từ. Kho nguyên phụ liệu có trách nhiệm kiểm nhập hàng hóa và báo cáo tình trạng hàng hóa trong vòng 12 giờ sau khi hàng về kho.

Bảng 3.1. Bảng SLA quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu

Bộ phận/ đối tác	Quy trình nghiệp vụ	Thời hạn cam kết (SLA)	Điểm mốc tính thời gian	Chỉ số đo lượng (KPI)
Phòng Kinh doanh	Cung cấp bộ chứng từ đầy đủ (Hợp đồng, Invoice, Packing List...)	Trong vòng 48 giờ	Kể từ khi đơn hàng được xác nhận trên ERP	% Chứng từ gửi đúng hạn / % Sai sót thông tin
Đơn vị Vận chuyển	Gửi thông tin Tracking và bộ chứng từ vận tải, giao hàng đúng hạn	Trong vòng 24 giờ	Kể từ khi hàng lên phương tiện vận chuyển	Thời gian giao hàng
Công ty Bảo hiểm	Hoàn tất xác nhận và gửi chứng nhận bảo hiểm/thanh toán	Trong vòng 24 giờ	Kể từ khi nhận được yêu cầu bảo hiểm	Thời gian phản hồi trung bình

Phòng Xuất nhập khẩu	Kiểm tra đối chiếu chứng từ và truyền tờ khai Hải quan	Trong vòng 8 - 16 giờ	Kể từ khi nhận đủ chứng từ từ phòng Kinh doanh	Tỷ lệ tờ khai luồng Xanh/Vàng/ Đỏ
Kho Nguyên phụ liệu	Kiểm nhập hàng hóa và báo cáo tình trạng thừa/thiếu/hư hỏng	Trong vòng 12 giờ	Kể từ khi hàng về đến kho	Thời gian nhập hàng lưu kho

Sau khi thiết lập SLA, doanh nghiệp cần xây dựng Dashboard quản trị tập trung để theo dõi tiến độ xử lý của từng lô hàng theo thời gian thực. Dashboard sẽ hiển thị các thông tin như:

- Tình trạng xử lý từng lô hàng nhập khẩu.
- Thời gian hoàn thành của từng công đoạn.
- Tỷ lệ chứng từ sai sót.
- Tỷ lệ tờ khai phân luồng xanh, vàng, đỏ.
- Thời gian thông quan trung bình.
- Tỷ lệ công việc hoàn thành đúng SLA của từng bộ phận.

Hệ thống sẽ tự động gửi nhắc nhở (alert) khi sắp đến hoặc vi phạm thời hạn SLA và tự động báo cáo chậm trễ gửi lãnh đạo. Dashboard chung sẽ hiển thị tiến độ realtime của từng lô hàng, tỷ lệ sai sót chứng từ, thời gian thông quan trung bình và KPI của từng bộ phận, giúp lãnh đạo dễ dàng theo dõi và can thiệp kịp thời.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tích hợp chức năng phân tích dữ liệu lịch sử trên Dashboard nhằm đánh giá xu hướng chậm trễ, xác định các công đoạn thường xuyên phát sinh lỗi và đưa ra biện pháp cải tiến quy trình phù hợp.

d) Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp xây dựng SLA và Dashboard theo dõi tiến độ quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu trên ERP, doanh nghiệp cần đáp ứng một số điều kiện sau:

Trước hết, công ty cần nâng cấp hoặc bổ sung các chức năng quản trị tiến độ trên hệ thống ERP hiện tại nhằm đảm bảo khả năng tích hợp dữ liệu giữa các bộ phận liên quan như Kinh doanh, Xuất nhập khẩu, Kho vận và Kế toán. Đồng thời, hệ thống phải có khả năng cập nhật dữ liệu theo thời gian thực và hỗ trợ chức năng cảnh báo tự động.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng quy chế phối hợp nội bộ rõ ràng giữa các phòng ban và quy định cụ thể trách nhiệm xử lý công việc của từng bộ phận trong quy trình nhập khẩu nguyên phụ liệu. Đây là cơ sở để hệ thống SLA vận hành hiệu quả và đảm bảo tính minh bạch trong đánh giá KPI.

Ngoài ra, công ty cần tổ chức đào tạo nhân viên về kỹ năng sử dụng Dashboard, cập nhật tiến độ xử lý trên ERP và nâng cao ý thức tuân thủ thời gian xử lý công việc theo SLA đã cam kết.

Doanh nghiệp cũng cần có sự phối hợp và thống nhất với các đối tác bên ngoài như đơn vị vận chuyển, công ty bảo hiểm hoặc forwarder trong việc cập nhật dữ liệu và phản hồi thông tin đúng thời gian quy định.

Cuối cùng, ban lãnh đạo cần quan tâm và thường xuyên theo dõi kết quả vận hành của hệ thống nhằm kịp thời điều chỉnh SLA phù hợp với tình hình thực tế hoạt động nhập khẩu của doanh nghiệp.

3.2.3 Giải pháp tổ chức Chương trình Tập huấn nghiệp vụ xuất nhập khẩu

a) Cơ sở đề xuất

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ở Chương 2, có thể nhận thấy vẫn còn tồn tại một số sai sót trong quá trình khai báo hải quan như nhầm lẫn mã HS, mã loại hình hoặc chưa cập nhật kịp thời các chính sách hải quan mới. Một số nhân viên vẫn còn xử lý nghiệp vụ theo kinh nghiệm hoặc thói quen cũ, dẫn đến phát sinh tình trạng sửa đổi tờ khai nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan và làm tăng chi phí liên quan đến lưu kho, lưu bãi. Đồng thời, sự phối hợp giữa các bộ phận trong quá trình kiểm tra và xử lý chứng từ vẫn chưa thực sự đồng bộ, làm giảm hiệu quả kiểm soát dữ liệu khai báo.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu ngày càng chịu tác động mạnh từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các quy định liên quan đến hải quan, thuế xuất nhập khẩu, xuất xứ hàng hóa và quản lý chuyên ngành thường xuyên thay đổi. Điều này đòi hỏi đội ngũ nhân viên xuất nhập khẩu phải liên tục cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng xử lý nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong hoạt động thông quan hàng hóa. Vì vậy, việc tổ chức chương trình tập huấn nghiệp vụ xuất nhập khẩu là giải pháp cần thiết nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

b) Mục tiêu của giải pháp

Xuất phát từ thực trạng trên giải pháp này được đề xuất nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng xử lý nghiệp vụ thực tế cho đội ngũ nhân viên bộ phận Xuất nhập khẩu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Thông qua chương trình đào tạo chuyên sâu, doanh nghiệp hướng đến mục tiêu giảm thiểu các sai sót trong quá trình khai báo hải quan, đặc biệt là các lỗi liên quan đến mã HS, mã loại hình và chính sách thuế nhập khẩu.

Bên cạnh đó, giải pháp còn góp phần nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận trong quá trình xử lý chứng từ, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và hạn chế tình trạng sửa đổi hoặc hủy tờ khai. Đồng thời, chương trình đào tạo cũng giúp nhân viên nâng cao khả năng thích ứng với quá trình chuyển đổi số và hiện đại hóa hoạt động quản trị xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, về lâu dài, việc đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực sẽ giúp doanh nghiệp xây dựng đội ngũ nhân viên có năng lực chuyên môn cao, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

c) Nội dung thực hiện

Doanh nghiệp có thể xây dựng chương trình đào tạo nội bộ theo mô hình “XNK Pro-Training” với hình thức kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến nhằm tạo sự linh hoạt về thời gian và tăng khả năng tiếp cận cho nhân viên ở nhiều bộ phận khác nhau. Việc kết hợp đa dạng hình thức đào tạo không chỉ giúp tối ưu chi phí tổ chức mà còn tạo điều kiện để nhân viên chủ động cập nhật kiến thức và trao đổi nghiệp vụ trong quá trình làm việc thực tế.

Nội dung đào tạo cần được xây dựng theo hướng chuyên sâu, gắn liền với thực tiễn hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu của doanh nghiệp dệt may. Chương trình có thể bao gồm các chuyên đề như:

- Nghiệp vụ khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS và ECUS5-VNACCS;
- Kỹ năng phân loại mã HS và áp dụng mã loại hình nhập khẩu;
- Quản lý và kiểm soát chứng từ xuất nhập khẩu;
- Cập nhật chính sách thuế xuất nhập khẩu và quy định về xuất xứ hàng hóa;
- Ứng dụng ERP trong quản lý dữ liệu và kiểm soát chứng từ;

- Quản trị rủi ro trong logistics và khai báo hải quan.

Đặc biệt, doanh nghiệp cần tăng cường tổ chức các buổi workshop và thảo luận tình huống thực tế phát sinh trong quá trình làm thủ tục hải quan như sai mã HS, sai thông tin trên Invoice hoặc Packing List, sửa đổi tờ khai hoặc xử lý hàng hóa bị phân luồng kiểm tra thực tế. Việc đưa các tình huống phát sinh thực tế vào chương trình đào tạo sẽ giúp nhân viên nâng cao kỹ năng xử lý nghiệp vụ và tăng khả năng phản ứng khi xảy ra sự cố trong quá trình làm việc.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể phối hợp với cơ quan hải quan hoặc các đơn vị logistics có kinh nghiệm để mời chuyên gia tham gia giảng dạy và trao đổi nghiệp vụ nhằm giúp nhân viên tiếp cận thực tế từ nhiều góc độ khác nhau, đồng thời cập nhật nhanh các xu hướng mới trong hoạt động xuất nhập khẩu và logistics quốc tế.

d) Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp này, trước hết doanh nghiệp cần có sự hỗ trợ và cam kết từ Ban lãnh đạo trong việc đầu tư ngân sách đào tạo, xây dựng kế hoạch tập huấn định kỳ và tạo điều kiện để nhân viên tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo.

Thêm vào đó, doanh nghiệp cần chuẩn bị đội ngũ giảng viên hoặc chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực hải quan và logistics nhằm đảm bảo chất lượng nội dung đào tạo. Đồng thời, hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ như ERP, phần mềm ECUS5-VNACCS và nền tảng đào tạo trực tuyến cũng cần được nâng cấp và đồng bộ để hỗ trợ quá trình học tập và thực hành nghiệp vụ của nhân viên.

Do đó, doanh nghiệp cần xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả đào tạo thông qua việc kiểm tra năng lực nhân viên sau mỗi khóa học, theo dõi tỷ lệ sai sót trong khai báo hải quan và mức độ cải thiện trong quá trình xử lý hồ sơ thực tế. Đây sẽ là cơ sở để doanh nghiệp điều chỉnh nội dung đào tạo phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn của hoạt động xuất nhập khẩu trong từng giai đoạn phát triển.

3.2.4 Giải pháp xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro trong khai báo hải quan

a) Cơ sở đề xuất

Giải pháp này được đề xuất dựa trên những hạn chế còn tồn tại trong quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ được phân tích ở Chương 2. Trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, một số công đoạn vẫn phụ thuộc nhiều vào thao tác kiểm tra thủ công của nhân viên, đặc biệt tại bước chuẩn bị và kiểm tra chứng từ trước khi truyền tờ khai trên hệ thống VNACCS.

Cụ thể, tại bước khai báo thông tin nhập khẩu và đăng ký tờ khai, doanh nghiệp vẫn phát sinh tình trạng sai sót trong quá trình nhập liệu như nhầm mã HS, mã loại hình nhập khẩu, mã chi cục hải quan hoặc mô tả hàng hóa chưa đầy đủ. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc nhân viên thao tác theo kinh nghiệm cá nhân, khối lượng chứng từ lớn trong thời gian ngắn và việc cập nhật các quy định mới chưa kịp thời. Ngoài ra, quá trình đối chiếu giữa Invoice, Packing List và dữ liệu khai báo hiện nay chủ yếu được thực hiện thủ công nên vẫn tồn tại nguy cơ chênh lệch thông tin về số lượng, trị giá hoặc điều kiện giao hàng.

Bên cạnh đó, tại bước phân luồng và kiểm tra tờ khai, việc phải sửa đổi hoặc khai bổ sung tờ khai nhiều lần không chỉ kéo dài thời gian thông quan mà còn làm phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi và ảnh hưởng đến tiến độ nhập nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng áp lực công việc cho bộ phận Xuất nhập khẩu trong các giai đoạn cao điểm.

Mặc dù doanh nghiệp đã ứng dụng phần mềm ECUS5-VNACCS kết hợp với hệ thống ERP trong quản lý dữ liệu và khai báo hải quan, tuy nhiên chức năng kiểm tra và cảnh báo rủi ro hiện nay vẫn chưa được tích hợp đồng bộ. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro tự động trong khai báo hải quan là cần thiết nhằm hỗ trợ kiểm tra dữ liệu ngay từ giai đoạn chuẩn bị hồ sơ, hạn chế sai sót trước khi truyền tờ khai chính thức lên hệ thống hải quan.

b) Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp hướng đến mục tiêu nâng cao độ chính xác trong quá trình khai báo hải quan và tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro đối với hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu tại doanh nghiệp. Thông qua hệ thống cảnh báo tự động, doanh nghiệp có thể phát hiện sớm các chỉ tiêu có nguy cơ sai sót trước khi truyền tờ khai lên hệ thống VNACCS, từ đó hạn chế tình trạng sửa đổi hoặc hủy tờ khai sau khi đăng ký.

Ngoài ra, giải pháp còn giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm áp lực kiểm tra thủ công cho nhân viên Xuất nhập khẩu và nâng cao tính đồng bộ giữa các chứng từ nhập khẩu. Đồng thời, việc chuẩn hóa dữ liệu và kiểm soát rủi ro ngay từ đầu cũng góp phần giảm nguy cơ bị phân luồng kiểm tra thực tế hàng hóa, hạn chế phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi và đảm bảo tiến độ cung ứng nguyên phụ liệu cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Về lâu dài, giải pháp này còn tạo nền tảng để doanh nghiệp đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động quản trị xuất nhập khẩu và nâng cao hiệu quả ứng dụng hệ thống ERP trong công tác quản lý dữ liệu hải quan.

c) Nội dung thực hiện

Doanh nghiệp cần xây dựng chức năng cảnh báo rủi ro tự động trên hệ thống ERP hoặc kết nối dữ liệu giữa ERP và phần mềm ECUS5-VNACCS nhằm hỗ trợ kiểm tra thông tin khai báo trước khi truyền tờ khai lên hệ thống VNACCS/VCIS. Hệ thống sẽ tự động đối chiếu dữ liệu giữa các chứng từ nhập khẩu và đưa ra cảnh báo khi phát hiện các thông tin có nguy cơ sai sót hoặc không phù hợp với dữ liệu chuẩn đã được thiết lập trước đó.

Trước hết, doanh nghiệp cần xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ bao gồm danh mục mã HS, mã nguyên phụ liệu, mã loại hình nhập khẩu, mô tả hàng hóa chuẩn, mã chi cục hải quan và các lỗi khai báo thường gặp đối với từng nhóm hàng hóa. Đây sẽ là cơ sở để hệ thống thực hiện đối chiếu và phát hiện sai lệch trong quá trình nhập liệu.

Hệ thống cảnh báo có thể được thiết lập đối với một số nội dung trọng yếu như:

- Cảnh báo khi mã HS không phù hợp với mô tả hàng hóa hoặc khác với dữ liệu đã khai báo trước đó của cùng nhóm nguyên phụ liệu.
- Cảnh báo khi lựa chọn sai mã loại hình nhập khẩu so với mục đích sử dụng của lô hàng.
- Cảnh báo khi thông tin về số lượng, trọng lượng hoặc trị giá giữa Invoice và Packing List có sự chênh lệch.
- Cảnh báo khi mô tả hàng hóa chưa đầy đủ các thông tin về mã hàng, thành phần nguyên liệu hoặc quy cách sản phẩm.
- Cảnh báo khi lựa chọn sai mã chi cục hải quan, địa điểm lưu kho hoặc điều kiện giao hàng không phù hợp với trị giá khai báo.
- Cảnh báo đối với các lô hàng từng phát sinh sửa đổi tờ khai hoặc bị phân luồng kiểm tra trong những lần nhập khẩu trước đó.

Do đó, đối với các chỉ tiêu quan trọng như mã HS, mã loại hình hoặc trị giá tính thuế, doanh nghiệp có thể áp dụng cơ chế xác nhận hai bước trước khi truyền tờ khai chính thức. Theo đó, sau khi nhân viên hoàn tất khai báo, trưởng nhóm hoặc nhân viên phụ trách kiểm soát sẽ thực hiện rà soát và xác nhận lại trên hệ thống nhằm hạn chế sai sót phát sinh.

Để đảm bảo tính khả thi, doanh nghiệp nên triển khai theo từng giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, hệ thống cảnh báo được áp dụng trước đối với các nhóm nguyên phụ liệu nhập khẩu thường xuyên như vải, chỉ may, khóa kéo, nhãn hoặc phụ liệu may mặc. Sau khi hệ thống vận hành ổn định và dữ liệu được chuẩn hóa đầy đủ, doanh nghiệp sẽ tiếp tục mở rộng sang các nhóm hàng hóa khác.

d) Điều kiện thực hiện

Để triển khai hiệu quả giải pháp này, trước hết doanh nghiệp cần đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo khả năng kết nối và đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống ERP và phần mềm ECUS5-VNACCS. Đồng thời, doanh nghiệp cần chuẩn hóa dữ liệu nội bộ về mã HS, mã nguyên phụ liệu, mô tả hàng hóa và các lỗi khai báo thường gặp để hệ thống có cơ sở phân tích và đưa ra cảnh báo chính xác.

Thêm vào đó, doanh nghiệp cần có sự phối hợp giữa bộ phận Xuất nhập khẩu, phòng Công nghệ thông tin và đơn vị cung cấp phần mềm trong quá trình thiết kế và vận hành chức năng cảnh báo rủi ro. Bộ phận Xuất nhập khẩu sẽ chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu nghiệp vụ và các tình huống sai sót thực tế, trong khi bộ phận kỹ thuật thực hiện xây dựng chức năng kiểm tra và cảnh báo trên hệ thống.

Ngoài yếu tố công nghệ, doanh nghiệp cũng cần tổ chức đào tạo cho nhân viên Xuất nhập khẩu về cách sử dụng hệ thống cảnh báo và quy trình xử lý khi phát sinh lỗi trong quá trình khai báo. Đồng thời, nhân viên cần được cập nhật thường xuyên các quy định mới liên quan đến hải quan, thuế xuất nhập khẩu và quản lý chuyên ngành nhằm đảm bảo dữ liệu khai báo luôn chính xác và phù hợp với quy định hiện hành.

Việc triển khai theo từng giai đoạn sẽ giúp doanh nghiệp giảm áp lực chi phí đầu tư ban đầu, đồng thời thuận lợi hơn trong quá trình kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống trước khi áp dụng trên phạm vi toàn bộ hoạt động nhập khẩu nguyên phụ liệu của doanh nghiệp.

3.3. Kiến nghị

3.5.1 Kiến nghị với Ban giám đốc

Để nâng cao hiệu quả hoạt động khai báo hải quan và hạn chế các sai sót phát sinh từ thao tác thủ công, doanh nghiệp nên đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ quản lý và xử lý chứng từ theo hướng tự động hóa. Việc triển khai công nghệ cần được đi kèm với kế hoạch phân bổ ngân sách hợp lý cho việc nâng cấp hệ thống phần mềm, trang thiết bị và đào tạo nhân sự. Đồng thời, công ty cần chú trọng bồi

dưỡng kỹ năng sử dụng hệ thống cho đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo quá trình vận hành được thống nhất và hiệu quả.

Đồng thời, Ban Giám đốc nên xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ giai đoạn ký kết hợp đồng, xử lý chứng từ, kiểm tra thông tin, khai báo hải quan đến lưu trữ hồ sơ. Việc rà soát thường xuyên sẽ giúp doanh nghiệp phát hiện kịp thời những điểm chưa phù hợp để điều chỉnh và hoàn thiện. Đồng thời, cần ban hành các chính sách khuyến khích nhân viên chủ động đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình, đặc biệt là từ bộ phận Xuất nhập khẩu – nơi trực tiếp thực hiện nghiệp vụ, nhằm nâng cao chất lượng vận hành một cách liên tục và bền vững.

3.5.2 Kiến nghị với Phòng Xuất nhập khẩu

Qua thực tế cho thấy, quy trình khai báo hải quan tại doanh nghiệp vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào thao tác thủ công, đồng thời sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thật sự đồng bộ. Điều này dẫn đến nguy cơ sai sót trong quá trình chuẩn bị, kiểm tra và lưu trữ các chứng từ như C/O, hóa đơn thương mại, packing list, hợp đồng,... từ đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thủ tục.

Để khắc phục tình trạng trên, phòng Xuất nhập khẩu cần tổ chức các buổi đào tạo nội bộ định kỳ nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chứng từ và hướng dẫn chi tiết quy trình xử lý hồ sơ. Nội dung đào tạo nên bao gồm kỹ năng kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ, phân loại tài liệu và lưu trữ khoa học. Đồng thời, cần phân công nhân sự phụ trách theo dõi chất lượng hồ sơ, thực hiện kiểm tra định kỳ, tổng hợp các lỗi phổ biến và đề xuất biện pháp khắc phục theo từng giai đoạn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ở Chương 2, có thể nhận thấy quy trình hiện tại tuy đã được xây dựng tương đối rõ ràng và có ứng dụng các phần mềm hỗ trợ như ERP, ECUS5-VNACCS và VNACCS/VCIS, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện. Công tác kiểm tra chứng từ còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công, việc phối hợp giữa các bộ phận và các bên liên quan chưa thực sự đồng bộ, tiến độ xử lý hồ sơ còn khó kiểm soát và vẫn phát sinh sai sót trong quá trình khai báo hải quan như nhầm mã HS, mã loại hình hoặc thiếu thông tin trên chứng từ. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan, làm phát sinh thêm chi phí lưu kho, lưu bãi và tác động đến tiến độ cung ứng nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất.

Xuất phát từ thực trạng đó, Chương 3 đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ và nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ. Các giải pháp được xây dựng dựa trên những hạn chế thực tế phát sinh tại từng bước trong quy trình nhập khẩu, đặc biệt tập trung vào các công đoạn tiếp nhận chứng từ, khai báo hải quan điện tử, kiểm tra dữ liệu và theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ.

Sau khi áp dụng giải pháp tích hợp và đối chiếu chứng từ trên hệ thống ERP, quy trình xử lý hồ sơ nhập khẩu sẽ được thực hiện theo hướng tự động hóa và đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận. Việc kiểm tra tính thống nhất giữa Invoice, Packing List, Bill of Lading và các chứng từ liên quan không còn phụ thuộc hoàn toàn vào thao tác thủ công của nhân viên như trước đây. Hệ thống ERP có thể tự động cảnh báo sai lệch dữ liệu, hỗ trợ giảm thiểu sai sót trong quá trình khai báo và hạn chế tình trạng sửa đổi hoặc hủy tờ khai.

Chính vì vậy giải pháp xây dựng SLA và Dashboard quản trị tiến độ trên ERP giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn toàn bộ quy trình nhập khẩu theo thời gian thực. Trước khi áp dụng giải pháp, việc theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ chủ yếu thông qua email và trao đổi nội bộ nên khó đánh giá trách nhiệm của từng bộ phận. Sau khi triển khai hệ thống SLA, mỗi công đoạn đều được quy định thời gian xử lý cụ thể và được theo dõi trực tiếp trên Dashboard. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch, tăng khả năng phối hợp giữa các phòng ban và hạn chế tình trạng chậm trễ trong xử lý chứng từ.

Đối với giải pháp tổ chức chương trình tập huấn nghiệp vụ xuất nhập khẩu, doanh nghiệp sẽ nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng cập nhật chính sách hải quan cho đội ngũ nhân viên. Việc đào tạo chuyên sâu giúp hạn chế các sai sót trong khai báo mã HS, mã loại hình và xử lý chứng từ, đồng thời nâng cao khả năng xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thông quan hàng hóa.

Do đó, giải pháp xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro trong khai báo hải quan giúp doanh nghiệp tăng cường khả năng kiểm soát dữ liệu trước khi truyền tờ khai lên hệ thống VNACCS/VCIS. Hệ thống cảnh báo tự động sẽ hỗ trợ phát hiện sớm các lỗi liên quan đến mã HS, trị giá khai báo, điều kiện giao hàng hoặc sự chênh lệch thông tin giữa các chứng từ. Qua đó góp phần giảm nguy cơ bị phân luồng vàng, luồng đỏ và hạn chế phát sinh chi phí liên quan đến kiểm hóa hoặc lưu kho bãi.

Qua đó các giải pháp được đề xuất không chỉ khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu nguyên phụ liệu tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản trị xuất nhập khẩu theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp hơn. Việc ứng dụng công nghệ vào quản lý chứng từ, kiểm soát tiến độ và cảnh báo rủi ro giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm tỷ lệ sai sót trong khai báo, tối ưu chi phí logistics và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận.

Bên cạnh hiệu quả về mặt nghiệp vụ, các giải pháp còn tạo nên tầm quan trọng cho quá trình chuyển đổi số trong hoạt động logistics và quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Đây sẽ là cơ sở để Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng thích ứng với xu hướng hiện đại hóa hải quan và đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay

KẾT LUẬN CHUNG

Hiện nay, trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng phát triển sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ chú trọng mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn quan tâm hoàn thiện quy trình vận hành và nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất, việc tổ chức tốt hoạt động logistics và xử lý chứng từ xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tiến độ giao hàng, kiểm soát chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ. Là một doanh nghiệp có vị thế trong ngành dệt may, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ luôn quan tâm cải thiện hiệu quả hoạt động xuất khẩu nhằm củng cố năng lực cạnh tranh và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường.

Là sinh viên chuyên ngành Quản trị Chuỗi cung ứng và Logistics, em đã lựa chọn thực tập tại vị trí Thực tập sinh xuất nhập khẩu nhằm tích lũy kinh nghiệm thực tế và vận dụng kiến thức đã học vào môi trường doanh nghiệp. Trong gần bốn tháng thực tập tại công ty, em có cơ hội làm việc trực tiếp với các anh/chị trong phòng Xuất nhập khẩu, từ đó được tiếp cận và hỗ trợ nhiều công đoạn như kiểm tra, đối chiếu chứng từ, khai báo hải quan, nhập liệu thông tin và lưu trữ hồ sơ. Những trải nghiệm này giúp em hiểu rõ hơn quy trình nghiệp vụ cũng như yêu cầu về tính chính xác và sự phối hợp trong công việc.

Qua thời gian thực tập, em không chỉ hệ thống lại những kiến thức đã học mà còn phát triển tư duy tổng thể, nâng cao khả năng phân tích và rèn luyện tinh thần trách nhiệm trong công việc. Những trải nghiệm thực tế giúp em hiểu rõ hơn yêu cầu về tính cẩn thận, logic và sự chủ động khi tham gia vào các hoạt động nghiệp vụ. Mặc dù thời gian thực tập không dài, nhưng đó là khoảng thời gian ý nghĩa, giúp em tích lũy kinh nghiệm thực tế, định hình rõ hơn mục tiêu nghề nghiệp và chuẩn bị tốt hơn cho quá trình chuyển từ môi trường học tập sang môi trường làm việc chuyên nghiệp.

PHỤ LỤC CÁC MINH CHỨNG

Phụ lục 1: Sử dụng Phần mềm khai báo hải quan ECUS5-VNACCS

ECUS5-VNACCS 2018 (Electronic Customs Service) Version 8.0.2.03 LaptopUser 05/04/2020 (Personal Version) - Tờ khai nhập khẩu - Import declaration

Trạng thái: Chưa khai báo
Phân luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin từ khai tử Hải quan (IDB)
2. Khai trước thông tin từ khai (IDA)
3. Khai chính thức từ khai (IDC)
4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
5.1 Lấy thông tin từ khai để sửa (IDD)
5.2 Khai trước thông tin từ khai sửa (IDA01)
5.3 Khai chính thức từ khai sửa (IDE)
5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
6. Xem thông tin từ khai tử Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ

Nội dung thông điệp nghiệp vụ: Nhập liệu thông tin từ khai (nếu có). Trường hợp nhập liệu tại chỗ theo chỉ định của người xuất khẩu nước ngoài thì nhập tên người được chỉ định giao hàng tại Việt Nam.

Thông tin chung Thông tin chung 2 Danh sách hàng Chi thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

F4: Nhập hàng chi mã - F5: Copy 1 dòng hàng - F6: Nhập từ file Excel - F8: Xóa 1 dòng hàng - F9: Chọn hàng từ danh mục - F11: Xóa tất cả
F12: Thêm mới - F13: Chỉ tiết - F14: Xóa - F15: Thêm tập cột dữ liệu - F16: Phân tử giá - F17: Tệp ảnh - F18: Lưu nhập - F19: Nhập nguồn gốc

STT	Mã hàng	Tên hàng (mã số chi)	Đơn giá tính thuế	Trị giá tính thuế	Mã biểu thuế NK	TS (M/C/L)	Tân thuế NK	Mã biểu thuế TTĐB	Thuế suất TTĐB	Mã B
1	VAC10PBD	VAC10PBD	100	100	B01	1	100	1	1	1

Tổng TGD: 496 Tổng TGT: 8 Tổng thuế: 200 Tổng thuế suất: 200

Đơn vị nhập khẩu: 040101010 - Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ - CSN: SCL: vnk.haithu.com.vn/040101010/ECUS5VNACCS - Tên đăng nhập: nhuthu

Tờ khai nhập khẩu - Import declaration

Trạng thái: Đang thêm mới
Phân luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin từ khai tử Hải quan (IDB)
2. Khai trước thông tin từ khai (IDA)
3. Khai chính thức từ khai (IDC)
4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
5.1 Lấy thông tin từ khai để sửa (IDD)
5.2 Khai trước thông tin từ khai sửa (IDA01)
5.3 Khai chính thức từ khai sửa (IDE)
5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
6. Xem thông tin từ khai tử Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ

Nội dung thông điệp nghiệp vụ: Nhập liệu thông tin từ khai (nếu có). Trường hợp nhập liệu tại chỗ theo chỉ định của người xuất khẩu nước ngoài thì nhập tên người được chỉ định giao hàng tại Việt Nam.

Thông tin chung Thông tin chung 2 Danh sách hàng Chi thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

Nhóm loại hình: Kinh doanh, đầu tư Sản xuất xuất khẩu Gia công Chế xuất

Số tờ khai: STT: Số tờ khai đầu tiên: Số nhánh: Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng: Mã loại hình: E31 Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu Mã phân loại hàng hóa: Cơ quan Hải quan: 34NG Hải quan khu công nghiệp Đà Nẵng Phân loại cá nhân/tổ chức: 4 Ngày khai báo (tự kiến): 24/03/2026 Mã bộ phận xử lý tờ khai: 00 Thời hạn tái xuất: Mã hiệu phương thức vận chuyển: 2

Đơn vị xuất nhập khẩu

Người nhập khẩu: Mã: Tên: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ Mã bưu chính: Địa chỉ: 36 Ông Ich Đường, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại: 02363846290 Người ủy thác nhập khẩu: Mã: Tên: Người xuất khẩu: Mã: Tên: AVERY DENNISON HONG KONG B.V. Mã bưu chính:

Gửi góp ý...

Tờ khai nhập khẩu - Import declaration

Trạng thái: Đang thêm mới
Phân luồng: Xanh Vàng Đỏ

1. Lấy thông tin từ khai tử Hải quan (IDB)
2. Khai trước thông tin từ khai (IDA)
3. Khai chính thức từ khai (IDC)
4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan
5.1 Lấy thông tin từ khai để sửa (IDD)
5.2 Khai trước thông tin từ khai sửa (IDA01)
5.3 Khai chính thức từ khai sửa (IDE)
5.4 Lấy kết quả phân luồng, thông quan sửa
6. Xem thông tin từ khai tử Hải quan (ID)

Hướng dẫn nhập liệu Thông điệp nghiệp vụ

Nội dung thông điệp nghiệp vụ: Nhập liệu thông tin từ khai (nếu có). Trường hợp nhập liệu tại chỗ theo chỉ định của người xuất khẩu nước ngoài thì nhập tên người được chỉ định giao hàng tại Việt Nam.

Thông tin chung Thông tin chung 2 Danh sách hàng Chi thị của Hải quan Kết quả xử lý tờ khai Quản lý tờ khai

Hàng hóa nhập khẩu

Phân loại hình thức hóa đơn: Hóa đơn thương mại Số tiếp nhận hàng hóa đơn: Ngày phát hành: Mã phân loại hàng hóa: Tổng trị giá hàng hóa: 5.8485 Mã phân loại khai trị giá: Mã tiền tệ: Các khoản điều chỉnh: Phí vận chuyển: Mã loại: Mã tiền: VND Phí VC: 2.1532 Phí bảo hiểm: Mã loại: Mã tiền: VND Phí BH: 261.24 Số đăng ký: Mã tiền: Mã phân loại: Mã đồng tiền: Tỷ giá khoản điều chỉnh: Tổng hệ số phân bổ: (1) (2) (3) (4) (5)

Chi tiết khai trị giá: PHUONG THUC THANH TOAN: TT

Tổng hệ số phân bổ trị giá: Người nộp thuế: Thuế và bảo lãnh

Gửi góp ý...

Phụ lục 2: Đọc hiểu, kiểm tra đối chiếu thông tin bộ chứng từ

Website : www.hoatho.com.vn

COMMERCIAL INVOICE						
Seller: HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION 36 ONG ICH DUONG STREET, CAM LE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM			Invoice No. and date: 2502971 07-Nov-25			
Consignee: MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED 25A, UNITED CENTRE, 95 QUEENSWAY, ADMIRALTY, HONGKONG			Invoice to: MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED 25A, UNITED CENTRE, 95 QUEENSWAY, ADMIRALTY, HONGKONG			
Notify party: Alba Wheels Up Int. 1 East Lincoln Ave. Valley Stream, NY 11580 TEL: 718 - 807 - 3111 EMAIL: GIII@ALBAWHEELSUP.COM			Term of payment: TT 45 days after receiving full set of shipping documents			
FROM VUNG TAU, VIET NA VESSEL C HAMBURG GU544			TO: NEW YORK, US DEPARTURE DATE 16-Nov-25			
MID CODE: VNHOATEX36DAN			Bank account information:			
Term of delivery FOB DA NANG PORT, VIET NAM			Unit price (FOB)			
No.	Description of good	Style No.	PO No.	Quantity (PCS)	Unit price (USD/PC)	Amount (USD)
1	MEN'S PANTS	MGRP-V2Y0003	4900139888	6,408	8.01	51,328.08
2	MEN'S JACKET	MCXX1-7AX0154	4900148794	798	19.70	15,720.60
3	MEN'S PANTS	AWNDR2B0123	4900149080	2,111	7.73	16,318.03
4	MEN'S PANTS	AWNDR2B0260	4900149242	608	8.77	5,332.16
5	MEN'S PANTS	AWNDR2B0252	4900149247	378	9.19	3,473.82

HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION
 Add : 36 ONG ICH DUONG STREET, CAM LE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM
 Tel : 84.236.3846290 * Fax : 84.236.3846216
 Website : www.hoatho.com.vn

PACKING LIST								
Seller: HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION 36 ONG ICH DUONG STREET, CAM LE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM			Invoice No. and date: 2502971 07-Nov-25					
Consignee: MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED 25A, UNITED CENTRE, 95 QUEENSWAY, ADMIRALTY, HONGKONG			Invoice to: MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED 25A, UNITED CENTRE, 95 QUEENSWAY, ADMIRALTY, HONGKONG					
Notify party: Alba Wheels Up Int. 1 East Lincoln Ave. Valley Stream, NY 11580 TEL: 718 - 807 - 3111 EMAIL: GIII@ALBAWHEELSUP.COM			Term of payment: TT 45 days after receiving full set of shipping documents					
FROM VUNG TAU, VIET NA VESSEL C HAMBURG GU544			TO: NEW YORK, US DEPARTURE DATE 16-Nov-25					
Price Term: FOB DA NANG PORT, VIET NAM Mode of transport: SEA B/L: MID CODE: VNHOATEX36DAN			Bank account information:					
No.	Description of goods	PO No.	Style No.	Quantity (PCS)	Cartons	Net Weight (KGS)	Gross Weight (KGS)	Measurement (M)
1	MEN'S PANTS	4900139888	MGRP-V2Y0003	6,408	534	3,204.00	3,844.80	
2	MEN'S JACKET	4900148794	MCXX1-7AX0154	798	72	558.60	702.60	
3	MEN'S PANTS	4900149080	AWNDR2B0123	2,111	92	1,055.50	1,165.90	
4	MEN'S PANTS	4900149242	AWNDR2B0260	608	35	304.00	346.00	
5	MEN'S PANTS	4900149247	AWNDR2B0252	378	27	189.00	221.40	
TOTAL				10,303	780	5,311.10	6,280.70	

Manufacturer: HOA THO TEXTILE - GARMENT JOINT STOCK CORPORATION
 36 ONG ICH DUONG STREET, CAM LE WARD, DA NANG CITY, VIETNAM
 CO PHAN HOA THO
 DET MAY
 HOA THO
 RINH DOANH MAY 3
 Hoàng Thị Thuý

Shipper: HOA THO TEXTILE GARMENT JOINT STOCK CORPORATION
 36 ONG ICH DUONG ST., CAM LE WARD, DA NANG, VIETNAM

Consignee: MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED
 25A, UNITED CENTRE, 95 QUEENSWAY, ADMIRALTY, HONGKONG

Notify party: ALBA WHEELS UP INT.
 1 EAST LINCOLN AVE. VALLEY STREAM, NY 11580
 DIRECT PHONE: (718) 807-3153
 EMAIL: IMPRKGROUP@ALBAWHEELSUP.COM
 TEL: (718) 807-3153

Place of receipt: HO CHI MINH
 Part of loading: C/H MHP
 Gross Weight: GU544W
 Port of discharge: NEW YORK, NY

Place of delivery: NEW YORK, NY

Final Destination for information only: ESKO, INC
 TEL: 626-213-3289

IT INTERNATIONAL TRANSPORTATION INC.
 RECEIVED by the Carrier the Goods as specified above in apparent good order and condition, unless otherwise stated, to be transported to each place as agreed, without or without transshipment and subject to all the terms and conditions appearing on the front and reverse of the Bill of Lading to which the Merchant agrees by signing this Bill of Lading, any and all conditions and customs notwithstanding. The preliminary gross weight is as stated by the shipper and the weight, measure, quantity, condition, contents and value of the goods are unknown to the carrier. One of the original Bills of Lading shall be presented to the carrier on his right of destination before the cargo shall be released.

Freight and Charges: SVC-TYPE: CY-CY
 SAY TOTAL PART OF ONE(1) FORTY FEET HIGH CUBE CONTAINER ONLY.

Temperature Control Instructions: (Excess Value Declaration Refer to Clause 4 (b) + (c) on reverse side)

EX Rate: HOCHIMINH, VN
 Total prepaid in local currency: THREE(3)
 Date: NOV. 15, 2025
 Landed on board the Vessel: By

Place and date of issue: HOCHIMINH, VN, NOV. 15, 2025
 No. of original bills: THREE(3)
 IT INTERNATIONAL TRANSPORTATION INC.
 By: ITI LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.
 As Agent for the Carrier
 ITI INTERNATIONAL TRANSPORTATION INC.

Phụ lục 3: Kiểm tra, đối chiếu, nhập liệu thông tin chứng từ

STT	LOẠI TK	THÀ NG	SỐ TK	Ngày ĐK	Mã loại hình	Tên đối tác	Vận đơn	Số lượng	Số hóa đơn TM	Số hồ sơ TK	U khai
1	SXXK	1	106849609200	02/01/20226	E31	FREUDENBERG & VILENE INTERLINING	271224SIGSHDA2000064	21.0	HOA2443	HOAI THUONG KDS	Root
2	SXXK	1	106850069760	02/01/20226	E31	SUZHOU QUENDOM IMP.AND EXP.CO	271224AGL241245621	22.0	PC240190-MOTIVES	TRAN NGOC NHUT KD2	nhut
3	SXXK	1	106849745110	02/01/20226	E31	TAG-IT PACIFIC LTD	41630862306	3.0	CP06774	TRAN NGOC NHUT KD5	nhut
4	SXXK	1	106850606000	02/01/20226	E31	MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG)	191124M24EXL30255VNSG N	72.0	FE645-FE647-FE660-FE661	TRAN NGOC NHUT KD3	nhut
5	SXXK	1	106850303120	02/01/20226	E31	RUDHOLM & HAAK (H.K) LTD	291224HKGDAD327179	27.0	088035-36-37-38-39-40-41	TRAN NGOC NHUT KD4	nhut
6	SXXK	1	106851791800	02/01/20226	E31	FREUDENBERG & VILENE INTERNATIONAL	271224SIGSHDA2000064G	212.0	S509214602	HOAI THUONG KDS	Root

FileHomeInsertDrawPage LayoutFormulasDataReviewViewHelpFont PDFTell me what you want to doShare

ClipboardFontAlignmentNumberStylesCellsEditingAdd-ins

GeneralConditional FormattingFormat as TableCell StylesInsertDeleteFormatAutoSumFillSort & Find & SelectAdd-ins

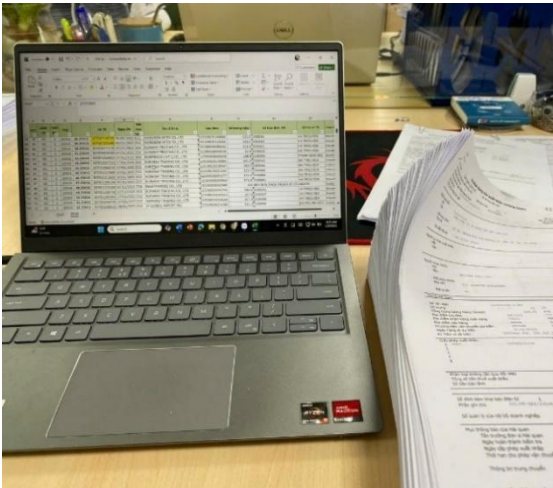
M710

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S
1	Thùng nhôm	th	STT	Sender	Bill FedEx	Số Hóa đơn	Ngày HD	Contact name	Đơn vị	Số booking	Hàng/Mẫu	Số phiếu nhập	tiền FedEx đã có	VAT	Thuế khác	Thành tiền	Thuế	
682					887320009126	"	"						2.726.547					
683					887356823085	"	"						4.268.771					
684					887363068470	"	"						1.966.023					
685					887389676328	"	"						3.098.348					
686					887390625526	"	"						5.941.870					
687																		
688					887501082070	00002477	12/01						5.878.941					
689																		
690					648354645755	00002529	12/01						787.755					
691					886762183057	"	"						1.806.498					
692					887358109291	"	"						3.718.017					
693					887413530766	"	"						515.566					
694					887413805660	"	"						3.490.476					
695					887458697455	"	"						3.810.885					
696					887464079054	"	"						1.207.364					
697					887495926499	"	"						3.810.885					
698					887504863098	"	"						3.490.476					
699					887529323749	"	"						847.420					
700					887529727259	"	"						861.160					
701					887531287379	"	"						1.039.921					
702					887613319842	"	"						558.995					
703																		

Sheet1

ReadyAccessibility Insights

Phụ lục 4: Scan, sắp xếp, lưu trữ bộ chứng từ



Phụ lục 5: Chuyên hồ sơ, báo cáo truyền đạt thông tin với phòng Kế toán

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Số: 260/1953

TỔNG CÔNG TY CP ĐỆM MAY HÒA THỦY
PHÒNG XUẤT NHIỆM KẾ MẠY

Kính gửi: **Tổng Giám đốc TCT CP Đệm May Hòa Thủy**
Phòng Tài Chính Kế Toán

Kính đề nghị Tổng Giám đốc, Phòng TCKT Tổng Công ty đánh toán cho
CÔNG TY TNHH FEDEX EXPRESS VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã khách hàng: **YNTHCM**
Số đơn: **13.543.56.7.000**
Hàng hóa: **Mua và vận chuyển từ kho của đơn vị vận chuyển đến, không tự hàng hóa**
Và khác:

STT	Hóa đơn số	Ngày	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng cộng	Giá trị thuế GTGT
1	00010787	11/02/2015	249.916	0	249.916	451.820
2	00010589	12/02/2015	451.820	0	451.820	1.263.256
3	00012077	23/02/2015	11.70.135	0	11.70.135	11.577.000
4	00012602	23/02/2015	10.739.530	857.502	11.597.032	13.543.56

TỔNG CỘNG

Chuyển khoản
2608894615717
Customee N.A. Viet Nam
Tầng 12A, Tầng 12B, Tòa nhà Horizon, 40 Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận Bình Tân, Hồ Chí Minh
Ngân hàng Viet Nam
CĐTDVN
Công ty TNHH FedEx Express Việt Nam
Số tài khoản: 16032056
"Tôi cam kết và được nhận tiền mặt từ đơn vị xuất hóa đơn và chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý về việc thanh toán và được KTC quan tâm giải quyết."

Đã chi tiền hàng:
Số tiền: _____
Tên người trả hàng: _____
Thủ trưởng đơn vị: _____
Ký và ghi rõ họ tên: _____
Chức vụ: _____

Ngày 22 tháng 02 năm 2015
(Đã ký)
Trần Thị Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KT Thanh Toán

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn bản pháp luật:

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*, Hà Nội.
2. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13*, Hà Nội.
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2016), *Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13*, Hà Nội.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2016), *Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2018), *Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC*, Hà Nội.

Giáo trình – Sách chuyên ngành

1. TH.S Trần Thị Hải, *Giáo trình Kinh doanh Xuất nhập khẩu*, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (2024), Đà Nẵng.
2. PGS.TS Đoàn Thị Hồng Vân (2021), *Quản trị xuất nhập khẩu*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
3. GS.TS Võ Thanh Thu (2020), *Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu*, NXB Tài chính, TP. Hồ Chí Minh.
4. TS Nguyễn Như Tiến (2019), *Giáo trình Nghiệp vụ hải quan*, NXB Tài chính, Hà Nội.
5. PGS.TS Nguyễn Văn Công (2022), *Logistics và vận tải quốc tế*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Bài báo khoa học

1. Trần Quốc Bảo (2022), “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thủ tục hải quan điện tử”, *Tạp chí Công Thương*, số 18.

2. Lê Hoàng Nam và Nguyễn Thị Thu Hà (2021), “Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 25.

Website

1. Tổng cục Hải quan Việt Nam, được truy lục từ: <https://www.customs.gov.vn>
2. Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, được truy lục từ: <https://hoatho.com.vn>
3. Bộ Tài chính, được truy lục từ: <https://www.mof.gov.vn>
4. Cổng thông tin pháp luật Việt Nam, được truy lục từ: <https://thuvienphapluat.vn>
5. Tổng cục Thống kê Việt Nam, được truy lục từ: <https://www.gso.gov.vn>
6. ECUS5VNACCS2018. (2016). Được truy lục từ: <https://help.ecus.net.vn/Thongbaonangcap-07012026.html?utm>
7. Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ. (2023). Báo cáo thường niên. Được truy lục từ: https://static2.vietstock.vn/data/HNX/2022/BCTN/VN/HTG_Baocaothuongnien_2022.pdf
8. Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ. (2024). Báo cáo thường niên. Được truy lục từ: https://static2.vietstock.vn/vietstock/2024/3/27/20240327_20240327__htg__baocaothuongnien_nam_2023.pdf
9. Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ. (2025). Báo cáo thường niên. Được truy lục từ: https://static2.vietstock.vn/data/HOSE/2024/BCTN/VN/HTG_Baocaothuongnien_2024.pdf

Báo cáo doanh nghiệp

1. Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 và 2025, Tài liệu nội bộ phòng Xuất nhập khẩu*, Đà Nẵng.

Kỷ yếu hội thảo

1. Bộ Công Thương (2023), *Kỷ yếu Hội thảo Logistics và Chuỗi cung ứng Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số*, Hà Nội.
2. Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics Việt Nam (VLA) (2024), *Kỷ yếu Hội thảo phát triển logistics xanh tại Việt Nam*, TP. Hồ Chí Minh.

Ebook

1. David Pierre (2021), *International Logistics and Supply Chain Management*, Ebook Edition, Pearson Education.
2. Douglas Long (2020), *International Logistics: Global Supply Chain Management*, Ebook Edition, Springer Publishing.

Tài liệu quốc tế

2. International Chamber of Commerce – ICC (2020), *Incoterms 2020*.